

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ**

**NHÀ MÁY CƠ KHÍ SẢN XUẤT ĐỒ
DÙNG GIA ĐÌNH BẰNG KIM LOẠI**

**Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.**

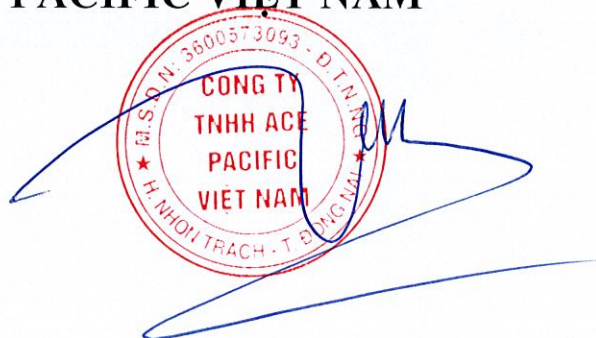
Đồng Nai, tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ

NHÀ MÁY CƠ KHÍ SẢN XUẤT ĐỒ DÙNG GIA ĐÌNH BẰNG KIM LOẠI

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1,
xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH ACE
PACIFIC VIỆT NAM**



NGUYỄN THI THANH CHÂU

Đồng Nai, tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG BIỂU	v
DANH MỤC HÌNH VẼ	vi
CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	2
3.1. Công suất của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	8
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu hóa chất sử dụng của cơ sở.....	8
4.2. Nhu cầu lao động của cơ sở	9
4.3. Nhu cầu cấp điện cơ sở	9
4.4. Nhu cầu cấp nước cơ sở	9
4.5. Cân bằng vật chất cơ sở	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	14
5.1. Xuất xứ của cơ sở.....	14
5.2. Căn cứ pháp lý.....	14
5.3. Vị trí địa lý của cơ sở	14
5.4. Hạng mục công trình của cơ sở.....	17
5.5. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	17
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,	19
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	19
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	19
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	21
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước.....	21

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	23
2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại của địa phương	23
CHƯƠNG III.....	25
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	25
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	25
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	25
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25
1.2. Thu gom, thoát nước thải	26
1.3. Xử lý nước thải.....	28
2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	34
2.1. Công trình xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện	34
2.2. Khói hàn từ quá trình gia công sản phẩm	36
2.3. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở.....	36
2.4. Giảm thiểu mùi từ khu vực tập kết rác, mùi từ hệ thống xử lý nước thải.....	37
3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	38
3.1. Chất thải sinh hoạt.....	38
3.2. Chất thải sản xuất thông thường	39
4. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	41
5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	44
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	44
7. Các nội dung thay đổi so với phiếu xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường	53
CHƯƠNG IV.....	55
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	55
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	55
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	55
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	55
1.3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải.....	55
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	56
2.1. Nguồn phát sinh khí thải	56

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải	56
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn độ rung	57
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	57
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	57
3.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng tiêu chí	57
CHƯƠNG V	58
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	58
2. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở	58
CHƯƠNG VI	59
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH	59
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	59
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	59
1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm đã thực hiện	59
1.2. Kết quả quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	59
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định pháp luật ..	60
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	60
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	60
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	61
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	61
CHƯƠNG VII	62
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	62
PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO	64

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
COD	Nhu cầu oxy hóa học
DO	Oxy hòa tan trong nước
HTXL	Hệ thống xử lý
KCN	Khu công nghiệp
KPH	Không phát hiện
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT	Tài nguyên Môi trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1 Mục tiêu công suất của cơ sở	2
Bảng 1.2 Danh mục nguyên nhiên vật liệu, hóa chất phục vụ cơ sở	8
Bảng 1.3 Tổng hợp nhu cầu dùng nước của cơ sở	10
Bảng 1.4 Tổng hợp về cân bằng vật chất của cơ sở	11
Bảng 1.5 Tổng hợp về cân bằng nước của cơ sở	12
Bảng 1.6 Tọa độ các điểm không chế vị trí khu đất	15
Bảng 1.7 Hạng mục công trình của cơ sở	17
Bảng 1.8 Danh sách máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất	17
Bảng 2.1 Khối lượng hệ thống thu gom nước thải đã xây dựng	21
Bảng 2.2 Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống XLNT tập trung	22
Bảng 3.1 Hóa chất sử dụng cho hệ thống XLNT 10 m3/ngày.đêm	31
Bảng 3.2 Kích thước các hạng mục công trình trong HTXL 10 m3/ngày.đêm	32
Bảng 3.3 Máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý 10 m3/ngày.đêm	32
Bảng 3.4 Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi sơn tĩnh điện	36
Bảng 3.5 Tổng hợp chất thải rắn không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy	40
Bảng 3.6 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	42
Bảng 3.7 Bảng tổng hợp nội dung thay đổi so với Quyết định đã được phê duyệt	54
Bảng 4.1 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải ...	55
Bảng 4.2 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của dòng khí thải	56
Bảng 4.3 Giá trị giới hạn tiếng ồn xung quanh	57
Bảng 4.4 Giá trị giới hạn độ rung phát sinh của cơ sở	57
Bảng 5.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	58
Bảng 6.1 Kế hoạch lấy mẫu giai đoạn vận hành thử nghiệm	59
Bảng 6.2 Tổng kinh phí giám sát chất lượng môi trường cơ sở	61

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1 Quy trình sản xuất sản phẩm của cơ sở.	3
Hình 1.2 Hình ảnh nguyên liệu ống sắt sử dụng tại cơ sở.	4
Hình 1.3 Máy cắt tự động và bán tự động chuyên dụng sử dụng tại cơ sở.	4
Hình 1.4 Công đoạn dập tại nhà máy.	5
Hình 1.5 Công đoạn hàn tại nhà máy.	5
Hình 1.6 Quy trình làm sạch bề mặt kim loại.	6
Hình 1.7 Hình ảnh kho chứa hàng tại nhà máy.	7
Hình 1.8 Một số sản phẩm sản xuất tại cơ sở.	8
Hình 1.9 Bản đồ vị trí cơ sở.	15
Hình 1.10 Sơ đồ vị trí cơ sở và mối tương quan với các đối tượng xung quanh.	16
Hình 3.1 Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của nhà máy.	25
Hình 3.2 Bể tự hoại 03 ngăn.	26
Hình 3.3 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày.đêm.	29
Hình 3.4 Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy.	34
Hình 3.5 Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi sơn tĩnh điện.	35
Hình 3.6 Sơ đồ thu gom rác sinh hoạt.	38
Hình 3.7 Kho chứa rác sinh hoạt tại nhà máy.	38
Hình 3.8 Sơ đồ quản lý chất thải sản xuất thông thường của cơ sở.	40
Hình 3.9 Kho chứa chất thải sản xuất thông thường của nhà máy.	41
Hình 3.10 Sơ đồ quản lý chất thải nguy hại của nhà máy.	42
Hình 3.11 Kho chứa chất thải nguy hại của nhà máy.	43

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACE PACIFIC VIETNAM LTD
- Địa chỉ văn phòng: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Người đại diện pháp luật: **(Bà) NGUYỄN THỊ THANH CHÂU**
- Chức danh: Giám đốc.
- Điện thoại: 02513.560.873/874
- Fax: 02513.560.872
- E – mail:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600573093, đăng ký lần đầu ngày 25/07/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/02/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 1021285673 cấp lần đầu ngày 25/07/2002; thay đổi lần thứ tư ngày 26/04/2011; thay đổi lần thứ bảy ngày 19/08/2013; thay đổi lần thứ tám ngày 25/01/2022 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

2. Tên cơ sở

“Nhà máy cơ khí sản xuất đồ dùng gia đình bằng kim loại”

- Địa điểm cơ sở: tại Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Cơ sở được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp Phiếu xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1574/BĐK-KHCNMT-MTg ngày 09/12/2002 cho Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam.
- Hiện tại Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam đã điều chỉnh tên thành Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472023000434, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 15/11/2011.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở: Ban quản lý các Khu công nghiệp.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
 - + Căn cứ vào khoản 4 điều 11 luật số 58/2024/QH15 Luật Đầu Tư Công được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2024 thì: Với tổng vốn đầu tư của toàn cơ sở là

67.940.000.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng) tương đương 3.800.000 Đô La Mỹ → **nhóm C**.

+ Cơ sở không thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Căn cứ vào mục III, số thứ tự 3 phụ lục V Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ → **nhóm III**.

→ Cơ sở phải thực hiện Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể gồm: Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường theo mẫu đơn tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Cơ sở sản xuất các loại dụng cụ ăn, nấu ăn và đồ dùng gia đình bằng kim loại (không bao gồm công đoạn xi mạ) 500.000 sản phẩm/năm và thực hiện hoạt động sơn tĩnh điện 400 tấn sản phẩm/năm.

❖ Mục tiêu và công nghệ của cơ sở

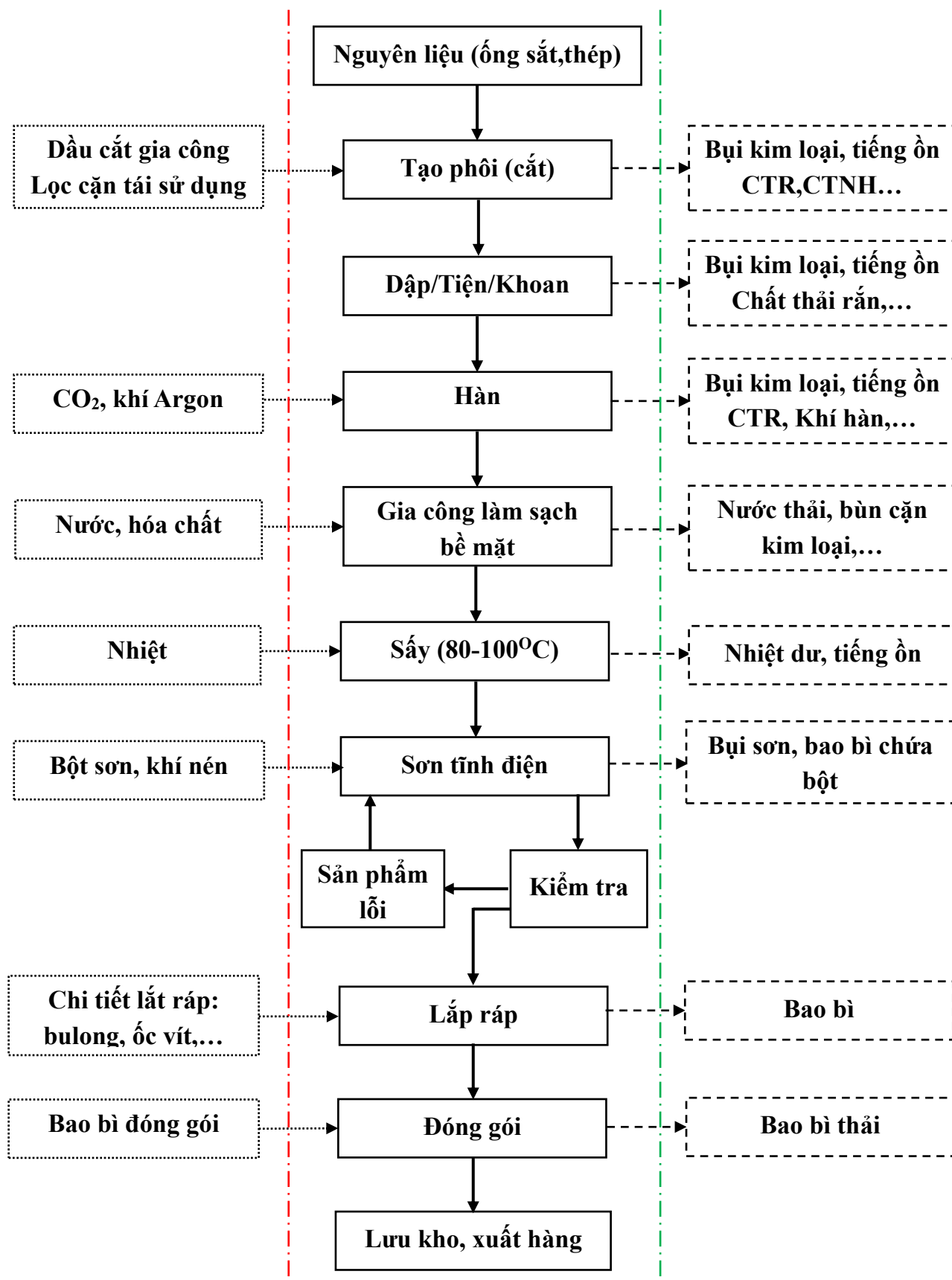
Bảng 1.1 Mục tiêu công suất của cơ sở

STT	Mục tiêu hoạt động	Công suất (sản phẩm/năm)	Quy đổi (tấn sản phẩm/năm)
1	Ghế ngồi đánh đàn	10.000	30
2	Giá để đàn	55.000	275
3	Đế xoay, thanh sắt	15.000	28
4	Giá để đĩa	4.000	20
5	Gia công	3.000	9,8

Ghi chú: Đối với 2 mục tiêu sản xuất đồ dùng gia đình và phụ kiện đồ dùng gia đình bằng nhựa (thau, chậu, rổ, rá, bình thủy, tủ đồ em bé, kệ, bàn, ghế...) và sản xuất dây đai, dây đeo các loại và các phụ kiện kèm theo được đăng ký trong giấy chứng nhận đầu tư Công ty chưa thực hiện do đó không đề xuất cấp phép trong báo cáo này.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

❖ Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tại nhà máy như sau



Hình 1.1 Quy trình sản xuất sản phẩm của cơ sở.

Thuyết minh quy trình sản xuất tại cơ sở

1. Nguyên liệu thô đầu vào: Nguyên liệu thô đầu vào sẽ được kiểm tra đạt tiêu chuẩn (ASTMA234) – tiêu chuẩn phụ kiện ống thép; không có vết lõm hoặc vết trầy xước lớn trên bề mặt nguyên liệu thô; kiểm tra giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng của nguyên liệu thô của lô hàng (số nhiệt, thông số kỹ thuật, nhà sản xuất, tiêu chuẩn thi công, v.v.); nguyên liệu thô phải được kiểm tra kích thước (đường kính, độ dày thành); về số lô và thông số kỹ thuật. Kết quả thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn quy định.



Hình 1.2 Hình ảnh nguyên liệu ống sắt sử dụng tại cơ sở.

2. Quy trình tạo phôi: Nguyên liệu sau khi được kiểm tra đạt chất lượng sản phẩm sẽ được chuyển qua công đoạn tạo phôi. Trong quy trình này, tùy thuộc vào thiết kế của mỗi loại sản phẩm mà sắt, thép sẽ được đưa vào máy cắt để định hình kích thước theo thiết kế. Quá trình cắt được thực hiện bằng máy cắt tự động và bán tự động, máy cắt sử dụng tại dự án là máy cắt tự động chuyên dụng có bố trí đường ống dẫn dầu cắt được phun liên tục lên lưỡi cắt với mục đích bôi trơn, giảm thiểu ma sát, nhiệt độ, mảnh vụn và bụi kim loại tạo ra trong quá trình cắt (Dung dịch dầu cắt/làm mát được dự án pha với tỷ lệ 1/9). Các mảnh kim loại phát sinh sẽ được thu gom với dung dịch cắt, sau đó sẽ được lọc và tách mảnh kim loại và dung dịch cắt (Được lọc tách bằng màng lọc kim loại được bố trí tại máy cắt).

Dung dịch dầu cắt/làm mát sẽ được tái sử dụng sau quá trình lọc tách mảnh kim loại mà không thải bỏ, mảnh kim loại trong quá trình lọc tách sẽ được thu gom thành chất thải nguy hại. Định kỳ lưu lượng dầu cắt/làm mát bổ sung hao hụt 3 – 10 lít/ngày.



Hình 1.3 Máy cắt tự động và bán tự động chuyên dụng sử dụng tại cơ sở.

3. Công đoạn gia công: dập, tiện, khoan

Các nguyên liệu sau khi cắt sẽ được đưa sang xưởng gia công cơ khí. Tại đây, sẽ được dập/tiện/khoan,... tùy thuộc vào từng loại sản phẩm.



Hình 1.4 Công đoạn dập tại nhà máy.

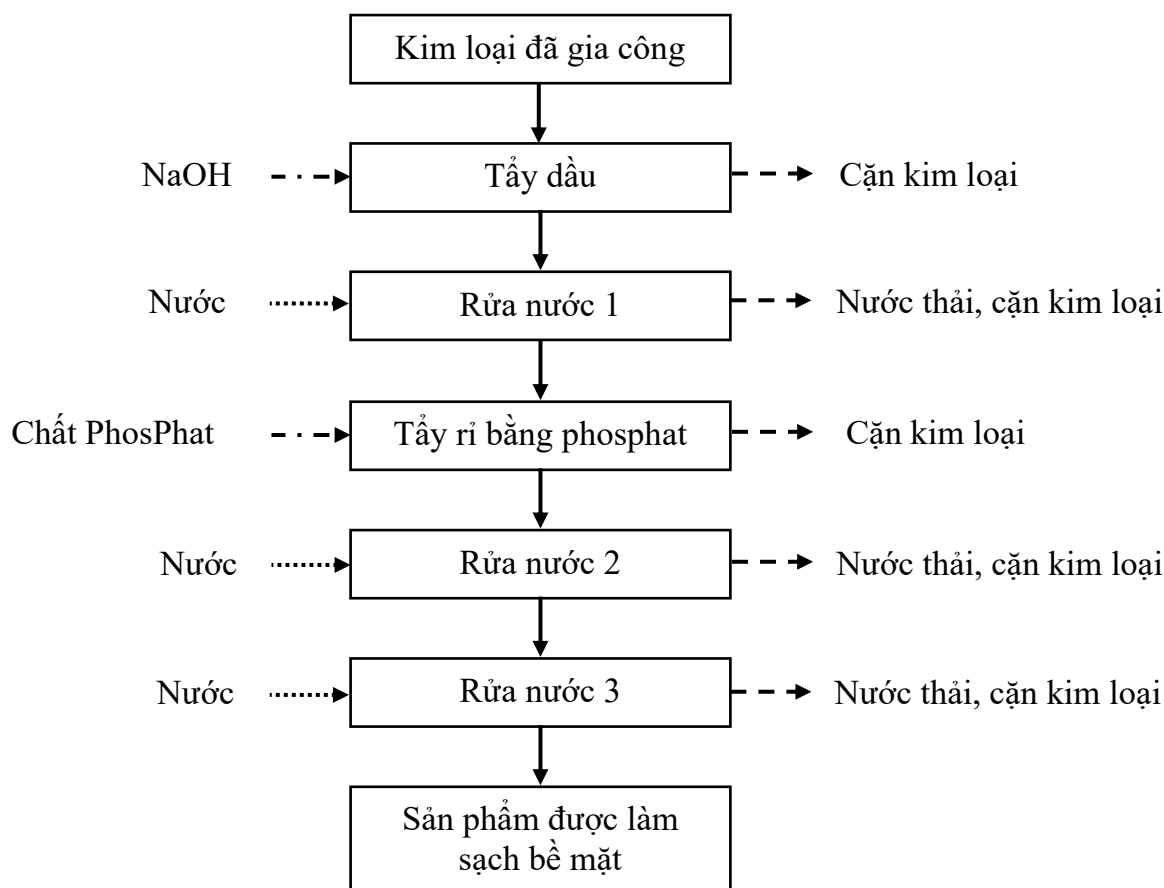
4. Công đoạn hàn: Là công đoạn được thực hiện để các thành phần của cấu kiện kết dính với nhau thông qua việc sử dụng phương pháp hàn hồ quang điện với nhiệt độ hơn 1200°C, khí bảo vệ được sử dụng là khí CO₂ (đối với hàn sắt) và khí argon (đối với hàn nhôm). Hai mép của thanh kim loại định hình được nấu chảy và dính liền với nhau như được đúc từ khuôn tạo thành các thanh kim loại có hình dạng, kích thước theo nhu cầu của khách hàng



Hình 1.5 Công đoạn hàn tại nhà máy.

5. Công đoạn xử lý bề mặt

Công đoạn xử lý tại cơ sở được bố trí khép kín theo quy trình sau:



Hình 1.6 Quy trình làm sạch bề mặt kim loại.

Nguyên liệu kim loại bán thành phẩm thông qua hệ thống xích tải sẽ được đưa vào khu vực tẩy dầu, tại đây kim loại bán thành phẩm sẽ được ngâm dung dịch kiềm để làm sạch thành phần dầu mỡ bám trên kim loại, trước khi được đưa sang khu vực rửa nước 1 để làm sạch bề mặt bán thành phẩm.

Tiếp theo kim loại bán thành phẩm sẽ được chuyển sang bể phosphat, tại đây kim loại bán thành phẩm để xử lý bề mặt bán thành phẩm. Sau công đoạn tẩy ri bằng phosphat, kim loại bán thành phẩm sẽ được chuyển qua khu vực làm sạch lần 2 và lần 3 bằng nước để làm sạch bề mặt kim loại như quy trình nêu trên. Và cuối cùng kim loại bán thành phẩm sẽ được đưa sang khu vực sấy khô để phục vụ cho công đoạn phun sơn.

Toàn bộ lượng cặn và nước thải phát sinh do quá trình tẩy dầu, tẩy ri sẽ có hệ thống thu gom để đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Nhà máy để xử lý.

5. Công đoạn sấy khô: Sau rửa sạch lớp hóa chất bám trên bề mặt, chi tiết sản phẩm được đưa qua lò sấy sử dụng nhiên liệu là điện, nhiệt độ sấy 185 – 220⁰C, thời gian sấy 15 – 20 phút để làm khô chi tiết sản phẩm trước khi đưa vào buồng sơn tĩnh điện.

6. Công đoạn phun sơn tĩnh điện: Công nghệ sơn tĩnh điện được gọi là sơn khô vì tính chất phủ ở dạng bột và khi vận hành, sơn được tích một điện tích (+) khi đi qua súng phun sơn tĩnh điện, đồng thời vật sơn cũng được tích một điện tích (-) để tạo ra hiệu ứng gắn kết

giữa bột sơn và vật sơn. Bột sơn tĩnh điện không chứa các thành phần nguy hại, dây chuyền phun sơn tĩnh điện bao gồm: một máy bơm, mô tơ cung cấp điện, súng phun và hai ống dẫn:

- Máy bơm: Bơm sử dụng trong hệ thống phun sơn là máy bơm piston chất lượng tốt.
- Mô tơ cung cấp điện: có chức năng chuyển đổi luân phiên để đổi dòng điện một chiều và giảm điện áp. Trên mô tơ có thêm một thiết bị cho phép điều chỉnh điện áp từ 20 tới 85kv.
- Hai ống dẫn: có tác dụng dẫn sơn từ thùng sơn vào súng phun, chúng được thiết kế đặc biệt và phụ thuộc vào súng, độ nhớt của sơn.
- Súng phun: là thành phần đặc biệt quan trọng, khi phun cũng cần có kỹ thuật điều chỉnh súng phun sao cho bảo đảm hiệu quả, độ mịn và giảm thời gian phun.

Hoạt động này làm phát sinh bụi sơn, chất thải rắn, có ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân. Tuy nhiên, sơn tĩnh điện được coi là giải pháp xanh của lĩnh vực sơn bề mặt kim loại do không sử dụng dung môi pha sơn. Mặt khác, ưu điểm của công nghệ này bao gồm: bột sơn không bám vào vật sơn được thu hồi (trên 95%) để tái sử dụng, chi phí thấp, ít gây ô nhiễm.

7. Kiểm tra: Sản phẩm sau khi sơn tĩnh điện được nhân viên QA tại nhà máy lấy mẫu kiểm tra đánh giá chất lượng. Đối với sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được đem đi chà nhám và được đưa lại vào dây chuyền sơn tĩnh điện. Đối với sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang công đoạn lắp ráp.

8. Lắp ráp: Sau khi kiểm tra sản phẩm sẽ được công nhân lắp ghép bắt ốc vít, bulong. Tùy sản phẩm sẽ có thêm công đoạn hoàn thiện thêm các phụ kiện như nút nhựa, nệm,...

9. Đóng gói: Tiếp đến, sản phẩm sẽ được thực hiện đóng gói. Bao bì, màng FE được cơ sở đặt mua từ các đơn vị đối tác.

10. Lưu kho, xuất hàng: Sản phẩm cuối cùng sẽ được lưu vào kho và chờ xuất hàng ra thị trường.



Hình 1.7 Hình ảnh kho chứa hàng tại nhà máy.

3.3. Sản phẩm của cơ sở



Hình 1.8 Một số sản phẩm sản xuất tại cơ sở.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu hóa chất sử dụng của cơ sở

Khối lượng nguyên liệu sử dụng cho cơ sở được trình bày cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1.2 Danh mục nguyên nhiên vật liệu, hóa chất phục vụ cơ sở

STT	Loại nguyên, nhiên vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
I	Nguyên liệu cho sản xuất			
1	Sắt, thép	Tấn/năm	320	Việt Nam
2	Ốc, lục giác	Tấn/năm	13	Việt Nam
3	Nút nhựa	Tấn/năm	6	Việt Nam
4	Nệm ghế	Tấn/năm	2,5	Việt Nam
5	Que hàn	Tấn/năm	1,0	Việt Nam
II	Nguyên liệu đóng gói, nhiên liệu			
6	Các vật liệu đóng gói (màng FE, thùng carton)	Tấn/năm	8	Việt Nam
7	Hộp màu	Tấn/năm	2	Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn và Hỗ trợ đầu tư Kiến Đạt

Số 6, đường Dương Tử Giang, khu phố 2, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0251.3940333/999

Fax: 0251.3940666

Mail: kdconsult@vnn.vn

STT	Loại nguyên, nhiên vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
8	Bột sơn tĩnh điện	Tấn/năm	6,5	Việt Nam
9	Dầu cắt gọt	Tấn/năm	1,0	Việt Nam
10	Dầu DO	Tấn/năm	0,5	Việt Nam
III	Hoá chất			
11	NaOH	Tấn/năm	1,5	Việt Nam
12	Chất Phosphat	Tấn/năm	2,5	Việt Nam

4.2. Nhu cầu lao động của cơ sở

Tổng số lao động làm việc tại cơ sở trong giai đoạn hoạt động ổn định là 35 người.

Đảm bảo số giờ làm việc 1 ngày/người theo đúng quy định lao động là 1 người chỉ làm 1 ca/8 tiếng/ngày.

4.3. Nhu cầu cấp điện cơ sở

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thông qua mạng lưới cấp điện của KCN Nhơn Trạch 1.

Nhu cầu tiêu thụ điện của nhà máy khoảng 25.000 Kwh/tháng

4.4. Nhu cầu cấp nước cơ sở

Hệ thống cấp nước tại KCN Nhơn Trạch 1 được lấy nguồn từ Nhà máy khai thác nước ngầm Tuy Hạ có công suất 23.000 m³/ngày.đêm. Vị trí công trình khai thác nước: cụm khai thác số 1 và cụm khai thác số 2 nằm trong KCN Nhơn Trạch 1, cụm khai thác số 3 nằm trong KCN Nhơn Trạch 5.

Nhu cầu sử dụng nước là 500 m³/tháng, tương đương khoảng 17 m³/ngày, cụ thể:

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt thải ra từ các hoạt động sinh hoạt như: rửa tay chân, các khu nhà vệ sinh, dội toilet,...Không tổ chức nấu ăn tại cơ sở. Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, thì chỉ tiêu cấp nước cho sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày.đêm. Cơ sở sử dụng 35 lao động, như vậy nhu cầu dùng nước như sau:

$$35 \times \frac{80}{1000} = 2,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Tổng nhu cầu sử dụng nước là 2,8 m³/ngày.

- Nước cấp pha dầu cắt gọt

Hoạt động cơ sở có sử dụng dầu cắt gọt pha nước để làm mát trong quá trình vận hành của các máy gia công CNC. Nước được sử dụng để pha dầu cắt gọt với tỉ lệ (9 nước:1 dầu). Lượng dầu sử dụng của cơ sở bình quân 300 lít/năm ~ 0,88 lít/ngày → Lượng nước cấp để pha dầu cắt gọt là 9 × 0,74 lít/ngày = 7,94 lít/ngày = 0,008 m³/ngày. Dầu cắt gọt pha nước được sử

dụng tuần hoàn, định kỳ 3 tháng/lần sẽ tiến hành châm bổ sung dầu hao hụt do thoát hơi nước. Như vậy lượng nước cấp để pha dầu cắt gọt khoảng $0,45/4 = 0,002 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước cấp để xử lý bề mặt

Nước sử dụng cho công đoạn tẩy rửa bề mặt trước khi đưa vào công đoạn sơn tĩnh điện. Cụ thể như sau:

+ Các bể tẩy nhờn và bể tạo màng được châm thêm hàng ngày và 3 tháng mới xả bỏ 1 lần, định mức xả bỏ 100%.

+ Các bể rửa nước được xả bỏ mỗi ngày, định mức xả bỏ 100% lượng nước cấp.

- Nước cấp cho tưới cây

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới cây $\geq 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm}$, chọn $3 \text{ lít/m}^2/\text{lần tưới}$. Diện tích cây xanh của cơ sở là 5.440 m^2 . Lượng nước cần thiết $= 5.440 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 10^{-3} = 16,32 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trung bình 3 – 4 ngày tưới cây 1 lần.

- Nước phục vụ tưới đường, sân bãi

Định kỳ 1 ngày/lần (vào mùa khô) sẽ tiến hành tưới nước đường nội bộ, sân bãi để giảm thiểu bụi phát sinh. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động rửa đường, sân bãi $\geq 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm}$, chọn $0,4 \text{ lít/m}^2/\text{lần tưới}$. Diện tích đường nội bộ của cơ sở là 5192.15 m^2 . Lượng nước cần thiết $= 5192.15 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 10^{-3} = 2,08 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Bảng 1.3 Tổng hợp nhu cầu dùng nước của cơ sở

STT	Hạng mục	Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)	Phương pháp xử lý
1	Nước cấp cho sinh hoạt	2,8	HTXLNT
3	Nước cấp cho sản xuất: pha dầu cắt gọt	0,002	Tái sử dụng
4	Nước cấp cho sản xuất: xử lý bề mặt	7,2	HTXLNT
5	Nước cấp cho tưới cây	16,32	Tự thấm
6	Nước tưới đường, sân bãi	2,08	Tự thấm
Tổng (không bao gồm nước cho hoạt động PCCC)		28,402	-

(Nguồn: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam)

4.5. Cân bằng vật chất cơ sở

Tổng hợp về cân bằng vật chất nguyên liệu đầu vào và sản phẩm, chất thải đầu ra của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.4 Tổng hợp về cân bằng vật chất của cơ sở

Sản phẩm	Đầu vào (tấn/năm)		Đầu ra (tấn/năm)	
Ghế ngồi đánh đàn; Giá để đàn; Đế xoay, thanh sắt; Giá để đĩa; Gia công	Nguyên vật liệu, hóa chất,...	372,5	Sản phẩm	362,8
			Chất thải rắn công nghiệp thông thường	0,493
			Chất thải nguy hại	1,194
Tổng		364,5		364,5

Bảng 1.5 Tổng hợp về cân bằng nước của cơ sở

Đơn vị tính: m³/ngày

STT	Nhu cầu sử dụng		Quy mô	Định mức sử dụng	Lưu lượng cấp vào	Lượng nước tự thấm/thất thoát	Lưu lượng xả thải thường xuyên	Lưu lượng xả thải định kì (không thường xuyên)	Lưu lượng xả thải tối đa trong ngày (vào ngày có xả định kì)
I	Nước cấp sinh hoạt		35 người	80 lít/người.ngày	2,8	-	2,8	-	2,8
II	Nước cấp sản xuất				7,208				
1	Nước cấp pha dầu cắt gọt								
-	Cấp lần đầu	2 máy	9 nước:1 dầu	0,008	0,002	-	-	-	
-	Châm thêm mỗi ngày			0,002		-	-	-	
2	Nước cấp xử lý bề mặt để phun sơn						4,233	2,88	7,055
-	Tẩy dầu (1,2×1,2×1=1,44 m³)	Cấp lần đầu	01 bể	80% thể tích bể	1,152	0,023	-	1,129	1,129
		Châm thêm		2% hao hụt	0,023				
-	Rửa nước 1 (1,2×1,2×1=1,44 m³)	Cấp lần đầu	01 bể	80% thể tích bể	1,152	0,023	1,129	-	1,129
-	Tẩy rỉ (1,2×1,2×1,5=2,16 m³)	Cấp lần đầu	01 bể	80% thể tích bể	1,728	0,035	-	1,693	1,693
		Châm thêm		2% hao hụt	0,035				

STT	Nhu cầu sử dụng		Quy mô	Định mức sử dụng	Lưu lượng cấp vào	Lượng nước tự thấm/thất thoát	Lưu lượng xả thải thường xuyên	Lưu lượng xả thải định kì (không thường xuyên)	Lưu lượng xả thải tối đa trong ngày (vào ngày có xả định kì)
-	Rửa nước 2 (1,2×1,2×1,5=2,16 m³)	Cấp lần đầu	01 bể	80% thể tích bể	1,728	0,035	1,693	-	1,693
-	Rửa nước 3 (1,2×1,5×1=1,8 m³)	Cấp lần đầu	01 bể	80% thể tích bể	1,44	0,029	1,411	-	1,411
III	Nước cấp cho tưới cây				16,32	16,32	-	-	-
IV	Nước cấp cho tưới đường sân bãi				2,08	2,08	-	-	-
TỔNG CỘNG					28,402	18,547	7,033	2,88	9,855
CÂN BẰNG NƯỚC					28,402	28,402			

(Nguồn: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Xuất xứ của cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600573093, đăng ký lần đầu ngày 25/07/2002, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 09/02/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 1021285673 cấp lần đầu ngày 25/07/2002; thay đổi lần thứ tư ngày 26/04/2011; thay đổi lần thứ bảy ngày 19/08/2013; thay đổi lần thứ tám ngày 25/01/2022 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

5.2. Căn cứ pháp lý

❖ Một số giấy tờ môi trường đã được phê duyệt của cơ sở

- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1577/BĐK-KHCNMT-MTg của dự án đầu tư “Nhà máy cơ khí sản xuất các loại đồ dùng nhà bếp dụng cụ gia đình” thuộc công ty TNHH Shih-Jung Việt Nam ngày 09/12/2022 do Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp.

- Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH:75.000569.T số 378/SĐK-TNMT ngày 04/07/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp.

❖ Căn cứ pháp lý lập hồ sơ Giấy phép môi trường

- Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 30, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Cơ sở thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu tới môi trường tại số thứ tự 2, Phụ lục IV, Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1, điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

5.3. Vị trí địa lý của cơ sở

Nhà máy của Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam được thực hiện ở khu đất có diện tích 17.000 m² thuê lại của Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (URBIZ).

Bảng 1.6 Tọa độ các điểm khống chế vị trí khu đất

Điểm	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1242878.860	476869.477
2	1242482.455	476963.219
3	1242552.901	477272.639
4	1242949.308	477175.861

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

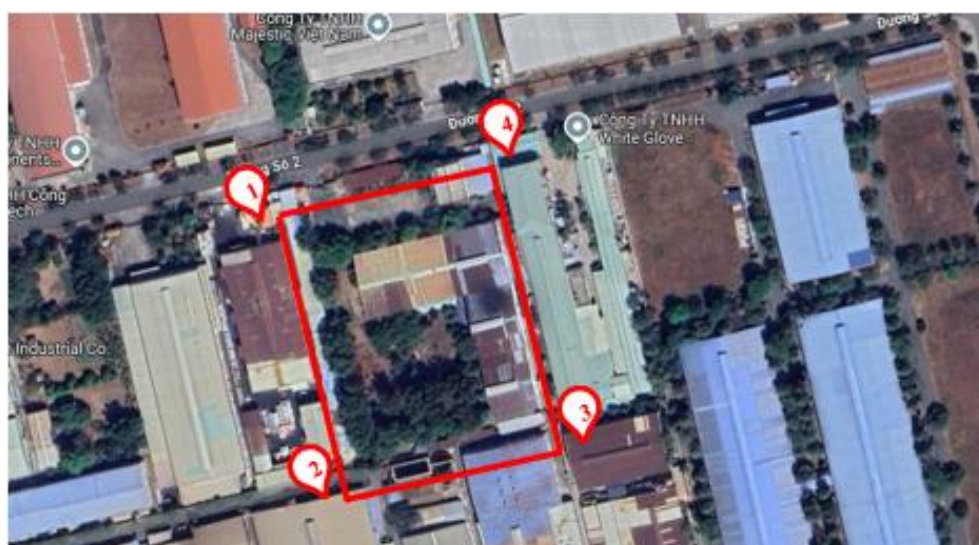
Ranh giới của khu đất được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp với đường số 2 KCN Nhơn Trạch 1;
- Phía Nam: giáp với Công ty TNHH Dệt Daewon Việt Nam và Công ty TNHH Seo Incheon Việt Nam;
- Phía Đông: giáp với Công ty TNHH White Glove;
- Phía Tây: giáp với Công ty TNHH Thuận Thái.

Đánh giá về vị trí cơ sở:

Nhà máy nằm trong KCN Nhơn Trạch 1 nên xung quanh nhà máy là đất quy hoạch KCN và các nhà máy công nghiệp. Không có khu dân cư hay các công trình văn hóa cần bảo tồn.

Với vị trí này, rất thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa vì nằm gần trung tâm thành phố lớn, bến cảng, sân bay, cụ thể: KCN Nhơn Trạch 1 cách trung tâm thành phố Biên Hòa 33 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 42 km; cách cảng Đồng Nai 29 km, cảng Cát Lái 24 km; Cách sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất 39 km, cách sân bay Quốc tế Long Thành 23 km.



Hình 1.9 Bản đồ vị trí cơ sở.



5.4. Hạng mục công trình của cơ sở

Các hạng mục công trình tại nhà máy của cơ sở đã được xây dựng hoàn chỉnh và đi vào vận hành. Các hạng mục công trình hiện hữu của cơ sở như sau:

Bảng 1.7 Hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên hạng mục	Diện tích đất	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nhà bảo vệ	19,00	0,112	
2	Nhà văn phòng	320,00	1,882	
3	Nhà xưởng 1	2.448,00	14,4	
4	Nhà xưởng 2	845,25	4,972	
5	Nhà xưởng 3	828,00	4,871	
6	Nhà xe 1	288,00	1,694	
7	Nhà xe 2	120,00	0,706	
8	Nhà ăn	478,00	2,812	
9	Nhà kho chứa chứa hóa chất	64,00	0,376	
10	Nhà kho + nhà nghỉ công nhân	542,40	3,191	
11	Nhà vệ sinh	8,40	0,049	
12	Nhà chứa rác thải thông thường	10,80	0,064	
13	Nhà chứa rác thải nguy hại 1	10,80	0,064	
14	Nhà chứa rác thải nguy hại 2	5,76	0,034	
15	Hệ thống xử lý nước thải	63,00	0,371	
16	Bể thu gom nước thải	67,20	0,395	
17	Hệ thống bể chứa nước và bơm PCCC	255,00	1,5	
18	Diện tích cây xanh	5.440,00	32	
19	Diện tích sân đường nội bộ, sân bãi	5.186,39	30,507	
Tổng cộng		17.000	100	

(Nguồn: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam)

5.5. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.8 Danh sách máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

STT	Loại máy móc, thiết bị	Công suất	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy cắt tự động	4 KW	1	2021	Trung Quốc	80%
2	Máy cắt bán tự động	2,4-3 KW	1	2020	Trung Quốc	80%
3	Máy dập	0,02-3,75	15	2001-2003	Việt Nam	80%

STT	Loại máy móc, thiết bị	Công suất	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng
		KW			Hàn Quốc	
4	Máy tiện	1,5 KW	2	2008	Đài Loan	80%
5	Máy khoan	12 KW	6	2004	Hàn Quốc	80%
6	Máy hàn robot	5 KW	2	2014	Việt Nam	80%
7	Máy hàn tay	-	7	2021	Việt Nam	80%
8	Máy hàn argon	-	1	2022	Việt Nam	80%
9	Lò hơi	-	1	2015	Trung Quốc	80%
10	Máy sấy	5 KW	1	-	Hàn Quốc	80%
11	Xe nâng	-	1	2019	Nhật Bản	80%
12	Hệ thống sơn tĩnh điện	-	1	2018	Trung Quốc	80%

(Nguồn: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

❖ Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế:

Nhà máy của Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam nằm trong KCN Nhơn Trạch 1, KCN do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (IDICO-URBIZ) làm Chủ đầu tư và hiện đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, KCN này được quy hoạch và định hướng phát triển công nghiệp nên hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất triển khai dự án nằm trong vùng quy hoạch đất xây dựng công trình, phù hợp với Quy hoạch phân khu chức năng và ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Cơ sở thuộc nhóm ngành cơ khí hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng trong KCN Nhơn Trạch 1 theo danh mục ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 841/QĐ-MTg ngày 04/07/1997 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.

Các ngành nghề được thu hút vào KCN Nhơn Trạch 1 bao gồm các ngành công nghiệp:

- Công nghiệp dệt, may mặc; Công nghiệp lắp ráp điện tử; Công nghiệp chế biến thực phẩm; Công nghiệp chế tạo và sửa chữa cơ khí; Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; Các hoạt động cho thuê kho bãi, vận chuyển container. Chế biến gỗ, sản xuất đồ gỗ, thức ăn gia súc, sản xuất dụng cụ điện, gia công kiếng, nông dược phẩm (được đánh giá trong nội dung ĐTM).

- Nhóm ngành nghề công nghiệp chế tạo và sửa chữa cơ khí: sản xuất, sửa chữa container, rơ móc; sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô; chế tạo máy móc, thiết bị công cụ; chế tạo và sửa chữa cơ khí, cán thép;

- Nhóm ngành nghề công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: sản xuất đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng hoặc công nghiệp; sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic (trừ chế biến mủ cao su); sản xuất các sản phẩm nhựa; sản xuất các sản phẩm trang thiết bị y tế từ nhựa và cao su y tế, sản xuất giày và phụ kiện ngành giày; sản xuất vali, túi xách, yên đệm và các loại tương tự; sản xuất hàng mỹ nghệ; sản xuất thủy tinh, gốm sứ và các sản phẩm phi kim loại; sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản xuất đồ kim hoàn và các chi tiết liên quan; sản xuất dụng cụ thể dục thể thao; sản xuất đồ chơi; sản xuất sứ vệ sinh; sản xuất bóng đèn, phích nước; sản xuất các thiết bị, sản phẩm chữa cháy;

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm: chế biến nông sản ngũ cốc; chế biến hạt điều; chế biến chè, ca cao; chế biến cà phê; sản xuất đường; chế biến sữa; chế biến dầu ăn; sản xuất bánh kẹo; sản xuất nước đá; sản xuất nước lọc, nước tinh khiết đóng chai;
- Nhóm ngành cho thuê kho bãi: kho chứa phân bón; hóa chất; thuốc bảo vệ thực vật;
- Nhóm ngành công nghiệp lắp ráp điện tử: sản xuất các trang thiết bị điện, điện tử; sản xuất linh kiện điện, điện tử; sản xuất điện tử, máy vi tính, sản phẩm quang học; trạm phát, trạm thu phát vô tuyến; trạm thu, trạm phát viễn thông.
- Nhóm ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: bê tông nhựa nóng; gạch men;
- Nhóm ngành công nghiệp dệt, may mặc: dệt sợi; may quần áo; may giày.

Các ngành nghề được bổ sung vào danh mục gồm có: sản xuất văn phòng phẩm; sản xuất bao bì giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất bao bì carton, sản xuất nhôm định hình, sản xuất dây, cáp điện; sản xuất chế biến gỗ; sản xuất dăm gỗ; sản xuất ván ép; sản xuất dược phẩm, thuốc thú y; sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; sản xuất thuốc lá điếu; chế biến nguyên liệu thuốc lá; sản xuất tấm ốp ô tô các loại; sản xuất mực in, vật liệu ngành in; cơ sở in ấn các loại; cơ sở sản xuất gas CO₂ chiết nạp hóa lỏng, khí công nghiệp; cơ sở kinh doanh, chiết xuất, đóng gói dầu nhớt, dầu nhờn; cửa hàng kinh doanh xăng, dầu (DO); sản xuất ốc quy, pin; sản xuất hơi nước, sữa chữa và bảo dưỡng nồi hơi..

❖ Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường:

Về phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015, theo đó:

- Sự phù hợp của cơ sở đối với phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 là rạch Bà Ký dẫn ra sông Thị Vải, có thể tiếp nhận nước thải loại B (số thứ tự 5.1 Phụ lục I Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND). Nước thải từ dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1 để dẫn về Nhà máy XLNT tập trung của KCN xử lý, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Thị Vải, hoàn toàn phù hợp với phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải do UBND tỉnh Đồng Nai ban hành.
- Sự phù hợp của cơ sở đối với phân vùng môi trường tiếp nhận khí thải: Cơ sở có phát sinh bụi khí thải từ quá trình sản xuất và phương tiện vận chuyển ra vào dự án. Cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý bụi khí thải để xử lý toàn bộ bụi khí thải phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

❖ Sự phù hợp của cơ sở với Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 22/05/2023 về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023:

Theo tiêu mục 1, mục II, Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2024 có nêu các chỉ tiêu chủ yếu: “Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế; 100% CTNH; 100% chất thải công nghiệp không nguy hại; 100% chất thải rắn sinh hoạt”. Cơ sở đảm bảo thu gom 100% chất thải nguy hại; 100% chất thải công nghiệp không nguy hại; 100% chất thải rắn sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, do đó phù hợp với Kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Nước thải phát sinh tại nhà máy bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt. Lượng nước thải này sau khi xử lý sẽ được thu gom theo hệ thống thoát nước thải của dự án để đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 để tiếp tục xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là rạch Bà Ký.

❖ Hiện trạng thu gom, xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch 1

Mạng lưới thu gom nước thải KCN: Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa. Tuyến cống thu gom nước thải trong phạm vi KCN Nhơn Trạch 1 có tổng chiều dài là 14.807 m, cống BTCT D300-800 mm, ống PVC D200 và ống STK D200.

Bảng 2.1 Khối lượng hệ thống thu gom nước thải đã xây dựng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT D300	m	1.891
2	Cống BTCT D400	m	4.534
3	Cống BTCT D600	m	6.693
4	Cống BTCT D800	m	696
5	Cống PVC D200 có áp	m	773
6	Cống STK D200 có áp	m	220
7	Trạm bơm	Cái	03
8	Ống HDPE D140	m	300
9	Ống uPVC D114	m	500
10	Hố ga	Cái	952

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO)

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1: có công suất thiết kế là 10.000 m³/ngày.đêm đã được xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào vận hành, với nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp phát sinh từ các dự án trong KCN, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; hệ số K_q = 0,9 và K_f = 0,9) trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Tình hình xử lý nước thải của các doanh nghiệp trong KCN Nhơn Trạch 1: Trong tổng số 76 dự án đầu tư được cấp phép, trong đó 72 dự án hoạt động, 2 dự án đang tạm dừng hoạt động, 2 doanh nghiệp đang đầu tư xây dựng. Và có 3 doanh nghiệp nằm ngoài diện tích đất của KCN đầu nối vào HT XLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch 1.

❖ Đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 1:

- Thời điểm lấy mẫu: ngày 08/11/2022 (Đợt 1), 30/12/2022 (Đợt 2).
- Đơn vị phân tích: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi

Bảng 2.2 Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống XLNT tập trung

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Kết quả nước thải		QCVN 40:2011/BTNMT cột B, K _q =0,9; K _f = 0,9
			Đợt 1	Đợt 2	
1	Nhiệt độ	°C	31,2	30,2	40
2	pH	-	8,3	7,88	5,5-9
3	Độ màu	Pt – Co	7	12	150
4	TSS	mg/l	11	6	81
5	BOD ₅	mgO ₂ /l	3,9	4,2	40,5
6	COD	mgO ₂ /l	30	29	121,5
7	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,35	0,27	8,1
8	N tổng	mg/l	12,6	11	32,4
9	P tổng	mg/l	1,97	3,61	4,86
10	Clo dư	mg/l	0,86	1,036	1,62
11	Clorua	mg/L	216	312	810
12	Florua	mg/l	4,97	4,87	8,1
13	Tổng Phenol	mg/l	KPH	KPH	0,405
14	Fe	mg/l	0,53	0,28	4,05
15	Mn	mg/l	KPH	KPH	0,81
16	Cu	mg/l	KPH	KPH	1,62
17	Pb	mg/l	KPH	KPH	0,405
18	Cd	mg/l	KPH	KPH	0,081
19	Ni	mg/l	KPH	KPH	0,405
20	Zn	mg/l	0,49	0,34	2,43

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Kết quả nước thải		QCVN 40:2011/BTNMT cột B, $K_q=0,9$; $K_f = 0,9$
			Đợt 1	Đợt 2	
21	Crom (III)	mg/l	0,02	< 0,02	0,81
22	Crom (VI)	mg/l	KPH	KPH	0,081
23	Hg	mg/l	< 0,002	KPH	0,0081
24	As	mg/l	KPH	KPH	0,081
25	Tổng CN^-	mg/l	KPH	KPH	0,081
26	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	8,1
27	Sulfua	mg/l	KPH	KPH	0,405
28	T. Coliform	MPN/100ml	1,8	< 1,8	5000
29	Hàm lượng polychlorinated	mg/l	KPH	KPH	-

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường KCN Nhơn Trạch I, năm 2022)

Nhận xét

Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý nhận thấy: tất cả các thông số giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của nhà máy XLNTTT đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$.

Hiện nay, trung bình mỗi ngày hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1 tiếp nhận lượng nước thải chưa qua xử lý khoảng 4.500 m³/ngày.đêm. Công suất vận hành của hệ thống XLNT tập trung KCN Nhơn Trạch 1 đạt được 75% so với công suất thiết kế. Do đó, lưu lượng nước thải phát sinh từ cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 1.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường KCN Nhơn Trạch 1 năm 2023, kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh cho thấy các thông số đo đạc và phân tích trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định hiện hành.

Như vậy, môi trường không khí khu vực nhà máy có khả năng tiếp nhận thêm các nguồn khí thải sau xử lý của cơ sở khi hoạt động ổn định. Chất lượng khí thải của nhà máy trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại của địa phương

Đồng Nai có các khu xử lý chất thải tập trung như khu xử lý chất thải xã Tây Hòa (huyện

Trảng Bom), khu xử lý chất thải xã Quang Trung (huyện Thống Nhất), khu xử lý chất thải xã Xuân Mỹ (huyện Cẩm Mỹ), khu xử lý chất thải xã Bàu Cạn (huyện Long Thành), khu xử lý chất thải xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc), khu xử lý chất thải xã Túc Trưng (huyện Định Quán) đảm bảo thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

Như vậy, môi trường đủ khả năng chịu tải khi dự án hoạt động 100% công suất.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

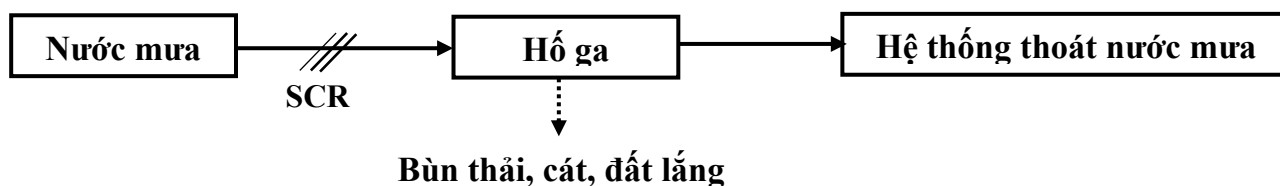
Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải

Kho chứa, xưởng sản xuất, văn phòng, nhà xe đều có mái che và toàn bộ khu vực cơ sở được bê tông hóa nên lượng nước mưa chảy tràn được xem như là nước sạch do đó chủ cơ sở sẽ không tiến hành xử lý nước mưa chảy tràn.

Nước mưa chảy tràn và nước từ mái nhà xưởng được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả ra hệ thống thoát nước mưa của nhà máy rồi dẫn vào hệ thống cống thoát nước mưa của KCN.

Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các chất cặn bã và đất cát xuống cống chung. Để tránh tình trạng này công ty sẽ bố trí nhân viên làm nhiệm vụ quét dọn vệ sinh xung quanh nhà xưởng thường xuyên để giảm thiểu tối đa các chất cặn bã trôi vào hệ thống nước mưa

Sơ đồ thu gom thoát nước mưa trong giai đoạn hoạt động được trình bày như sau:



Hình 3.1 Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của nhà máy.

Nước mưa sau khi được thu gom sẽ được dẫn vào hệ thống thoát nước nội bộ của nhà máy sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của KCN.

Công ty có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Công ty nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Công ty. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác... được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

Nước mưa từ mái nhà các khu vực văn phòng, nhà máy, khuôn viên... được thu gom bằng máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC D114, sau đó đầu nối vào cống thu gom nước mưa chạy dọc theo tuyến đường nội bộ của dự án.

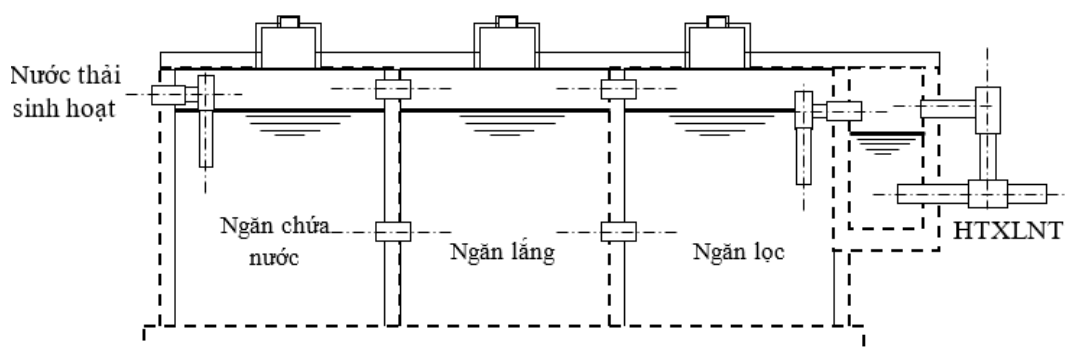
Các nguồn nước mưa trên bề mặt sẽ thoát vào cống ven đường và dẫn tới các hố ga để đổ vào cống thu gom chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ. Tại các hố ga có bố trí song chắn rác để giữ lại các loại rác có kích thước lớn như lá cây, bao bì, giấy,... Khoảng cách bố trí hố ga là 5-20 m bố trí 1 hố ga.

Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ của dự án, dẫn bằng cống bê tông cốt thép D300-D500 với độ dốc cống là $i = 0,02\%$ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch 1 tại 1 vị trí đầu nối trên đường số 2 bằng đường cống bê tông cốt thép D500 với độ dốc cống là $i = 0,02\%$.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân bao gồm nước từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay sẽ được xử lý bằng bể tự hoại trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của HTXLNT tập trung của KCN Biên Hòa II trước khi theo hệ thống thoát nước của khu nhà máy cho thuê đầu nối vào HTXLNT của KCN.



Hình 3.2 Bể tự hoại 03 ngăn.

✚ Chức năng của hầm tự hoại

Hầm tự hoại 03 ngăn là công trình xử lý thực hiện ba chức năng là: lắng cặn – phân hủy cặn – lọc nước và khử mùi.

Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân;

Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải;

Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như than hoạt tính, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

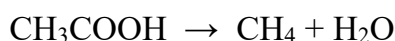
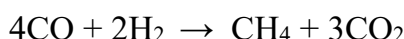
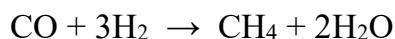
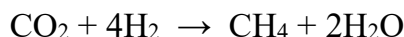
✚ Nguyên lý hoạt động

Bể tự hoại được thiết kế tương tự như một bể kỵ khí thông thường với chức năng chính là lắng cặn và tiên xử lý nước thải nhằm chuẩn bị cho công đoạn xử lý tiếp theo.

Nước thải vào bể tự hoại và đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn, sau đó nước thải đi qua ngăn lắng và thoát ra ngoài theo

ống dẫn. Trong bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Các phản ứng của quá trình phân hủy kỵ khí xảy ra trong bể tự hoại như sau:



Trong quá trình phân hủy kỵ khí, bể tự hoại xử lý được 25 – 45% chất hữu cơ, 50 – 70% TSS, ngoài ra các loài vi sinh vật gây bệnh cũng bị tiêu diệt từ 80 – 100% do tác động tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau như: mức độ kỵ khí, tác động của các sản phẩm trao đổi chất, tác động cạnh tranh dinh dưỡng,.. Vì vậy, bể tự hoại cũng được bố trí ống thông hơi, đường kính D100, ôm theo vách tường ngoài dẫn lên đến mái nhà vệ sinh với chiều cao khoảng 5 m để tránh mùi và khí độc hại.

Các điểm cần lưu ý khi vận hành hầm tự hoại

Cần thoát các chất khí sinh ra (H_2S , CO_2 , CH_4) tránh ăn mòn, phá hoại cấu kiện bê tông, cốt thép trong bể;

Không sử dụng các hóa chất (chất tẩy rửa, Chlorine) vào bể tự hoại;

Khi bể tự hoại đã đầy chất lắng đọng thì phải hút ra ngoài. Trong thực tế, có thể lấy thời gian giữa 02 lần lấy cặn là 06 tháng.

Kích thước của hầm tự hoại

Tại dự án có bố trí khu nhà vệ sinh bên trong nhà máy và khu vực văn phòng. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, xây âm dưới nhà vệ sinh với tổng thể tích là $10 m^3$.

Với số lượng công nhân là 35 người. Việc tính toán kích thước hầm tự hoại được trình bày như sau:

Thể tích phần chứa nước: $W_a = Q \times T (m^3) = 2,8 \times 2 = 5,6 m^3$

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng nước thải ($2,8 m^3/\text{ngày}$)

+ T: Thời gian lưu nước trong bể (2 ngày)

Thể tích phân chứa bùn:

$$W_b = \frac{b \times N}{1000} = \frac{50 \times 35}{1000} = 2 \text{ m}^3$$

Trong đó:

- + b: Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn (50 lít/người)
- + N: Số công nhân (tính cho 35 người)

Kết quả thể tích của bể tự hoại là:

$$W = W_a + W_b = 5,6 + 2 = 7,6 \text{ m}^3. \text{ Tính tròn } 8 \text{ m}^3.$$

→ Hàm tự hoại tại nhà máy đủ khả năng để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của toàn dự án.

Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước sau hàm tự hoại: dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm của nhà máy để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch 1 trước khi đầu nối về hệ thống thu gom dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1.

Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

Tránh không để rơi vãi xăng dầu, xà phòng, ... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

❖ Nước thải sản xuất

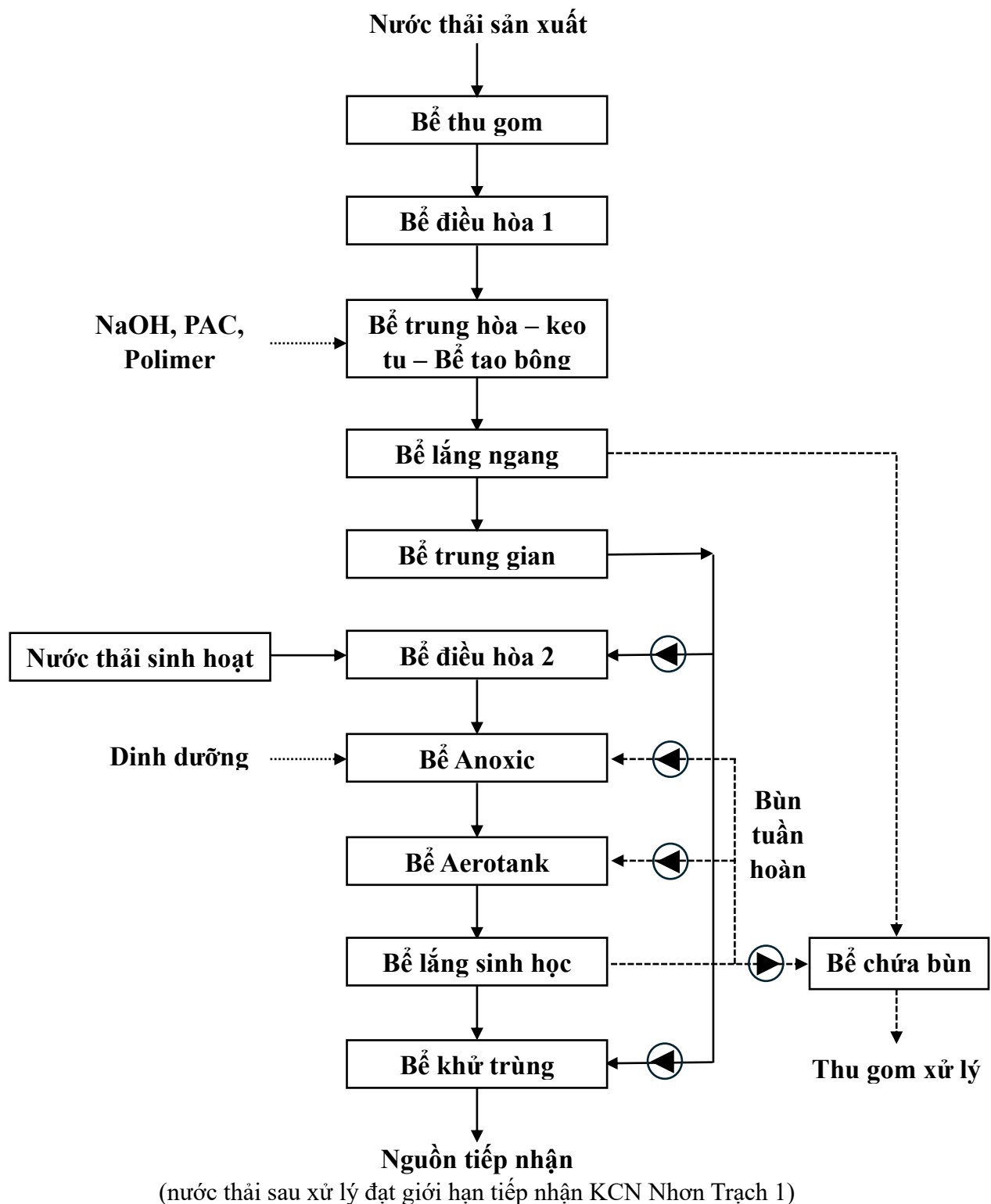
Nước thải sản xuất của cơ sở chủ yếu là nước thải từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại trước khi đưa vào sơn tĩnh điện. Nước thải này có nồng độ ô nhiễm phụ thuộc rất nhiều vào thành phần nguyên liệu sử dụng (độ sạch của nguyên liệu) và lượng hóa chất sử dụng tại công đoạn tẩy, rửa kim loại.

Tổng lượng nước thải phát sinh của cơ sở là 9,855 m³/ngày đêm (hệ số không điều hòa k = 1,2 vậy lượng nước thải là phát sinh tối đa là 11,83 m³/ngày đêm), công ty đã xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải cục bộ gồm với công suất 10 m³/ngày.đêm để thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của cơ sở, xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch 1 trước khi đầu nối vào hệ thống tập trung của KCN.

1.3. Xử lý nước thải

Hệ thống mới được công ty lắp đặt nổi trong khuôn viên nhà máy có diện tích 63,00 m².

Công nghệ xử lý như sau:



Hình 3.3 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm.

Thuyết minh sơ đồ công nghệ

1. Bể điều hòa 1 (Nước thải sản xuất) – Tk 02

Nước thải sản xuất tại bể gom được bơm lên ngăn tách cặn rồi tự chảy qua bể điều hòa 1. Tại bể điều hòa 1 có bố trí (01 bơm) để bơm qua bể phản ứng – tạo bông.

2. Bể trung hòa – keo tụ – Bể tạo bông – Tk 03, Tk 04, Tk 05

Nước thải được bơm qua bể trung hòa- keo tụ- tạo bông, tại đây xảy ra các quá trình sau:
Quá trình phản ứng:

- Quá trình trộn có tác dụng xáo trộn hóa chất xử lý với nước thải, tạo điều kiện thuận lợi để các phản ứng xảy ra từ đó tạo ra các bông cặn có kích thước lớn giúp cho quá trình lắng cặn đạt hiệu quả cao hơn.

- Quá trình phản ứng: tạo điều kiện và thời gian để hóa chất và nước thải tiếp xúc với nhau tạo các phản ứng thích hợp giúp cho các công trình xử lý hoạt động hiệu quả.

Hóa chất: chỉnh pH (NaOH), PAC, Polymer

3. Bể lắng ngang – Tk 06

Lắng: Có chức năng (1) lắng các bông cặn tạo ra trong quá trình keo tụ khi cho hóa chất vào nước thải; (2) giảm tải trọng cho công trình xử lý phía sau. Bồn keo tụ – lắng khi vận hành tốt loại bỏ 50 – 70% SS và 25 – 40% BOD₅. Hai thông số thiết kế quan trọng cho bể keo tụ – lắng là tải trọng bề mặt ($32 - 45 \text{ m}^3/\text{m}^2.\text{ngày}$) và thời gian lưu nước (1,5 - 2,5 h).

4. Bể trung gian – Tk 07

Nước thải sau lắng sẽ chảy qua ngăn trung gian và sẽ được dẫn theo 2 đường: đường thứ (1) dẫn về bể điều hòa 2 (Tk 08) – nếu nước sau xử lý của bể keo tụ- tạo bông không đạt. Đường thứ (2) sẽ dẫn trực tiếp chảy thẳng về bể khử trùng- thoát nước để bơm thẳng ra ngoài (nước đạt – để tiết kiệm hóa chất, điện năng)

5. Bể chứa bùn – Tk013

Bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý được bơm về bể chứa bùn để tự phân hủy, tách nước, giảm thể tích để tăng hiệu quả kinh tế.

Bùn định kỳ được đơn vị thu gom có chức năng thu gom định kỳ theo quy định.

6. Bể điều hòa 2 (Nước thải sinh hoạt) – Tk08

Lưu lượng và nồng độ nước thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như: thời gian thải, lưu lượng thải cũng như tải trọng chất bẩn có trong nước thải. Cụ thể như khi nồng độ hoặc lưu lượng tăng lên đột ngột:

Các công trình đơn vị hóa lý sẽ làm việc kém hiệu quả đi và nếu muốn ổn định được cần phải thay đổi lượng hóa chất thường xuyên điều này gây khó khăn cho quá trình vận hành.

Các công trình xử lý sinh học, nếu lưu lượng và nồng độ thay đổi đột ngột gây sốc tải trọng thậm chí gây tình trạng vi sinh chết hàng loạt, làm cho công trình mất hẳn tác dụng.

→ Đó là lý do của việc cần xây dựng bể điều hòa.

Việc điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ sẽ giúp đơn giản hóa công nghệ xử lý, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể.

7. Bể thiếu khí Anoxic – Tk 09

Thực hiện quá trình khử các hợp chất N và P và chất hữu cơ trong nước thải. Với việc lựa chọn bùn hoạt tính xử lý kết hợp đan xen giữa quá trình xử lý thiếu khí, hiếu khí sẽ tận dụng được lượng cacbon khi khử BOD, do đó cấp thêm (hoặc rất ít) lượng cacbon – dinh dưỡng từ nguồn ngoài vào khi cần khử NO_3^- , tiết kiệm được lượng oxy khi nitrat hóa khử NH_4^+ do tận dụng được lượng oxy từ quá trình khử NO_3^- .

Để nitrat hóa và photpho hóa thuận lợi tại bể xử lý thiếu khí (Anoxic) được khuấy trộn nhờ máy khuấy chìm nhằm đảm bảo nước thải luôn được khuấy trộn.

8. Bể Aerotank – Tk 10

Trong điều kiện được sục khí liên tục các vi sinh hiếu khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Các vi sinh vật hiếu khí đó tồn tại và phát triển nhờ hệ thống cung cấp và phân tán khí oxy được lắp đặt ở đáy bể. Các hạt nước và không khí cũng được phân nhỏ theo nguyên tắc mạng tinh thể và tăng hiệu quả tiếp xúc.

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý. Nồng độ oxy hòa tan trong bể Hiếu khí cần được luôn duy trì ở giá trị lớn hơn 2 mg/l bằng cách bố trí máy thổi khí & đĩa phân phối khí.

9. Bể lắng sinh học – Tk11

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực, bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh trong nước thải từ bể sinh học hiếu khí mang sang. Nước thải ra khỏi bể lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến 60 – 80%. Một phần bùn lắng ở đáy ngăn lắng sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể sinh học, phần bùn dư sẽ được bơm về bể chứa bùn. Phần nước trong sẽ tự chảy tràn sang bể khử trùng thông qua hệ thống máng thu nước răng cưa.

10. Bể khử trùng – Thoát nước

Nước thải sau khi qua bể lắng tự chảy sang bể thoát nước và sẽ được bố trí bơm chìm bơm qua đồng hồ lưu lượng ra cống thoát nước nhà máy và chảy ra cống KCN Nhơn Trạch 1.

Hóa chất sử dụng xử lý nước thải

Bảng 3.1 Hóa chất sử dụng cho hệ thống XLNT 10 m³/ngày.đêm

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	NaOH	kg	0,5	Việt Nam
2	PAC	kg	1,5	Việt Nam
3	Polyme	kg	0,2	Việt Nam
4	Mật rỉ đường	lít	10	Việt Nam

 Kích thước các bể, máy móc thiết bị

Bảng 3.2 Kích thước các hạng mục công trình trong HTXL 10 m³/ngày.đêm

STT	Hạng mục	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể gom	67,20	BTCT
2	Bể điều hòa 1	2,97 × 2	BTCT
3	Bể trung hòa	1,854	BTCT
4	Bể keo tụ	1,872	BTCT
5	Bể tạo bông	1,854	BTCT
6	Bể lắng ngang	4,086	BTCT
7	Bể trung gian	1,854	BTCT
8	Bể điều hòa 2	11,138	BTCT
9	Bể anoxic	6,075	BTCT
10	Bể Aerotank	9,281	BTCT
11	Bể lắng sinh học	7,29	BTCT
12	Bể thoát nước	2,079 × 2	BTCT
13	Bể chứa bùn	6,3	BTCT

Bảng 3.3 Máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý 10 m³/ngày.đêm

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Bơm bể thu gom	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
2	Bơm bể điều hòa 1	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
3	Motor khuấy	- Công suất: 0,25 kW - Tốc độ: 20 - 40 vòng/phút - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	3
4	Bơm hóa chất	- Công suất: 0,2 kW - Lưu lượng max: 15,2 lít/h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	3
5	Bơm bùn lắng	- Công suất: 0,1 kW - Cột áp: 4,5m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
6	Bơm bể trung gian	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
7	Bơm bể điều hòa 2	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
8	Mixer khuấy	- Công suất: 90W - Điện áp: 1pha/220V/50Hz - Vỏ đúc: Vỏ thép	Máy	1
9	Bơm hóa chất đường dextrose	- Công suất: 0,2 kW - Lưu lượng max: 15,2 lít/h - Áp lực: 1 bar - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
10	Máy thổi khí chìm	- Công suất: 1,5 kW - Cột áp: 4m - Tốc độ: 1450 vòng/phút - Điện áp: 3phase/380V/50Hz	Máy	3
11	Bơm bể Aerotank	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
12	Bơm bể lắng sinh học	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
13	Bơm bể thoát nước	- Công suất: 0,25 kW - Cột áp max: 10m - Lưu lượng max: 3 m ³ /h - Điện áp: 1phase/220V/50Hz	Máy	1
14	Đồng hồ lưu lượng	- Kích thước lỗ: Ø42 - Kèm lưới lọc thô	Cái	1

(Nguồn: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam)



Hình 3.4 Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy.

✚ Quy chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1

Căn cứ theo hợp đồng ký kết giữa 2 bên và tính chất nước thải thì chất lượng nước thải sau xử lý của cơ sở phải đạt quy chuẩn giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1.

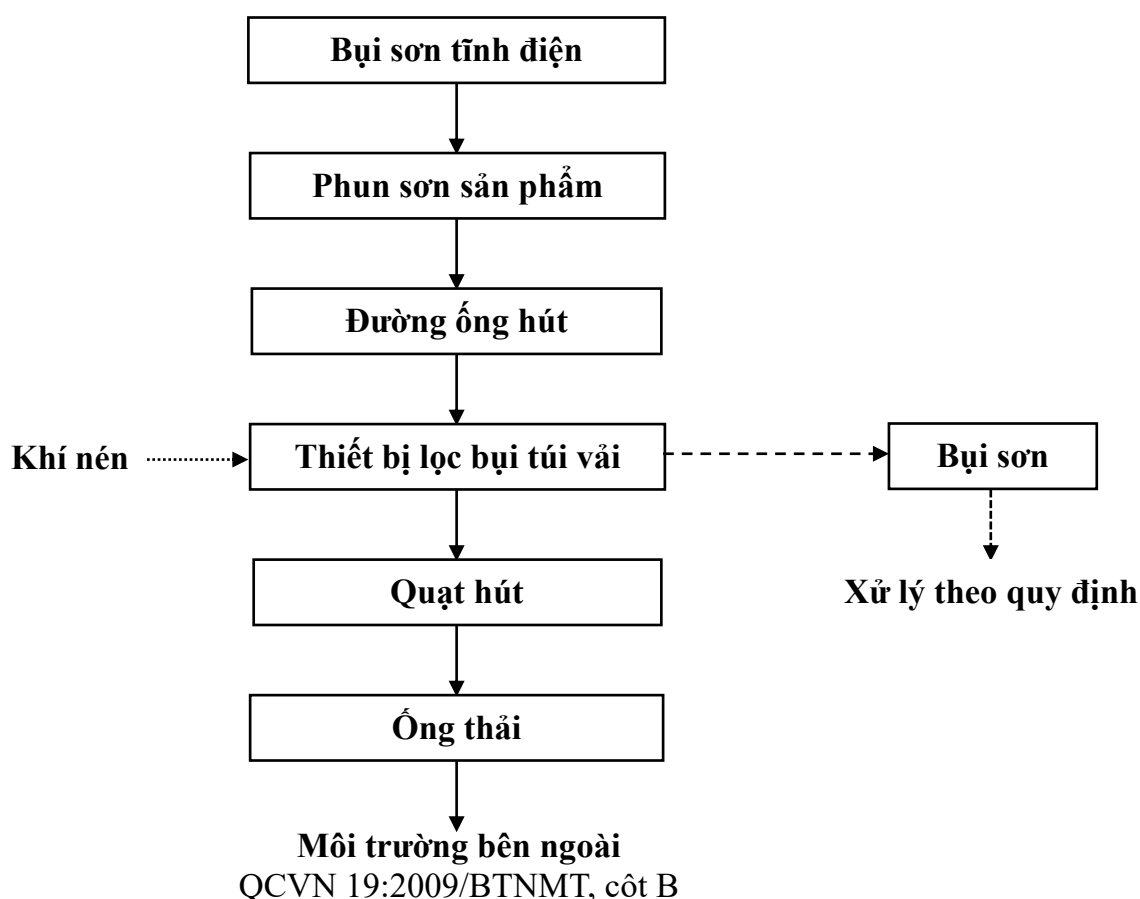
2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình xử lý bụi từ công đoạn phun sơn tĩnh điện

Buồng phun sơn tĩnh điện có kích thước ($D \times W \times H = 4m \times 2,5m \times 2m$). Xét chiều cao phát tán ô nhiễm trong khoảng không gian ảnh hưởng đến công nhân là 2m, vận tốc gió trong xưởng xét theo tiêu chuẩn lao động thấp nhất 0,2 m/s thì lưu lượng không khí lưu thông qua 1 buồng phun sơn tĩnh điện là: $Q = (4m \times 2,5m \times 0,2m/s) = 2 \text{ m}^3/s = 7.200 \text{ m}^3/h$.

Cơ sở đã lắp đặt tại buồng phun sơn 1 HTXL bụi có công suất 9.000 m³/giờ.

✚ Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi sơn tĩnh điện



Hình 3.5 Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi sơn tĩnh điện.

Bụi phát sinh từ các công đoạn phun sơn bột được thu gom thông qua các đường ống dẫn vào thiết bị lọc bụi túi vải.

Tại thiết bị lọc bụi túi vải, không khí lẫn bụi đi qua tấm vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải được giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được tất cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Hiệu quả lọc đạt 99,61%- 99,74% (Theo Trần Ngọc Chấn, *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải tập 2, Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi*, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2001) và lọc được tất cả các hạt rất nhỏ nhờ có lớp trợ lọc. Bụi được thu hồi để tái sử dụng phun sơn trở lại.

Sau một khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng quá lớn, phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Quá trình hoạt động nguyên các túi lọc bụi được thực hiện bằng hệ thống khí nén rung giữ bụi. Khí sách thoát ra môi trường không khí thông qua miệng thoát khí bên trong nhà xưởng đảm bảo đạt theo QCVN 02:2019/BYT.

Bảng 3.4 Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi sơn tĩnh điện

STT	Thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật/công suất
1	Thiết bị lọc túi vải	01 cái	- Lưu lượng gió: 9.000 m ³ /giờ - Kích thước: L×B×H = 1680 × 690 × 3260 mm - Số túi vải/bộ: 06 túi - Điện áp định mức: 380V - Trở lực của các thiết bị từ 120 - 150 kg/m ²
2	Quạt hút	01 cái	- Công suất: 45 kW - Tốc độ vòng quay: 1460 rpm - Điện áp: 380V

Đánh giá hiệu quả xử lý

Như đã đánh giá, bụi bột sơn tĩnh điện có kích thước từ 2 đến 50 µm. Theo Trần Ngọc Chân, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải tập 2, Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2001, các hạt bụi có kích thước nhỏ hơn 5 µm được loại bỏ ở thiết bị lọc bụi túi vải với hiệu suất 99,61%- 99,74% (Theo Trần Ngọc Chân, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải tập 2, Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2001) và lọc được tất cả các hạt rất nhỏ nhờ có lớp trợ lọc.

Do đó, hệ thống xử lý bụi sơn bằng cyclone tổ hợp kết hợp với thiết bị lọc bụi túi vải hoàn toàn đảm bảo nồng độ bụi đầu ra đạt theo QCVN 02:2019/BYT.

2.2. Khói hàn từ quá trình gia công sản phẩm

Để hạn chế ảnh hưởng của khói hàn đến sức khỏe của công nhân đặc biệt là các công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực hàn, chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí vị trí hàn trong khu vực riêng biệt cách ly với các khu vực khác, có che chắn tích hợp, thông thoáng, có khả năng thông gió tốt, tránh xa khu vực chứa các chất có khả năng gây cháy nổ;

- Biện pháp phòng ngừa cơ bản được sử dụng là giảm thiểu tiếp xúc của công nhân hàn với khói hàn. Điều này được thực hiện thông qua các biện pháp: trang bị các thiết bị bảo hộ khi làm việc, đeo mũ bảo vệ mắt, quần áo bảo hộ, khẩu trang chống độc,...

Công nhân hàn được đào tạo, trang bị đầy đủ kiến thức về nguyên tắc sử dụng, ảnh hưởng và mức độ tác hại của khí hàn.

2.3. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực do bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Tưới ẩm đường vị trí trong khuôn viên 3 Nhà máy để giảm thiểu bụi phát tán. Bê tông hóa toàn bộ kho bãi, đường giao thông, đồng thời trồng cây xanh dọc 2 bên đường nội bộ để hạn chế bụi từ các phương tiện giao thông và tạo bóng mát cho công nhân.

- Bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện khi phát hiện khói thải đen và nhiều.
- Xe ra vào công trường phải được vệ sinh.
- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.
- Không chở quá trọng tải quy định.
- Đối với phương tiện giao thông, chủ đầu tư sẽ bố trí nhà xe gần cổng ra vào, đồng thời ra quy định đất bộ đối với xe gắn máy.
- Đối với xe tải, xe nâng và xe du lịch sẽ được yêu cầu tắt máy khi không cần thiết và vận chuyển theo đúng tuyến quy định.

Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm cho cơ sở phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

2.4. Giảm thiểu mùi từ khu vực tập kết rác, mùi từ hệ thống xử lý nước thải

Giảm thiểu mùi hôi từ HTXLNT:

- Bố trí công nhân chuyên trách vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Tuân thủ hướng dẫn vận hành do nhà thầu đào tạo, đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời các chỗ bị rò rỉ, tránh khí thoát ra môi trường gây mùi hôi.
- Trang bị máy thổi khí dự phòng hoặc lắp đặt 2 máy làm việc theo nguyên tắc luân phiên. Khi sự cố xảy ra, máy thổi khí còn lại có thể duy trì tình trạng cấp khí liên tục trong khi chờ sửa chữa máy bị hư hỏng.

Giảm thiểu mùi từ khu vực tập kết rác:

- Hợp đồng thu gom rác hàng ngày, không để qua đêm nhằm tránh phân hủy gây mùi.
- Trang bị thùng chứa rác có nắp đậy để hạn chế phát sinh mùi hôi.
- Thực hiện chuyển giao bùn thải định kỳ tránh để quá lâu phân hủy gây mùi. + Thường xuyên vệ sinh khu vực chứa và ép bùn thải.

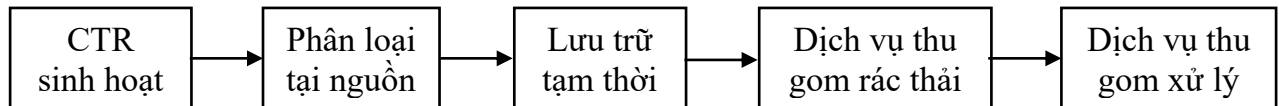
3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải sinh hoạt

Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trong nhà máy. Bao gồm các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

Khối lượng phát sinh: Theo tính toán với định mức phát thải chất thải sinh hoạt 0,5 kg/người/ngày, mức thải tính trung bình cho 35 người khoảng 17,5 kg/ngày.

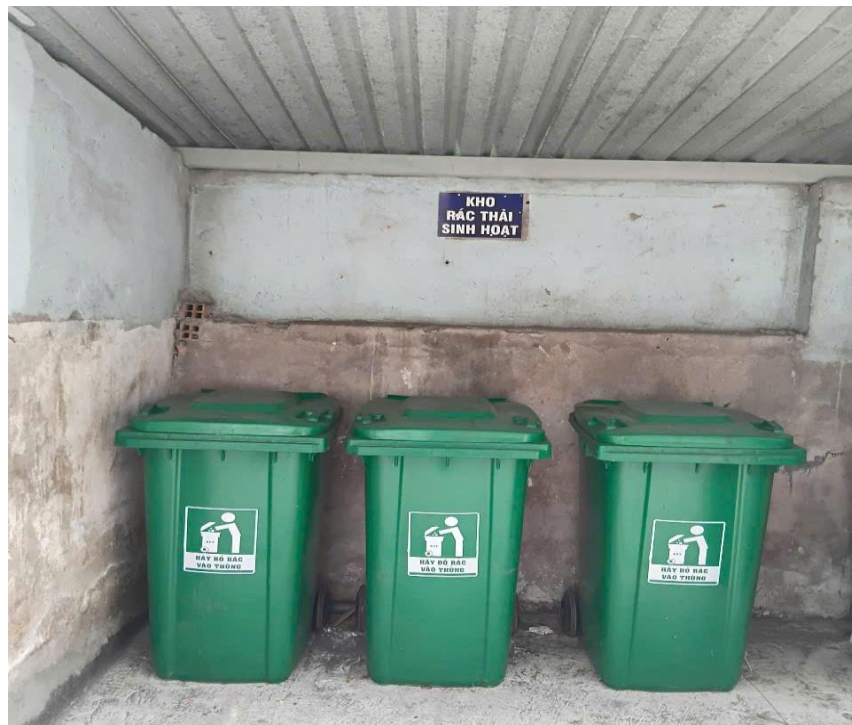
Giải pháp thu gom và xử lý sinh hoạt được thực hiện như sau:



Hình 3.6 Sơ đồ thu gom rác sinh hoạt.

- Dự án hiện đã trang bị chứa rác loại chứa loại 240 lít, thùng 660 lít có nắp đậy và thùng chứa rác loại 20 lít, đặt tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn, lối đi để phân loại tại nguồn rác sinh hoạt, rác tái chế và rác nguy hại.

- Bố trí khu tập kết rác sinh hoạt tại nhà máy có kết cấu nền BTCT, mái che, sắp xếp rác sinh hoạt đúng chủng loại theo quy định, khu tập kết rác sinh hoạt nhà máy là 5 m² được chia trong kho chứa chất thải thông thường.



Hình 3.7 Kho chứa rác sinh hoạt tại nhà máy.

- Lượng rác phát sinh được thu gom và xử lý hằng ngày, không để tồn đọng quá lâu sẽ phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm môi trường;
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi;
- Bố trí các bảng hướng dẫn phân loại rác sinh hoạt tại các khu vực bố trí thùng rác sinh hoạt xung quanh trung tâm y tế, phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định.
- Các loại rác có thể tái chế như nhựa, giấy carton, bao PP, nhôm sắt kẽm vụn không nhiễm dầu,... được thu gom về kho chứa phế liệu riêng và định kỳ bán phế liệu;
- Rác sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được công nhân viên tập kết, quét dọn hàng ngày.
- Bố trí thêm chậu cây xanh, đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy định ($\geq 20\%$ diện tích dự án).
- Cơ sở đã ký hợp đồng số 16/HĐ-HTX ngày 01/01/2025 với Hợp tác xã DVMT Long Thọ về việc thu gom vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.
- Tuân thủ Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3.2. Chất thải sản xuất thông thường

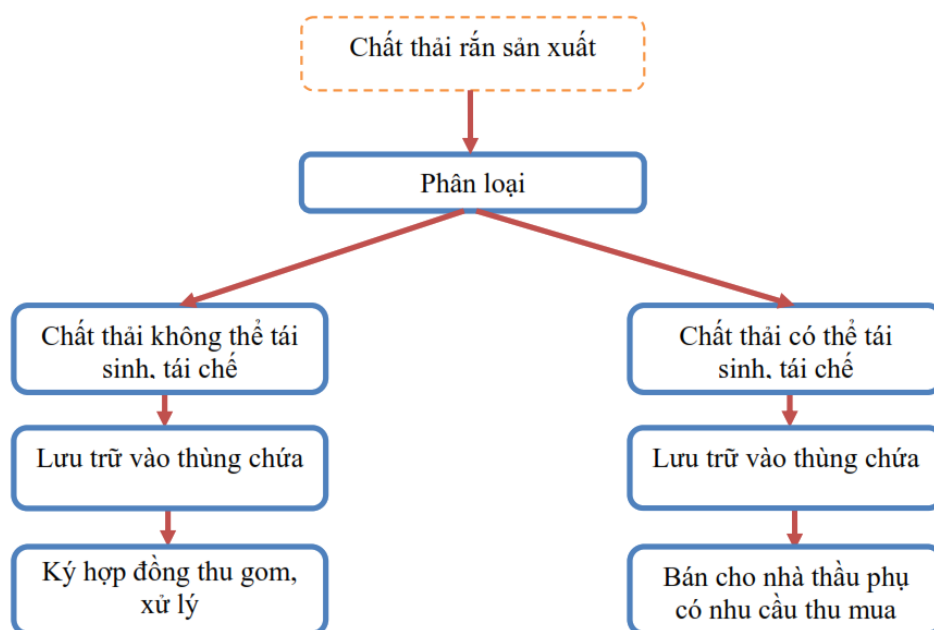
Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất và văn phòng. Chất thải rắn chủ yếu là: vụn nguyên liệu từ quá trình cắt, bao bì chứa nguyên liệu, nylon đóng gói thải, giấy vụn từ văn phòng,...

- Mạt, vụn, kim loại thải loại từ quy trình gia công được ước tính bằng 0,14% so với nguyên liệu đầu vào. Nguyên liệu kim loại đầu vào của các quy trình trên là 320 tấn/năm: $0,14\% \times 320 \text{ tấn/năm} = 448 \text{ kg/năm}$.
 - Các loại vật liệu đóng gói dư thừa như bao bì nylon bị loại bỏ trong quy trình đóng gói hay xuất nhập liệu được ước tính khoảng 25 kg/năm.
 - Các nguyên liệu bằng nhựa bị loại bỏ trong quy trình sản xuất được ước tính khoảng 3 kg/năm.
 - Pallet gỗ hư thải: 5 kg/năm.
 - Bao bì, giấy, carton loại bỏ từ khu vực văn phòng: ước tính khoảng 12 kg/năm.
- Khối lượng và thành phần chất thải rắn thông thường phát sinh cụ thể tại bảng sau:

Bảng 3.5 Tổng hợp chất thải rắn không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu
1	Mặt, vụn kim loại dư thừa, sản phẩm không đạt chất lượng	Rắn	448	TT
2	Bao bì đóng gói	Rắn	25	TT-R
3	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng	Rắn	12	TT-R
4	Pallet gỗ	Rắn	5	TT-R
5	Nguyên liệu bằng nhựa	Rắn	3	TT-R
Tổng cộng			493	

Công ty thu gom theo từng phân xưởng của nhà máy sau đó chuyển đến khu vực tập kết của mỗi nhà máy để tiến hành phân loại xử lý như sau:



Hình 3.8 Sơ đồ quản lý chất thải sản xuất thông thường của cơ sở.

Bố trí các bao chứa bụi bằng túi vải, bao chứa rác thông thường bằng da hoặc túi vải để thu gom chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh.

Phần chai nhựa, nhãn, bao bì, thùng carton không còn giá trị sử dụng sẽ được lưu giữ lại bán phế liệu.

- Đối với các chất thải tái chế, tái sử dụng, công ty sẽ bán cho các đơn vị nhà thầu phụ có nhu cầu.

- Đối với các chất thải không thể tái chế, công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

Các chất thải sản xuất thông thường được thu gom tập trung về khu vực chứa rác thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Kho chứa rác sản xuất thông thường có kết cấu công trình: Với kết cấu móng, cột, nền bê tông chống thấm, mái BTCT kết hợp với mái tole mạ màu dày 0,48mm, có lớp cách nhiệt với tổng diện tích là 5,8 m².



Hình 3.9 Kho chứa chất thải sản xuất thông thường của nhà máy.

- Đối với bùn từ hầm tự hoại 3 ngăn sẽ được bơm hút về bể vi sinh hệ thống xử lý nước thải để bổ sung bùn hoạt tính, không thải bỏ.

- Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn về bể vi sinh để bổ sung cho bể này, phần bùn dư không thể tuần hoàn hoặc tuần hoàn không hết được thu gom về bể chứa bùn và thuê đơn vị đủ chức năng đến thu gom xử lý khi lượng bùn đủ lớn.

4. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

❖ Thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án bao gồm: bóng đèn huỳnh quang hỏng, bao bì đựng dầu nhớt, giẻ lau nhiễm hóa chất dầu mỡ,...

Mạt, vụn, kim loại thải nhiễm dầu được ước tính bằng 0,2% so với nguyên liệu đầu vào. Nguyên liệu kim loại đầu vào là 320 tấn/năm:

$$0,2\% \times 320 \text{ tấn/năm} = 640 \text{ kg/năm}$$

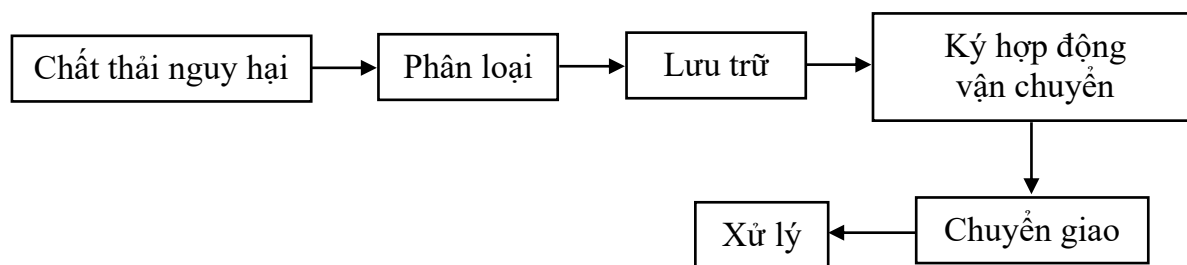
Khối lượng và thành phần chất thải nguy hại phát sinh cụ thể tại bảng sau:

Bảng 3.6 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Khối lượng năm 2024 (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn	640	530	Tẩy rửa
2	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	280	210	TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	14	8	Nghiên-CL
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 03 03	Lỏng	10	-	TĐ
5	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa - lý	12 02 02	Bùn	250	215	PT - TĐ
Tổng cộng				1.194	963	

Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); khác.

Giải pháp quản lý chất thải nguy hại được công ty áp dụng như sau:



Hình 3.10 Sơ đồ quản lý chất thải nguy hại của nhà máy.

- Thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn đối với những loại chất thải nguy hại phát sinh. Quá trình phân loại tại nguồn được đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về an toàn, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

- Các loại chất thải nguy hại được lưu chứa tại khu chứa CTNH được bố trí tại mỗi nhà máy, hiện đang đảm bảo lưu chứa CTNH phát sinh tại nhà máy.

- Nhà máy bố trí thùng sắt loại 150 lít, thùng nhựa loại 240 lít để lưu chứa tại Kho chứa CTNH của nhà máy có kết cấu nền sàn nhà kho được sơn chống thấm, có đường rãnh để thu gom và lưu chứa hóa chất, dung môi tràn đổ; có trang bị biển báo, dán nhãn theo từng loại chất thải, có mái che, tường bao vây xung quanh ngăn cách với khu vực khác, gờ bao, nền BTCT có gờ chống tràn ... tuân thủ quy định về quản lý CTNH. Đảm bảo tuân thủ theo Điều 36 Thông tư số 02/2022/BTNMT. Nhà máy bố trí 2 kho chứa CTNH với diện tích lần lượt là 10,8 m² và 5,76 m².



Hình 3.11 Kho chứa chất thải nguy hại của nhà máy.

- Chất thải nguy hại sau khi được phân loại sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại của công ty. Toàn bộ CTNH phát sinh đã được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt theo quy định. Trong ngày, công nhân sẽ kiểm tra liên tục các thùng chứa CTNH. Khi kết thúc ca làm việc, CTNH được đưa về khu lưu chứa CTNH.

- Tiến hành phân loại, dán nhãn cảnh báo, mã số chất thải nguy hại, sắp xếp chất thải nguy hại trong kho chứa theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

❖ Biện pháp xử lý chất thải nguy hại

Giải pháp xử lý chất thải nguy hại được công ty thực hiện như sau:

- Nhà máy ký kết hợp đồng xử lý chất thải nguy hại định kì 1 năm/lần, nước thải chứa dung môi định kì 3 tháng/lần. Đảm bảo không gây gián đoạn trong việc thu gom xử lý chất thải nguy hại.

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 685/2024/HDKT/TTN-ACE với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên về việc thu gom, xử lý và vận chuyển chất thải nguy hại.

- Thực hiện báo cáo định kỳ với cơ quan chức năng về số lượng chất thải nguy hại đã được xử lý, số lượng lưu trữ còn lại tại công ty theo đúng quy định.

5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Tiếng ồn trong xưởng sản xuất của nhà máy khá cao. Tuy nhiên Công ty nằm trong KCN nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.
- Các biện pháp đề xuất thực hiện trong nhà máy nhằm hạn chế độ rung trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị như sau:
 - Đúc móng máy đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền;
 - Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;

- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ dự án phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;

- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 09/2000/TT-BYT ngày 28/04/2000 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

❖ Phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ

Kiểm soát các nguồn gây cháy nổ:

Nếu có cháy nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của nhà máy thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân trong công ty sẽ rất lớn. Vì vậy, nhà máy đã được đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hiện trạng phòng cháy chữa cháy tại nhà máy như sau:

- Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong công ty, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong công ty. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái;

- Trong khu sản xuất, kho chứa nguyên liệu, sản phẩm, kho chứa dầu, khu vực để hóa chất được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng;

- Bể chứa nước cứu hỏa phải luôn luôn đầy nước, đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa phải luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc. Lượng nước trung bình cung cấp liên tục 15 l/s trong 3 giờ;

- Các hạng mục dễ cháy như kho nhiên liệu, nguyên liệu, kho hàng, bồn chứa dầu...được lắp hệ thống cửa cách ly, và được đảm bảo một không gian cách ly an toàn;

- Bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có cháy nổ xảy ra;

- Quy định cấm công nhân hút thuốc lá trong khu vực sản xuất, kho chứa nguyên vật liệu, hóa chất và các khu vực khác;

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống lò hơi, ống dẫn gas, bồn chứa dung môi,... nhằm kiểm soát rò rỉ, cháy nổ. Xây dựng các chương trình huấn luyện, tập huấn cho công nhân viên kiến thức về an toàn lao động, công tác cứu hộ, sơ tán khi có sự cố cháy nổ xảy ra;

- Tất cả các hạng mục công trình trong công ty đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa bao gồm bình CO₂ vật dập lửa và các vật liệu khác thang chữa cháy. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂;

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên bằng cách dán băng rôn, băng hiệu đề phòng sự cố cháy. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Công ty tuân thủ thực hiện đúng theo Luật Phòng cháy Chữa cháy, tuân thủ các tiêu chuẩn TCVN 2622-1995, TCVN 5760-1993, TCVN 5738-1993 và các quy định về Phòng cháy Chữa cháy của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện, cấp cứu như:

- + Các trang thiết bị khám nhanh: nhiệt kế, ống nghe, máy đo huyết áp;
- + Phương tiện phòng hộ cá nhân, khẩu trang, dung dịch cồn;
- + Thuốc: thuốc hạ sốt, dịch truyền;
- + Sổ sách theo dõi;
- + Băng ca;
- + Bình Oxy;
- + Tủ thuốc.

Cháy do dùng điện quá tải

Để tránh hiện tượng quá tải điện, Nhà máy đã và sẽ tiếp tục áp dụng biện pháp như sau:

- Các nhà thầu xin ý kiến nhà máy khi có nhu cầu sử dụng nguồn điện để tránh trường hợp điện quá tải;

- Chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện;

- Khi sử dụng không được dùng thêm quá nhiều dụng cụ tiêu thụ điện có công suất lớn nếu mạng lưới điện cung cấp không đảm bảo;

- Những nơi cách điện bị dập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới;

- Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải được trang bị những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role...

Phòng chống cháy do chập mạch

Để đề phòng chập mạch, nhà máy có thể áp dụng các biện pháp sau:

- Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng thiết bị điện phải theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an

toàn;

- Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại sẽ bị mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện;

- Các dây điện nối vào phích cắm, đuôi đèn, máy móc phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.

Phòng chống cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở)

Để phòng chống cháy do nối dây không tốt, các điểm nối dây phải đúng kỹ thuật.

Khi thấy nơi quần băng dính bị khô và cháy sáng thì phải kiểm tra ngay và nối chặt lại điểm nối. Không được co kéo dây điện hay treo các vật nặng lên dây. Đường dây dẫn điện, các cầu chì, cầu dao không để bị gỉ, nếu bị gỉ thì nơi gỉ là nơi phát nhiệt lớn.

Phòng cháy do tia lửa tĩnh điện

Để đề phòng tĩnh điện, công ty sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau:

- Truyền điện tích tĩnh điện đi bằng cách tiếp đất cho các thiết bị máy móc, các bể chứa các ống dẫn;

- Tăng độ ẩm tương đối của không khí ở trong xưởng có nguy hiểm tĩnh điện lên 70% (vì phần lớn các vụ cháy nổ do tích điện gây ra khi độ ẩm của không khí thấp trong khoảng 30 – 40% và dẫn điện kém), ion hóa không khí để nâng cao tính dẫn điện của không khí;

- Toàn bộ bộ phận đai chuyển động (coi như máy phát điện vĩnh cửu với điện áp cao) tốt nhất phải tiếp đất các phần kim loại, còn dây truyền thì bôi lớp dầu dẫn điện đặc biệt như graphit lên bề mặt ngoài trong lúc máy phát nghỉ.

Biện pháp chữa cháy thiết bị điện

Trong đám cháy, điện bao giờ cũng có ánh chớp sáng xanh của tia lửa điện, mùi khét của ozone không khí hoặc mùi khét do cháy các vỏ cách điện. Thiết bị điện cháy thường không cháy to nhưng nguy hiểm, vì nếu không dập tắt kịp thời sẽ gây cháy nhà xưởng, thiết bị, vật tư khác. Cần phải ngắt nguồn điện các thiết bị điện trước khi tiến hành chữa cháy, nếu cháy nhỏ có thể dùng bình CO₂. Khi đám cháy đã phát triển lớn, tùy tình hình cụ thể mà quyết định phương pháp chữa cháy thích hợp.

Khi ngắt điện, người chữa cháy phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ như sào cách điện, bọc cách điện, ủng, găng tay và kéo cắt điện. Những dụng cụ này phải ghi rõ điện áp cho phép sử dụng.

Kiểm soát các cháy nổ tại bãi giữ xe

Công ty đã và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị đầy đủ các loại phương tiện chữa cháy theo quy định và theo hướng dẫn của Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ. Quy hoạch khu vực gửi xe để thuận tiện, dễ dàng sơ tán

xe khi có cháy. Nhân viên làm việc ở các khu vực này được huấn luyện thuần thục về biện pháp, phương pháp xử lý các tình huống cháy, nổ xảy ra;

- Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động được kiểm tra, bảo trì thường xuyên để bảo đảm hiệu quả chữa cháy.

- Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động bảo đảm kích thước và tải trọng;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy bảo đảm yêu cầu phục vụ chữa cháy;

- Tổ chức huấn luyện cho lực lượng PCCC cơ sở xử lý tốt tình huống ban đầu để giảm tối đa thiệt hại;

- Sử dụng nước để chữa cháy hay hệ thống chữa cháy bột, foam (loại chuyên dụng về chữa cháy xăng, dầu).

Phòng chống sét

Do khu vực cơ sở có khả năng bị thiên tai như sấm chớp nên các biện pháp phòng ương ứng đã và sẽ tiếp tục duy trì như sau:

- Các thiết bị chống sét cục bộ được lắp đặt đối với các thiết bị ngoài trời của trạm giảm áp. Việc nối đất cho các xưởng thép và nhà xưởng của hệ thống phụ trợ được thực hiện với điện trở nối đất không lớn 30 Ω ;

- Nối đất làm việc và nối đất bảo vệ của các phòng điều khiển điện được kết hợp. Điện trở nối đất không lớn hơn 30 Ω ;

- Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ (theo quy định 76 VT/QĐ ngày 02/3/1983 của Bộ Vật tư);

- Điện trở tiếp đất xung kích $\leq 10 \Omega$. Khi điện trở suất của đất $< 50.000 \Omega.cm$.

❖ Phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan hóa chất

Đối với sự cố rò rỉ, đổ tràn hóa chất, dầu

Để tránh hiện tượng tràn đổ, rò rỉ dầu - hoá chất, trong kho dầu, hóa chất bảo quản được sắp xếp ngay ngắn và theo từng khu vực riêng. Không xếp chồng lên nhau hoặc xếp quá chiều cao quy định có thể gây nghiêng đổ (phuy, can khi xếp chồng không quá 2 lớp, chiều cao của các lô hàng không quá 2 m), lối đi giữa các lô hàng hoá tối thiểu là 1,5 m. Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát.

Bố trí kho dầu riêng biệt diện tích 140 m² (nằm chung trong khu vực nhà xưởng), kết cấu nền bê tông chống thấm, mái che, cửa ra vào, có dán nhãn tên phân loại.

Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng, phuy chứa đựng hoá chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập

kho. Trường hợp xảy ra sự cố thì thực hiện theo quy trình ứng phó sự cố hóa chất được trình bày chi tiết ở nội dung bên dưới.

Đối với sự cố cháy nổ kho dầu, khu vực dễ hóa chất

Những người làm việc với hoá chất nguy hiểm được đào tạo và có giấy chứng nhận đã được học tập về phương pháp làm việc an toàn và cách giải quyết các sự cố xảy ra.

Có đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, được hướng dẫn cách sử dụng và bảo quản cho công nhân. Quần áo, găng tay, ủng, kính, mặt nạ phòng độc,... được cung cấp đầy đủ và phù hợp với tính chất công việc, mức độ độc hại của hoá chất.

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện chữa cháy tại khu vực.

Trong khu vực kho hóa chất có bảng chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu cấm lửa để ở nơi dễ nhận thấy. Nghiêm cấm hút thuốc lá tại khu vực này. Khi cần thiết phải sửa chữa cơ khí, hàn điện hay hàn hơi phải có quy trình làm việc an toàn, có xác nhận của cán bộ an toàn lao động.

Tất cả các dụng cụ điện, thiết bị điện đều là loại phòng chống cháy nổ. Việc dùng điện chạy máy và điện thắp sáng ở những nơi có hoá chất dễ cháy nổ đều đảm bảo các yêu cầu sau:

- Không được đặt dây cáp điện trong cùng một đường rãnh ngầm hoặc nổi có ống dẫn hơi khí, chất lỏng dễ cháy nổ, không được lợi dụng các đường ống này làm vật nối đất tự nhiên;
- Khi sửa chữa thay thế thiết bị điện thuộc nhánh nào thì phải cắt điện dẫn vào nhánh đó và chỉ người có trách nhiệm kỹ thuật điện mới được tiến hành việc này;
- Thiết bị điện nếu không bọc kín, an toàn về cháy nổ thì không được đặt ở nơi có hoá chất dễ cháy nổ;
- Cầu dao cầu chì, ổ cắm điện được đặt ở ngoài khu vực cháy nổ;
- Bất kỳ nhánh dây điện nào cũng có cầu chì hay thiết bị bảo vệ tương ứng;
- Tất cả các chi tiết máy động hoặc dụng cụ làm việc đều được làm bằng vật liệu không được phát sinh tia lửa do ma sát hay va đập. Tất cả các trang thiết bị bằng kim loại đều phải tiếp đất, các bộ phận hay chi tiết bị cách điện đều phải có cầu nối tiếp dẫn;
- Khi san rót hoá chất dễ cháy nổ từ bình này sang bình khác, các bình chứa phải được đặt tiếp đất;
- Đối với việc hàn thiết bị, ống dẫn trước đây chứa hoá chất dễ cháy nổ, phải mở hết các nắp thiết bị, mặt bích ống dẫn để thoát hết khí dễ cháy nổ ra ngoài đảm bảo không còn khả năng tạo hỗn hợp cháy nổ, khi đó mới được tiến hành;
- Khi sơn xỉ, nhất là sơn trong diện tích kín phải đảm bảo hỗn hợp sơn với không khí ở ngoài vùng giới hạn nổ tránh hiện tượng tích điện gây cháy nổ.

Đối với sự cố tràn đổ do quá trình bốc dỡ thùng đựng dầu, hóa chất

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Thông gió diện tích tràn đổ hoá chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, hấp thụ hoá chất tràn đổ bằng chất liệu trơ (như vermiculite, cát hoặc đất) sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, huỷ bỏ tất cả các nguồn lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hoá chất. Hấp thụ hoá chất tràn đổ bằng chất liệu trơ (như vermiculite, cát hoặc đất), không sử dụng chất liệu dễ cháy (như mùn cưa), sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Phun nước để giải tán hơi hoá chất, bảo vệ nhân viên trong khi xử lý rò rỉ, hạn chế tiếp xúc với hoá chất. Sử dụng dụng cụ, thiết bị không phát ra tia lửa.

Quy trình ứng phó cụ thể cho sự cố tràn đổ và rò rỉ hóa chất như sau:

- Báo động
- Ngay lập tức báo cho công nhân hay trưởng ca hay phụ trách phòng gần nơi chảy tràn, rò rỉ hóa chất.
- Báo cho trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường (nếu cần).
- Xác định vị trí hóa chất tràn đổ, rò rỉ
- Nhanh chóng xác định hóa chất chảy tràn từ thùng, bể chứa nào.
- Mang thiết bị bảo hộ lao động
- Mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,...
- Các bảo hộ cá nhân khác,...
- Các đơn vị sản xuất có trang bị dụng cụ phòng hộ (kính bảo hộ/ găng tay) các cá nhân đều được trang bị dụng cụ phòng hộ (nhét tai, nón an toàn v.v.).
- Các đơn vị sản xuất có trang bị công cụ quét dọn vệ sinh xung quanh, và quản lý phân loại rác, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ và tái sử dụng tài vật liệu.
- Nhân viên phòng thực nhiệm phải được qua đào tạo và tuyển chọn chuyên nghiệp, để có thể giảm thiểu đến tối sự cố tai nạn phát sinh.
- Tắt nguồn gây tràn, thùng chứa gây rò rỉ
- Đóng các van cần thiết hay tắt bơm liên quan để không cho tiếp tục gây tràn bể.
- Để tránh trường hợp này, chuẩn bị bao cát, bông thấm ở những nơi cần thiết. và dùng các vật liệu này để thấm hóa chất chảy tràn hay rò rỉ.
- Cô lập khu vực rò rỉ
- Dùng biển báo thanh chắn, hàng rào hay cho người đứng canh chừng không cho bất cứ

ai đi qua khu vực rò rỉ.

- Đóng tất cả các van xả hay dùng các phương tiện khác (nếu được) để ngăn không cho khí gas rò rỉ; hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống cống.

- Dùng thùng hứng các hóa chất rò rỉ.

- Thu hồi hóa chất chảy tràn, đổ.

- Sửa chữa chỗ rò rỉ, vệ sinh sau sự cố.

- Lập biên bản và viết báo cáo nguyên nhân và hậu quả sự cố

- Lập phương án tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động tiếp xúc trực tiếp với hóa chất

- Lập phương án tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động tiếp xúc trực tiếp với hóa chất gửi về Sở Công Thương.

- Mời Sở Công Thương kiểm tra và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho người lao động đã được huấn luyện.

- Định kỳ 02 năm công ty sẽ mời đơn vị có chức năng huấn luyện cho cán bộ quản lý và người lao động.

Công ty cam kết thực hiện công tác phòng chống rò rỉ, tràn đổ hóa chất và phòng ngừa sự cố hóa chất tuân thủ đúng thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

❖ Phòng ngừa, kiểm soát ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi khí thải

Định kì kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.

Thường xuyên vệ sinh túi lọc bụi. Tần suất thay thế túi trung bình 2 tháng/lần.

Trường hợp xảy ra sự cố như lỏng, cháy túi đựng bụi thì sẽ tạm ngưng máy, kiểm tra sự cố và tiến hành thay thế bằng túi đựng mới.

Có sổ nhật ký vận hành theo dõi lưu lượng xả khí thải hàng ngày.

❖ Phòng ngừa kiểm soát sự cố hệ thống xử lý nước thải

Luôn kiểm tra thường xuyên lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải đầu ra của để có những giải pháp xử lý tốt hơn.

Đảm bảo có nhân viên theo dõi, kịp thời liên hệ và thông báo đến đơn vị đầu tư hạ tầng KCN để được hỗ trợ tiếp nhận xử lý trong thời gian khắc phục sự cố.

Nhanh chóng khắc phục nguyên nhân và chịu mọi chi phí phát sinh do sự cố gây ra.

Khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải đầu ra không đạt thì sẽ ngưng xả nước thải ra hồ ga quan trắc, tạm ngưng sử dụng nhà vệ sinh (dùng nhà vệ sinh di động), hạn chế sản xuất, bơm nước thải chưa xử lý lưu trữ qua bể điều hòa hoặc có thể bố trí thêm bồn chứa bằng nhựa và khắc phục trong thời gian sớm nhất (24h). Nếu vẫn chưa khắc phục được sự cố thì sẽ thông báo cho Quản lý của KCN là Công ty CP Sonadezi Long Bình và xin xả nước thải chưa xử lý vào hệ thống tập trung của KCN và tiếp tục tiến hành khắc phục sự cố. Đảm bảo không tràn đổ nước thải chưa xử lý ra môi trường bên ngoài.

Đối với bể tự hoại

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

❖ Giảm thiểu khả năng mắc bệnh nghề nghiệp

Nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc tại nhà máy, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu các bệnh nghề nghiệp cho công nhân như sau:

- Phân công lao động hợp lý.
- Đảm bảo ánh sáng và thông thoáng nhà xưởng trong các xưởng sản xuất.
- Thường xuyên tập huấn an toàn lao động cho công nhân.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.
- Định kỳ, tiến hành kiểm tra sức khỏe cho công nhân và cung cấp các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe cho công nhân.

❖ Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Biện pháp thích ứng biến đổi khí hậu

Những giải pháp mà công ty đã áp dụng cho toàn nhà máy được trình bày như sau:

- Nhà xưởng sản xuất của nhà máy được thiết kế đủ độ cao, tạo điều kiện thông gió theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp;
- Tại những khu vực có nền nhiệt cao thì công ty đã lắp đặt hệ thống điều hòa và quạt thông gió nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;

- Công ty đã trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như đồng phục lao động, nón bảo hộ, nút tai,...

- Trồng cây xanh bao quanh các nhà xưởng để tạo bóng mát, đồng thời cải thiện điều kiện vi khí hậu cho nhà máy. Bên cạnh đó, cây xanh còn có khả năng hấp thu khói, bụi, nhiều khí độc khác và có khả năng che chắn ồn đáng kể. Nhà máy sẽ cố gắng tăng cường diện tích cây xanh trong khu vực Nhà máy.

- Đảm bảo đủ diện tích theo yêu cầu là $\geq 20\%$ (theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng) tổng diện tích xây dựng. Bên cạnh trồng cây xanh thì nhà máy còn quan tâm đến dọn dẹp vệ sinh môi trường thường xuyên như quét dọn lá cây, cát,...

Giảm thiểu tác động đến văn hóa – xã hội

Tác động chính đến môi trường kinh tế - xã hội là vấn đề chỗ ở và sinh hoạt của công nhân và việc quản lý công nhân do tập trung công nhân với số lượng lớn. Để giảm thiểu tác động này, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Cố gắng sử dụng càng nhiều càng tốt nguồn lao động tại chỗ: người lao động tại địa phương có đầy đủ năng lực theo yêu cầu của công ty và có mong muốn được tuyển dụng sẽ được chủ cơ sở tuyển dụng tối đa.

- Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức các chương trình:

+ Giáo dục, tuyên truyền ý thức công dân đối với công nhân.

+ Giới thiệu với lao động nhập cư về phong tục/tập quán của người dân địa phương để tránh những trường hợp hiểu lầm đáng tiếc giữa người lao động nhập cư và người dân địa phương.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn.

7. Các nội dung thay đổi so với phiếu xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường

Theo Phiếu xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án số 1577/BĐK-KHCNMT-MTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp thì nội dung có thay đổi như sau:

Bảng 3.7 Bảng tổng hợp nội dung thay đổi so với Quyết định đã được phê duyệt

STT	Tên công trình	Nội dung đã được phê duyệt	Nội dung điều chỉnh	Ghi chú
1	Thay đổi pháp nhân	Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam	Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam	
2	Công suất sản xuất	Sản lượng năm sản xuất ổn định: 5.000.000 sản phẩm	- Ghế ngồi đánh đàn: 10.000 sản phẩm/năm - Giá để đàn: 55.000 sản phẩm/năm - Đế xoay, thanh sắt: 15.000 sản phẩm/năm - Giá để đĩa: 4.000 sản phẩm/năm - Gia công: 3.000 sản phẩm/năm	
3	Hệ thống xử lý nước thải	Không có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Nhà máy đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải 10 m ³ /ngày.đêm với diện tích 63 m ²	
4	Hệ thống xử lý khí thải	Không có hệ thống xử lý khí thải	Cơ sở đã lắp đặt tại buồng phun sơn 1 HTXL bụi có công suất 9.000 m ³ /giờ.	

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt 3,2 m³/ngày.đêm
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất 7,055 m³/ngày.đêm
- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh: 9,855 m³/ngày.đêm

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 9,855 m³/ngày.đêm

1.3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải

1.3.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

- Nguồn: 01 dòng nước thải đầu ra sau hệ thống XLNT công suất 10 m³/ngày.đêm của nhà máy. Cơ sở đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 114/CT-ĐT ngày 17/07/2008 với Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO để thu gom, xử lý nước thải từ nhà máy.

1.3.2 Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°): Hố ga quan trắc trên đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai: X = 1187914.811; Y = 409358.352

- Phương thức xả thải: tự chảy.
- Chế độ xả: 24/24 giờ.
- Nguồn tiếp nhận tiếp nhận: hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.

Bảng 4.1 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1	Ghi chú
1	pH	-	6 – 8	
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	200	
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	300	
4	COD	mg/L	500	

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1	Ghi chú
5	Tổng Nito	mg/L	60	
6	Tổng Photpho	mg/L	8	
7	Amoni	mg/L	15	
10	Dầu mỡ khoáng	mg/L	5	
11	Sắt	mg/L	10	
12	Đồng	mg/L	5	
13	Chì	mg/L	0,5	
14	Kẽm	mg/L	5	
15	Coliform	MPN/100mL	-	

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn: Khí thải hệ thống sơn tĩnh điện

Lưu lượng xả khí thải tối đa: 9.000 m³/h.

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°): KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai: X = 1242544.655; Y = 476769.755

Bảng 4.2 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của dòng khí thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (K _V = 1; K _P = 1)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	500
4	NO _x	mg/Nm ³	850
5	CO	mg/Nm ³	1.000
6	Nhiệt độ	°C	-

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: khu vực nhà xưởng 1;
- Nguồn số 02: khu vực nhà xưởng 2;
- Nguồn số 03: khu vực nhà xưởng 3;
- Nguồn số 04: khu vực hệ thống XLNT.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X = 1242522.533; Y = 476771.559
- Tọa độ nguồn số 02: X = 1242572.381; Y = 476666.044
- Tọa độ nguồn số 03: X = 1242583.412; Y = 476707.908
- Tọa độ nguồn số 04: X = 1242426.687; Y = 476753.291

3.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng tiêu chí

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng tiêu chí về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn

Bảng 4.3 Giá trị giới hạn tiếng ồn xung quanh

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.3.2. Độ rung

Bảng 4.4 Giá trị giới hạn độ rung phát sinh của cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải của cơ sở, Công ty đã phối hợp với đơn vị phân tích mẫu và đơn vị tư vấn, là những đơn vị được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường thực hiện việc quan trắc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất lượng công trình xử lý nước thải.

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Vị trí lấy mẫu: vị trí quan trắc nước thải đầu ra sau xử lý
- Các thông số đo đạc và phân tích: pH, BOD₅, TSS, COD, tổng Nitơ, tổng Photphat.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Bảng 5.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			
			04/07/2023	28/12/2023	25/06/2024	25/12/2024
1	pH	-	7,28	7,30	7,27	7,11
2	TSS	mg/l	65	70	65	53
3	Tổng N	mg/l	22,4	24,7	20,7	22,7
4	Tổng P	mg/l	2,83	2,55	2,10	2,85
5	BOD ₅	mg/l	61	66	52	50
6	COD	mg/l	117	139	106	98

(Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc môi trường định kì tại cơ sở)

2. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Theo Quyết định số 1656/QĐ-XPHC của Ủy ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch ngày 24 tháng 04 năm 2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở đã đi vào hoạt động phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cụ thể: Công ty đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 nhưng đến ngày 01 tháng 01 năm 2025 chưa có giấy phép môi trường (theo điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường 2020 cơ sở phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành).

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của nhà máy, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn nhà máy đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 dự án thuộc thứ tự 2 phụ lục IV và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Cơ sở phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải dựa vào Khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, chủ cơ sở đề xuất chương trình vận hành thử nghiệm là 3 tháng và lấy mẫu 3 ngày liên tiếp (mẫu đơn).

1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm đã thực hiện

Thời gian kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải mà cụ thể là hệ thống xử lý bụi sơn tĩnh điện và hệ thống xử lý nước thải 10 m³/ngày.đêm như sau:

Thời gian bắt đầu: 9/2025

Thời gian kết thúc: 11/2025

Đảm bảo thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm không quá 30 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường và thời gian thực hiện vận hành thử nghiệm không quá 6 tháng.

Công suất dự kiến đạt được là 90%.

Sau khi hoàn thành thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở, cơ sở sẽ tổng hợp các kết quả quan trắc, phân tích để nộp về cơ quan quản lý.

1.2. Kết quả quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường

Bảng 6.1 Kế hoạch lấy mẫu giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Thời gian/tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
A	Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý			
1	01 ống thải hệ thống xử thu hồi bụi		01 lần/01 ngày (lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp)	

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Thời gian/tần suất quan trắc	Quy chuẩn so sánh
2	01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, NH ₄ ⁺ , Nito tổng, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Fe, Zn	01 lần/01 ngày (lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp)	Quy định về chất lượng nước thải đầu nối vào trạm XLNT tập trung KCN Nhơn Trạch 1.

1.2.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu và phân tích các thông số ô nhiễm theo quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành.

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo đúng quy định tại nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải

Căn cứ vào khoản 2 điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: cơ sở xả nước thải sau xử lý về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ.

2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Căn cứ vào khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: cơ sở có tổng lưu lượng khí thải thải ra môi trường của các ống khói thành phần là 9.000 m³/giờ. Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

2.2.1. Quan trắc nước thải

Căn cứ tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì do cơ sở xả nước

thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy được dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung mà không xả thải thẳng ra môi trường nên không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.2.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Căn cứ theo Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án không thuộc phụ lục II của Nghị định này. Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Như đã trình bày ở trên, cơ sở không thuộc nhóm đối tượng phải thực quan trắc định kỳ hay liên tục. Tuy nhiên, công ty đảm bảo thực hiện giám sát lưu lượng nước thải hằng ngày. Hiện tại, cơ sở đã và đang sử dụng đồng hồ đo lưu lượng nước thải và có nhật ký vận hành để theo dõi - ghi chép lưu lượng nước thải hằng ngày.

- Vị trí: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý
- Tần suất giám sát: hàng ngày
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra sau xử lý.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Chi phí đo đạc, phân tích được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6.2 Tổng kinh phí giám sát chất lượng môi trường cơ sở

STT	Hạng mục	Thành tiền (đồng)
1	Giám sát chất lượng môi trường nước thải, khí thải	30.000.000
2	Giám sát chất thải rắn	20.000.000
3	Xử lý số liệu, viết báo cáo, in ấn	50.000.000
Tổng cộng		55.000.000

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, chủ cơ sở cam kết thực hiện lấy mẫu quan trắc theo quy định. Vào cuối năm, chủ cơ sở sẽ tổng hợp các kết quả và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm gửi Ban Quản lý KCN Nhơn Trạch 1 và các cơ quan ban ngành để theo dõi, giám sát.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở xin cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực đối với các số liệu được thực hiện trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án.
- Cam kết hoạt động của dự án tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về môi trường sau:
 - + Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
 - + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 - + QCVN 20:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ;
 - + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
 - + QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu và giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
 - + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
 - + QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc;
 - + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
 - + Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Cam kết hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng hoàn toàn. Định kỳ vệ sinh, nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải, bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Cam kết nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1, đầu nối nước thải vào KCN và ký hợp đồng xử lý nước thải với KCN theo quy định.

- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết sẽ ngưng toàn bộ hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố nếu Công ty xảy ra sự cố và chỉ đi vào hoạt động sản xuất lại khi các sự cố này đã được khắc phục hoàn toàn.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

- Cam kết phối hợp chặt chẽ với đơn vị hạ tầng, chính quyền địa phương trong việc giữ gìn an ninh trật tự, tệ nạn xã hội và giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường.

- Cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2022; các văn bản pháp luật và văn bản kỹ thuật khác.

Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ./.

PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO

PHỤ LỤC I: VĂN BẢN PHÁP LÝ

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Phiếu xác nhận môi trường.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Hợp đồng thuê đất
- Hợp đồng xử lý nước thải.
- Hóa đơn điện, nước.
- Phiếu quan trắc môi trường.
- Hợp đồng rác thải sinh hoạt.
- Hợp đồng rác thải công nghiệp thông thường.
- Hợp đồng CTNH.
- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

PHỤ LỤC II: CÁC BẢN VẼ HOÀN CÔNG CỦA CƠ SỞ

- Mặt bằng tổng thể.
- Mặt bằng thoát nước mưa.
- Mặt bằng thoát nước thải.

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI CỦA CƠ SỞ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3600573093

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 07 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 09 tháng 02 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE
PACIFIC VIETNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACE-PACIFIC VIETNAM LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Đường số 2, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Điện thoại: 0251 3560873

Email:

Website:

Fax: 0251 3560872

3. Vốn điều lệ

45.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng

Tương đương 2.500.000 Đô La Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: LINK ENTERPRISE INC

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 28823

Ngày cấp: 09/11/2006 Nơi cấp: Đài Loan

*Địa chỉ trụ sở chính: 3F, No. 25, Alley 52, Lane 117, Tianmu Rd., Beitou District,
Taipei, Taiwan, Trung Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



* Họ và tên: LIN, HSI-CHIEH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/02/1964

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc (Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

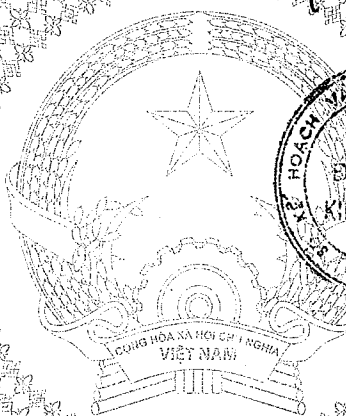
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 360063655

Ngày cấp: 08/04/2021

Nơi cấp: Đài Loan

Địa chỉ thường trú: No. 40, Lane 416, Hou Bei Rd, Ho Mei Chen, Chang Hua, Taiwan 50843, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hồ Quốc Thịnh

**BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1021285673

Chứng nhận lần đầu: ngày 25 tháng 7 năm 2002

Chứng nhận thay đổi lần thứ tư: ngày 26 tháng 4 năm 2011

Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy: ngày 19 tháng 8 năm 2013

Chứng nhận thay đổi lần thứ tám: ngày 25 tháng 01 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000434 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 4 năm 2011 và thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 8 năm 2013;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM nộp ngày 13 tháng 01 năm 2022,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000434 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 4 năm 2011 và thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 8 năm 2013 được đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và được đăng ký:

- Điều chỉnh thông tin hộ chiếu người đại diện Nhà đầu tư.

- Hủy mục tiêu cho thuê nhà xưởng.
- Tăng quy mô sản xuất các loại dụng cụ ăn, nấu ăn và đồ dùng gia đình bằng kim loại (không bao gồm công đoạn xi mạ) từ 30.000 sản phẩm/năm lên 500.000 sản phẩm/năm.
- Tăng vốn đầu tư từ 2.800.000 đô la Mỹ lên 3.800.000 đô la Mỹ (tăng 1.000.000 đô la Mỹ).
- Tăng vốn góp từ 2.000.000 đô la Mỹ lên 2.500.000 đô la Mỹ (tăng 500.000 đô la Mỹ).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

LINK ENTERPRISE INC.; Giấy phép thành lập số 28823 ngày 09 tháng 11 năm 2006 tại Samoa.

Địa chỉ trụ sở chính: 3F., No. 25, Alley 52, Lane 117, Tianmu Rd., Beitou District, Taipei, Taiwan, China.

Người đại diện: Ông LIN, KO; sinh ngày 06 tháng 8 năm 1981; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số: 312175264 cấp ngày 11 tháng 11 năm 2015 tại Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: 3F., No. 25, Alley 52, Lane 117, Tianmu Rd., Beitou District, Taipei, Taiwan, China; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600573093 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2002, thay đổi lần thứ tám ngày 27 tháng 12 năm 2021.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM.**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC
01	Sản xuất các loại dụng cụ ăn, nấu ăn và đồ dùng gia đình bằng kim loại (không bao gồm công đoạn xi mạ).	500.000 sản phẩm/năm	2599
02	Sản xuất đồ dùng gia đình và phụ kiện đồ dùng gia đình bằng nhựa (thau, chậu, rửa, rá, bình thủy, tủ đồ em bé, kệ, bàn ghế...).	500 tấn sản phẩm/năm	2220

03	Thực hiện hoạt động sơn tĩnh điện.	400 tấn sản phẩm/năm	2592
04	Sản xuất dây đai, dây đeo các loại và các phụ kiện kèm theo.	900 tấn sản phẩm/năm	3290

3. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 17.000 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 67.940.000.000 (sáu mươi bảy tỷ, chín trăm bốn mươi triệu) đồng, tương đương 3.800.000 (ba triệu, tám trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 45.500.000.000 (bốn mươi lăm tỷ, năm trăm nghìn) đồng, tương đương 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 65,79% tổng vốn đầu tư, do LINK ENTERPRISE INC. góp; tiền độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2002.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2003.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

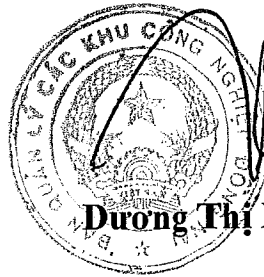
2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

3. Đối với phần tăng quy mô sản xuất các loại dụng cụ ăn, nấu ăn và đồ dùng gia đình bằng kim loại: Công ty phải hoàn tất thủ tục môi trường theo quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000434 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 4 năm 2011 và thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 8 năm 2013.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC VIỆT NAM được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. 

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Dương Thị Xuân Nương

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy cơ khí sản xuất các loại đồ dùng nhà bếp dụng cụ gia đình
CÔNG TY TNHH SHIH-JUNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH SHIH – JUNG Việt Nam đã trình nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với Dự án Nhà máy cơ khí sản xuất các loại đồ dùng nhà bếp dụng cụ gia đình, đặt tại KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, (với sản lượng năm sản xuất ổn định là: 5.000.000 sản phẩm), ngày 26 tháng 11 năm 2002.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án kèm theo Phiếu xác nhận này.

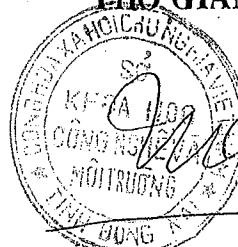
Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án và những yêu cầu đối với chủ dự án tại điều 2 của Phiếu xác nhận này là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Nơi nhận :

- UBND Tỉnh (để b/c)
 - UBND H. Nhơn Trạch
 - Ban QL các KCN
 - CTy SHIH-JUNG (thực hiện)
 - Ban GE Sở
 - Lưu VT, P. QLMT
- Đồng kính gửi :**
- Cục Môi trường (thay b/c)

KT GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CN VÀ MT
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Văn Hết



NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ DỰ ÁN

Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận số 1574/BĐK-KHCNMT-MTg ngày 12/ 2002
của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai

1. Đảm bảo diện tích cây xanh 15% trên tổng diện tích mặt bằng của Công Ty
2. Tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải của Công ty. Tiến hành xử lý nước thải các loại (nước thải sinh hoạt, nước thải từ công đoạn tẩy rửa, từ hệ thống xử lý khí thải, nước thải nhiễm dầu) đạt tiêu chuẩn quy định. Hoàn thành và đưa công trình xử lý nước thải vào sử dụng đồng bộ với hoạt động của nhà máy.
3. Bên cạnh việc xử lý hơi hóa chất, Chủ dự án phải tiến hành các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm đối với ô nhiễm bụi kim loại tại công đoạn tạo hình chi tiết. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.
4. Đối với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất Chủ dự án phải xử lý theo đúng Quy chế Quản lý chất thải nguy hại của Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ - TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 2582/2001/QĐ.CT.UBT ngày 30/7/2001 của Chủ tịch Tỉnh về việc ban hành Quy định an toàn về thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
5. Từ ngày 1/1/2003, Chủ dự án phải thực thi theo Quyết định Số 35/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 25/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc công bố danh mục Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng.
6. Thường xuyên vệ sinh mặt bằng công ty, trang bị vật dụng bảo hộ lao động cho công nhân lao động.
7. Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm theo tần suất tối thiểu 6 tháng/lần, kết quả giám sát gửi về Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường để kiểm tra. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Chủ dự án phải soát xét đầu ra của khí thải, nước thải để có biện pháp xử lý đạt tiêu chuẩn quy định; và được thể hiện trong báo cáo giám sát định kỳ của Công ty.
8. Hoạt động đúng ngành nghề và quy mô đã đăng ký. Trong trường hợp thay đổi ngành nghề, công nghệ sản xuất hay mở rộng sản xuất ở những giai đoạn tiếp theo, Công ty phải báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước thẩm quyền xem xét.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/STNMT-CCBVMT
V/v thay đổi pháp nhân trên Phiếu xác nhận
bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 01CVMT ngày 18/7/2014 của Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam về việc xin sử dụng lại Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án “Nhà máy cơ khí sản xuất các loại đồ dùng nhà bếp dụng cụ gia đình” tại KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1574/BĐK-KHCNMT-MTg ngày 09/12/2002 cho Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam.

Hiện tại Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam đã điều chỉnh tên thành Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472023000434, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 15/11/2011.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất cho Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam được tiếp tục sử dụng bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và Phiếu xác nhận đã được cấp đối với dự án nêu trên, với điều kiện Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam không thay đổi địa điểm, quy mô, nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được đã xác nhận.

Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung và biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Phiếu xác nhận, nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1574/BĐK-KHCNMT-MTg ngày 09/12/2002 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các quy định pháp luật khác về bảo vệ môi trường hiện hành.

Trường hợp có sự thay đổi so với nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được xác nhận và nội dung văn bản này, Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định và chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền có ý kiến thống nhất bằng văn bản.

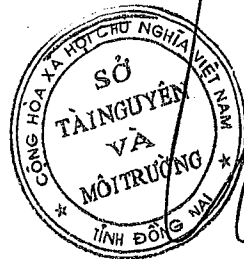
Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời đề Công ty biết và thực hiện./. 

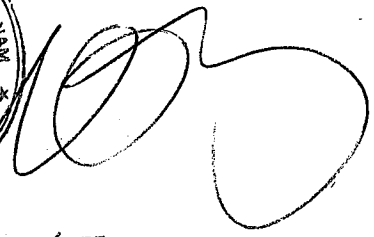
Nơi nhận:

- Như trên;
- BQL các KCN Đồng Nai (để biết);
- Trung tâm công nghệ thông tin (cập nhật dữ liệu);
- Lưu: VT, CCBVMT (8b).

D:\PTĐ\Thảo\TTMT\2014\Cty.Ace Pacific VN

GIÁM ĐỐC 




Lê Viết Hưng

Số: 378 /SDK-TNMT

Biên Hòa, ngày 04 tháng 7 năm 2008

SỞ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 75.000569.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

- Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Điện thoại: 0613 560873 Fax: 0613 560872.
- Tài khoản số: 0121000169485 tại Ngân hàng Vietcombank CN Nhơn Trạch.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 472023000434 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 4 năm 2008 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.
- Tên cơ sở phát sinh CTNH: Công ty TNHH Shih Jung Việt Nam.
- Loại hình cơ sở: 100% vốn nước ngoài.
- Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Điện thoại: 0613 560873 Fax: 0613 560872.

II- Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (Phụ lục kèm theo).

III- Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

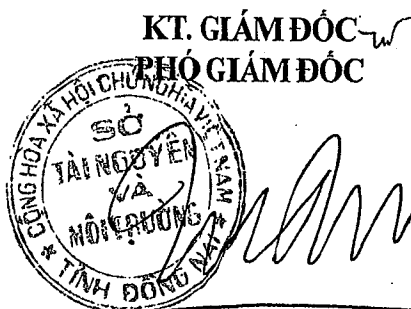
- 1- Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
- 2- Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
- 3- Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV- Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh theo quy định tại điểm 1.7 Mục 1 Phần III hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm 1.16 Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. /

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (để b/c);
 - Công ty TNHH Shih Jung VN;
 - Giám đốc, các PGĐ Sở;
 - TTr Sở, Chi cục BVMT (để theo dõi, thanh kiểm tra);
 - Lưu: VT, ĐKTNMT (1).
- (ĐSDK2008/Hoang- Shih Jung, 4b)



Phan Văn Hết



PHỤ LỤC

em theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 75.000569.1 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày / /2008)

1-Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 1 tháng

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Axit tẩy thải	Lỏng	200	07 01 01
2	Phế thải kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	8,5	07 03 10
3	Dung môi thải	Lỏng	1,5	08 01 05
4	Bùn thải chứa các thành phần nguy hại	Rắn	5	12 06 06
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	0,5	16 01 06
6	Cặn dầu nhớt thải	Rắn	10	17 02 03
7	Thùng đựng dung môi và hóa chất thải	Rắn	52	18 01 01
8	Giẻ lau vệ sinh công nghiệp	Rắn	8,5	18 02 01
Tổng số lượng:			286	

2-Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong tháng tại cơ sở:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)
1	Nhóm kim loại và hợp kim: sắt vụn	Rắn	167
2	Nhóm giấy/gỗ: giấy vụn, thùng carton	Rắn	59
3	Nhóm nhựa: bao bì hỏng	Rắn	43
4	Chất thải sinh hoạt	Rắn	3.120
Tổng số lượng:			3.389

3- Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH.
- Bản sao Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

TRỤ SỞ: KM. 03 QL. 51 LONG THANH - DŨNG NAI

TEL. 061.831215 FAX: 061.831050

Email:urbizco@hcm.vnn.vn



HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT **LAND SUBLEASING CONTRACT**

CÔNG TY TNHH SHIH JUNG VIỆT NAM

Tháng 9 /2002

TỔNG C.TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
CTY PT ĐÔ THỊ VÀ KHU CN
Số: 892 /CT-KHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 9 năm 2002

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi và bổ sung một số điều Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000.

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 11 tháng 12 năm 1998.

- Căn cứ Nghị định 85/CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Căn cứ Nghị định 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ về việc ban hành quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao.

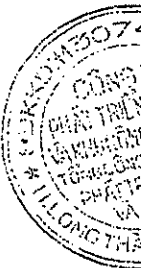
- Căn cứ Quyết định số: 715/TTg ngày 30 tháng 8 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập và Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch I - Tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở mở rộng Khu công nghiệp A Tuy Hạ.

- Căn cứ Quyết định số: 60/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp thuộc Bộ Xây dựng thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch I tại Tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ văn bản số: 345/KCN.ĐN ngày 29 tháng 5 năm 1999 của Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê chuẩn giá thuê lại đất đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

- Căn cứ Ghi nhớ thuê lại đất số 610/CT-KHĐT ngày 24 /6/2002

- Căn cứ Giấy phép đầu tư số: 144/ GP-KCN-ĐN ngày 25/7/2002 do ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp



I. Bên cho thuê lại đất (Bên A)

Đại diện : Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp
(Viết tắt là URBIZ)
Họ tên : Nguyễn Văn Tường
Chức vụ : Giám đốc
Quốc tịch : Việt Nam.
Trụ sở : Km 03 - Quốc lộ 51 - Long Thành - Đồng Nai
Điện thoại : 84.61.831215 Fax: 84.61.831050
Số tài khoản : 4321-01-99-00002106-01 tại Ngân hàng Chohung Vina Bank
7301.0011B tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai

II. Bên thuê lại đất (Bên B):

Đại diện : CÔNG TY TNHH SHIH JUNG VIỆT NAM
Họ tên : Wu, Hsi - Yi
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Quốc tịch : Đài Loan
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Tỉnh Đồng Nai

III. Hôm nay, ngày tháng 9 năm 2002 tại Văn phòng Công ty URBIZ hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1:

Bên A thỏa thuận cho Bên B thuê lại 17.000m² đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai với chiều song song với đường số 319 là 150,68 m, chiều song song với đường số 2 là 112,82 m để xây dựng Nhà máy sản xuất dụng cụ gia đình bằng kim loại

Điều 2:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của Hợp đồng này. Việc thiết kế, xây dựng phải tuân thủ theo các qui định về xây dựng cơ bản và các qui định của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

Điều 3: Thời hạn thuê đất.

Thời hạn thuê đất là 45 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất.



Điều 4: Giá thuê lại đất.

4.1 Năm (5) năm đầu là : **1,54USD/m²/năm**, trong đó:
+ Giá thuê đất thô của Nhà nước là :0,09USD/m²/năm
+ Chi phí hạ tầng là :1,45USD/m²/năm

4.2 Từ năm thứ sáu (6) trở đi : **1,10USD/m²/năm**, trong đó:
+ Giá thuê đất thô của Nhà nước là :0,09USD/m²/năm
+ Chi phí hạ tầng là :1,01USD/m²/năm
(Giá thuê lại đất trên đã bao gồm thuế VAT)

4.3 Giá thuê đất (không bao gồm chi phí hạ tầng) được giữ ổn định tối thiểu là 5năm. Khi điều chỉnh tăng thì mức tăng không vượt quá 15% so với giá trước đó.

4.4 Chi phí hạ tầng từ năm thứ sáu trở đi sẽ không thay đổi trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Điều 5: Cách tính tiền thuê lại đất và phương thức thanh toán

5.1 Tiền thuê lại đất được tính bắt đầu từ ngày Bên B được giao đất (căn cứ trên Biên bản giao đất).

5.2 Tiền thuê lại đất trả hàng năm được tính như sau:

Tiền thuê lại đất của một năm	=	Giá cho thuê lại đất của năm	x	Diện tích đất giao
-------------------------------	---	------------------------------	---	--------------------

* Riêng tiền thuê lại đất của năm đầu tiên và năm cuối Hợp đồng được tính như sau:

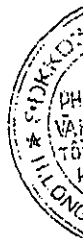
Tiền thuê lại đất năm đầu (năm cuối)	=	$\frac{\text{Giá thuê lại đất} \times \text{diện tích đất thuê}}{12 \text{ tháng}}$	x	Số tháng thuê đất thực tế
--------------------------------------	---	---	---	---------------------------

5.2 Tiền thuê lại đất 01 năm đầu (12 tháng) sẽ được giảm 50% cho thời gian xây dựng cơ bản.

5.3 Tiền thuê lại đất hàng năm được thanh toán trong vòng 20 ngày đầu của tháng đầu tiên của năm.

Riêng tiền thuê lại đất năm đầu tiên Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 20 ngày sau khi bên B được giao đất (căn cứ trên Biên bản giao đất).

5.4 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản phải thanh toán theo Hợp đồng này. Trường hợp chậm thanh toán, Bên B phải chịu thêm lãi suất quá hạn của Ngân hàng tính trên toàn bộ số tiền và thời gian chậm thanh toán.



5.5 Nơi nộp tiền:

Tại Ngân hàng Chohung Vina Bank

Số tài khoản: 4321-01-99-00002106-01

Hoặc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai

Số tài khoản: 7301.0011B

Đơn vị thụ hưởng: Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp

Điều 6: Tiền đặt cọc thuê lại đất:

Tiền đặt cọc thuê lại đất là 8.500USD cho 17.000m². Số tiền này sẽ được khấu trừ vào tiền thuê lại đất.

Điều 7: Trách nhiệm của mỗi bên.

7.1 Bên A có trách nhiệm:

- 7.1.1 Tôn trọng quyền sở hữu về tài sản do Bên B xây dựng và trang bị trên khu đất thuê lại trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng;
- 7.1.2 Chuyển giao mốc giới của khu đất (có biên bản giao đất) và các tài liệu pháp lý liên quan đến khu đất cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi ký Hợp đồng thuê lại đất;
- 7.1.3 Đảm bảo khu đất cho thuê lại không có tranh chấp và sẽ không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong suốt thời gian thuê lại đất;
- 7.1.4 Cung cấp điện 22KV tới hàng rào của nhà máy, công suất Kwh/Năm.
- 7.1.5 Thiết kế, thi công, lắp đặt, đóng điện trạm biến áp 22/0.4KV cho bên B.
- 7.1.6 Cung cấp nước sạch tới hàng rào nhà máy, lưu lượng làm³/ngày;
- 7.1.7 Tiếp nhận nước thải sau khi đã xử lý từ hàng rào của nhà máy để đưa vào hệ thống nước thải chung của toàn khu;
- 7.1.8 Đảm bảo cho Bên B được sử dụng các tiện ích hạ tầng khác (nếu có) của Khu công nghiệp với đầy đủ tiêu chuẩn, tạo thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Bên B.

7.2 Bên B có trách nhiệm:

- 7.2.1 Sử dụng đất đúng mục đích đã được qui định trong Giấy phép Đầu tư, phải chấp hành theo Luật pháp Việt Nam và các điều ghi trong Hợp đồng này;
- 7.2.2 Thiết kế xây dựng các công trình nhà xưởng theo đúng các quy định về XDCB của Việt Nam và các quy định của KCN Nhơn Trạch I;
- 7.2.3 Thiết kế xây dựng bể nước trung gian trong khu vực Nhà máy để dự trữ nước phục vụ cho công tác PCCC và đề phòng sự cố của hệ thống cấp nước chung;

074.
CÔNG TY
RIỂN ĐỒ
CÔNG NGHỆ
ĐÓNG ĐÁ
TRẦN ĐỒ
VÀ KCON
ANH T.

- 7.2.4 Bên B phải xây dựng tường rào bao quanh toàn bộ khu đất. Phía hàng rào tiếp giáp với đường giao thông phải được xây dựng thông thoáng và mỹ thuật;
- 7.2.5 Bên B phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải để nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn cột B của TCVN 5945-1995 mới được thải vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp;
- 7.2.6 Thiết kế và xây dựng hệ thống điện ngầm, hệ thống đường ống cấp nước và hệ thống ống cống kết hợp với các hố ga. Hệ thống thoát nước phải có hai hệ thống riêng biệt gồm: Thoát nước mưa và thoát nước thải công nghiệp, sinh hoạt. Các hệ thống cống, các hố ga và trạm xử lý nước thải nằm trong hàng rào của Nhà máy;
- 7.2.7 Điểm đấu nối của Hệ thống nước thải của Nhà máy vào hệ thống chung của KCN phải được sự chấp thuận của Bên A. Hệ thống thoát nước mưa được thải vào hệ thống thoát nước mưa của KCN;
- 7.2.8 Thanh toán các khoản tiền sử dụng điện nước, các chi phí thiết kế, thi công, lắp đặt, và đóng điện trạm biến áp 22/0.4KV của nhà máy;
- 7.2.9 Sau khi được giao đất, Bên B chỉ có quyền sử dụng khu đất để triển khai xây dựng nhà máy theo qui định của Giấy phép Đầu tư. Các tài nguyên khoáng sản trong lòng đất, cổ vật và nguồn nước ngầm đều thuộc quyền quản lý của Nhà nước theo luật khoáng sản của Việt Nam. Nghiêm cấm Bên B tự ý khai thác;
- 7.2.10 Trong quá trình xây dựng nhà máy bên B phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không được gây ô nhiễm mất vệ sinh trên các tuyến đường giao thông Khu công nghiệp. Có trách nhiệm bảo quản các công trình hạ tầng ngoài hàng rào của nhà máy mình.
- 7.2.11 Phải có báo cáo xử lý môi trường về nước thải, chất thải rắn, khí, chất độc và các biện pháp phòng chống cháy nổ.

Điều 8:

Việc cung cấp điện, nước sạch, xử lý nước thải và các dịch vụ hạ tầng khác... sẽ được hai bên thỏa thuận bằng Hợp đồng riêng nhưng không trái với các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.

Điều 9:

Trường hợp Bên B bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, thì chủ đầu tư mới phải làm thủ tục thuê lại đất với nội dung không thay đổi so với Hợp đồng này và phù hợp với các quy định của Nhà nước tại thời điểm ký kết Hợp đồng mới.



Điều 10: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng thuê lại đất hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- 10.1 Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.
- 10.2 Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp này thì bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho bên kia theo qui định của pháp luật hiện hành.
- 10.3 Bên B giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

Điều 11: Các điều khoản khác:

Bên B có quyền lợi và nghĩa vụ theo quy chế của Khu công nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 36/CP ngày 24/4/1997 và theo các văn bản pháp luật khác của Nhà nước Việt nam có liên quan.

Điều 12: Điều khoản về trọng tài

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các qui định trong các điều khoản của Hợp đồng này. Trường hợp xảy ra tranh chấp thì trước hết tranh chấp sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải trên tinh thần tôn trọng và hợp tác.

Trường hợp không thỏa thuận được thì vấn đề tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế Đồng Nai và căn cứ theo Pháp luật Việt Nam để giải quyết.

Điều 13:

- Hợp đồng thuê lại đất này được thành lập 06 (sáu) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Anh và 01 (một) bản tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bộ. Đồng gửi Sở Địa chính và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

[Signature]

ĐẠI DIỆN BÊN B



TCVN 5945 - 1995
NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

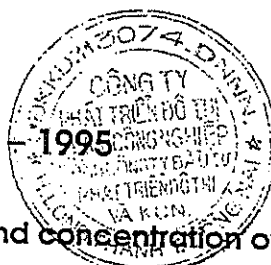


Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn		
			A	B	C
1	Nhiệt độ	°C	40	45	45
2	PH		6 - 9	5,5 - 9	5 - 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	20	50	100
4	COD	mg/l	50	100	400
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100	200
6	Asen (As)	mg/l	0,05	0,1	0,5
7	Cadmi (Cd)	mg/l	0,01	0,02	0,5
8	Chì (Pb)	mg/l	0,1	0,5	1
9	Clo dư (Cl)	mg/l	1	2	2
10	Crom (VI) (Cr ⁴⁺)	mg/l	0,05	0,1	0,5
11	Crom (III) (Cr ³⁺)	mg/l	0,2	1	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	không phát hiện được	1	5
13	Dầu động thực vật	mg/l	5	10	30
14	Đồng (Cu)	mg/l	0,2	1	5
15	Kẽm (Zn)	mg/l	1	2	5
16	Mangan (Mn)	mg/l	0,2	1	5
17	Niken (Ni)	mg/l	0,2	1	2
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,2	0,5	1
19	Phốt pho tổng số	mg/l	4	6	8
20	Sắt (Fe)	mg/l	1	5	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0,02	0,1	0,1
22	Thiếc (Sn)	mg/l	0,2	1	5
23	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,005	0,005	0,01
24	Tổng ni tơ	mg/l	30	60	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,05	0,3	0,3
26	Amoniac (NH ₃)	mg/l	0,1	1	10
27	Florua (F)	mg/l	1	2	5
28	Phênola	mg/l	0,001	0,05	1
29	Sulfua (S)	mg/l	0,2	0,5	1
30	Xianua (CN)	mg/l	0,05	0,1	0,2
31	Tổng phóng xạ hoạt tính α	Bq/l	0,1	0,1	
32	Tổng phóng xạ hoạt tính β	Bq/l	1	1	
33	Coliform	MPN/100 ml	5.000	10.000	

[Handwritten signature]

TCVN 5945 - 1995



The allowable limits of parameters and concentration of waste water to be discharged into the sewer of the industrial zone

No	Parameters	Unit	Maximum limit		
			A	B	C
1	Temperature	°C	40	45	45
2	pH value		6 ÷ 9	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
3	BOD5 (20°C)	mg/l	20	50	100
4	COD	mg/l	50	100	400
5	Suspended Solid	mg/l	50	100	200
6	Asenic (As)	mg/l	0.05	0.1	0.5
7	Cadmium (Cd)	mg/l	0.01	0.02	0.5
8	Lead (Pb)	mg/l	0.1	0.5	1
9	Residual Chlorine (Cl)	mg/l	1	2	2
10	Chromium (VI) (Cr ⁴⁺)	mg/l	0.05	0.1	0.5
11	Chromium (III) (Cr ³⁺)	mg/l	0.2	1	2
12	Mineral oil and fat	mg/l	Not defecable	1	5
13	Animal vegetable fat and oil	mg/l	5	10	30
14	Copper (Cu)	mg/l	0.2	1	5
15	Zinc (Zn)	mg/l	1	2	5
16	Manganese (Mn)	mg/l	0.2	1	5
17	Nikel (Ni)	mg/l	0.2	1	2
18	Organic Phosphorus	mg/l	0.2	0.5	1
19	Total Phosphorus	mg/l	4	6	8
20	Iron (Fe)	mg/l	1	5	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0.02	0.1	0.1
22	Tin (Sn)	mg/l	0.2	1	5
23	Mercury (Hg)	mg/l	0.005	0.005	0.01
24	Total Nitrogen	mg/l	30	60	60
25	Tricloetylen	mg/l	0.05	0.3	0.3
26	Amoniac (NH ₃)	mg/l	0.1	1	10
27	Fluoride (F)	mg/l	1	2	5
28	Phenol	mg/l	0.001	0.05	1
29	Sulfide (S)	mg/l	0.2	0.5	1
30	Cyanide (CN)	mg/l	0.05	0.1	0.2
31	Radio active α	Bq/l	0.1	0.1	
32	Radio active β	Bq/l	1	1	
33	Coliform	MPN/100 ml	5,000	10,000	

Handwritten signature and date 2/2/1

Site Plan Details:

- ROAD No. 2 Dimensions:** 133060, 50344, 46456, 112820
- Plots and Areas:**
 - HIGH POINT: 80,000 M2
 - BU-KYEONG: 8,636 M2
 - WOODWORK: 15,753.75 M2
 - DAEWON: 33,000 M2
 - SAMWOO: 36,000 M2
 - PREMIER GESTURE: 26,122.5 M2
 - HORA YUAN: 10,958.7 M2
 - SANDAR: 9,040.8 M2
 - KING JIH: 7,856 M2
 - TUNG YUEH: 7,000 M2
 - SHIH JUNG: 17,000 M2 (Hatched Area)

[illegible]

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Trụ sở: KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai

Tel: 061 3560 475 - Fax: 061 3560 477

Email: urbizco@hcm.vnn.vn - Website: www.idico-urbiz.com.vn



HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
WASTEWATER TREATMENT CONTRACT

CÔNG TY TNHH SHIH JUNG VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

THÁNG 07/2008

Số : 144 /CT-ĐT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2008

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 01/7/2006 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ quy định về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng hai bên

Hôm nay, tại văn phòng Công ty IDICO-URBIZ, các bên tham gia ký bản Hợp đồng xử lý nước thải bao gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SHIH JUNG VIỆT NAM (Bên thuê xử lý)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : 061.3560873 Fax : 061.3560872
Mã số thuế : 3600573093
Đại diện : Ông Wu Shi Hsun
Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

(Bên nhận xử lý)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : 061.3560475
Fax : 061.3560477
Mã số thuế : 3600257771.
Số tài khoản : Tài khoản Việt Nam đồng : 670.10.000.000.129
Tài khoản ngoại tệ : 670.10.37.000.321.0
Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai
Đại diện : Ông Trịnh Hùng Lâm
Chức vụ : Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau đây:

Điều 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận và xử lý nước thải công nghiệp (sản xuất và sinh hoạt) cho nhà máy của Bên A tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép của Nhà nước Việt Nam. (cột B, TCVN 5945-2005, áp dụng hệ số $K_p = 1,1$ và hệ số $K_f = 1,0$)

Điều 2: PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.

2.1. Phí xử lý nước thải:

2.1.1 Phí xử lý nước thải chưa bao gồm thuế VAT là 0,28USD/m³ nước thải. Mức phí này được giữ ổn định đến hết năm 2010. Sau thời hạn này phí xử lý nước thải có thể được điều chỉnh lại để phù hợp với tình hình thực tế;

Bên A trả phí xử lý nước thải cho Bên B kể từ ngày 01/7/2008.

2.1.2 Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải báo cho Bên B biết để có những thoả thuận khác trước khi thực hiện.

2.2 Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ ghi trên hoá đơn trả tiền nước cho nhà máy của Bên A.

2.3. Phương thức và thời hạn thanh toán:

2.3.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Trong trường hợp Bên A thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lệ phí chuyển khoản sẽ do Bên A thanh toán;

2.3.2 Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên B sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B;

2.3.3 Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá bán USD do ngân hàng Vietcombank công bố vào thời điểm thanh toán;

2.3.4 Trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định tại mục 2.3.2, Bên B có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A cho đến khi Bên A thanh toán hết nợ cho Bên B. Bên A phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho số tiền trả chậm. Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải của Bên A trong thời gian ngưng tiếp nhận nước thải.

Điều 3 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

- 3.1.1 Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định trong Điều 2 của Hợp đồng này;
- 3.1.2 Đảm bảo vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại Nhà máy của bên A. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN không được vượt quá giá trị quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng này;
- 3.1.3 Bên A phải tách triệt để hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa nội bộ, đồng thời đấu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu công nghiệp theo điểm chỉ dẫn của Bên B và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản Kiểm tra đấu nối thoát nước ngày 15 tháng 7 năm 2008;
- 3.1.4 Không xả thải các chất không phải là nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp;
- 3.1.5 Không pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất;
- 3.1.6 Lấy mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý cục bộ có sự chứng kiến của bên B và gửi mẫu đi phân tích tại phòng thí nghiệm có chức năng. Tần suất lấy mẫu: 01 lần/tháng, các chỉ tiêu phân tích: Cr^{3+} , Cr^{6+} , Ni^{2+} , Cu^{2+} , CN^- . Bên A phải gửi 01 bản kết quả phân tích cho Bên B;
- 3.1.7 Tạo điều kiện cho Bên B kiểm tra chất lượng nước thải từ Nhà máy Bên A trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- 3.2.1 Thực hiện việc xử lý nước thải như quy định tại Điều 1;
- 3.2.2 Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi quy định của Hợp đồng này.

Điều 4 : XỬ LÝ VI PHẠM

- Nếu Bên A vi phạm một trong các quy định tại khoản 3.1.2, 3.1.3, 3.1.4, 3.1.5, 3.1.6 của Điều 3, Bên B sẽ tạm thời ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A cho đến khi Bên A khắc phục xong vi phạm. Nếu Bên A không khắc phục vi phạm, Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải và ngưng cung cấp nước sạch cho Bên A. Trường hợp vi phạm của Bên A gây ảnh hưởng đến Bên B, Bên A phải bồi thường cho Bên B mọi thiệt hại do vi phạm gây ra;

- Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về nước thải của mình trước cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời gian Bên B ngưng tiếp nhận nước thải.

Điều 5 THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng xử lý nước thải này được tính kể từ ngày ký đến ngày 19/9/2047

Điều 6 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

6.1.1 Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này;

6.1.2 Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 3.1 của Hợp đồng này;

6.1.3 Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

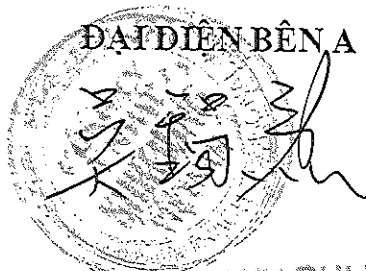
6.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

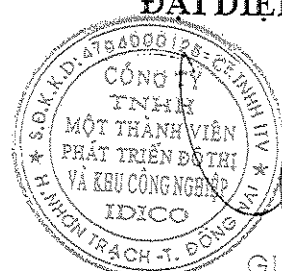
Điều 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung phải được hai bên chấp thuận bằng văn bản.

7.2 Hợp đồng này được lập thành lập 06 (sáu) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Việt và 01 (một) bản tiếng Anh có giá trị như nhau. Bên A giữ 2 (hai) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ. Đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.

7.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

WU SHI HSUN

ĐẠI DIỆN BÊN B

**GIÁM ĐỐC
TRINH HÙNG LÂM**



PHỤ LỤC SỐ 1

(Kèm theo Hợp đồng số M/4 /CT-ĐT)

QUY ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP XẢ VÀO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm

TT	Các thông số	ĐVT	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅ (20 o C)	mg/l	200
4	COD	mg/l	500
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (IV)	mg/l	0,05
11	Crom (III)	mg/l	0,2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ thực vật	mg/l	20
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phot pho hữu cơ	mg/l	0,5
19	Phot pho tổng số	mg/l	6
20	Sắt	mg/l	5
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thuỷ ngân	mg/l	0,005
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	Amoniác (tính theo Nitơ)	mg/l	10
27	Florua	mg/l	5
28	Phenola	mg/l	1
29	Sunfua	mg/l	1
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Coliform	MPN/100ml	10.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
34	Màu, Pt-Cobalt ở pH=7	Pt-Cobalt	300

Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.choadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: **MDXACZOATED**

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đông Đồng Nai

Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.hoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: UE4NC8ZGZB5

IDICO-UDICO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 4 8 6 1 0 8

Địa chỉ (Address): Đường số 4, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: (0251) 3560 614

Fax: (0251) 3560 610

Email: ketoan@udico.com.vn

Website: www.udico.com.vn

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đồng Nai

Mã của Cơ quan thuế: 000022F7EFCADF488280CDC3A6D4962A6A

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial): 1C24TDC

Số (No.): 00030336

Ngày (Date) 23 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 5 7 3 0 9 3

Địa chỉ (Address): Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản..... Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)	(9=6+8)
1	Điện kỳ 2/3 tháng 12/2024 bình thường	KWH	3.486	1.749	6.097.014	8%	487.762	6.584.776
2	Điện kỳ 2/3 tháng 12/2024 cao điểm	KWH	1.120	3.242	3.631.040	8%	290.483	3.921.523
3	Điện kỳ 2/3 tháng 12/2024 thấp điểm	KWH	655	1.136	744.080	8%	59.526	803.606
4	Tiền mua công suất phản kháng				361.289	8%	28.903	390.192
Tổng cộng (Total):					10.833.423		866.674	11.700.097

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa không chịu thuế GTGT	KCT	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	0%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	10.833.423	866.674	11.700.097
Hàng hóa chịu thuế suất	10%	0	0	0
Tổng cộng tiền thanh toán		10.833.423	866.674	11.700.097

Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm nghìn không trăm chín mươi bảy đồng chẵn./.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)Người bán hàng (Seller)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, stamp & fullname)Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
Ngày ký: 23/12/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Lulu

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đông Đồng Nai

Mã của Cơ quan thuế: 00C926BD278E014D65A46970FAE82F06D3

Số (No.): 00000244

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản..... Số tài khoản (*Account No.*):

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa không chịu thuế GTGT	KCT	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	0%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	11.106.944	888.556	11.995.500
Hàng hóa chịu thuế suất	10%	0	0	0
Tổng cộng tiền thanh toán		11.106.944	888.556	11.995.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm đồng chẵn./

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
Ngày ký: 02/01/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhân hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: **TEN093DFCM6**

IDICO-UDICO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 4 8 6 1 0 8

Địa chỉ (Address): Đường số 4, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: (0251) 3560 614

Fax: (0251) 3560 610

Email: ketoan@udico.com.vn

Website: www.udico.com.vn

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đồng Đăng Nai

Mã của Cơ quan thuế: 00E524D581FDB1404B948F9A31591A6CD3

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial): 1C25TDC

Số (No.): 00000548

Ngày (Date) 13 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM.....
Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 5 7 3 0 9 3.....
Địa chỉ (Address): Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.....
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản..... Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)	(9=6+8)
1	Điện kỳ 1/3 tháng 01/2025 bình thường	KWH	3.093	1.749	5.409.657	8%	432.773	5.842.430
2	Điện kỳ 1/3 tháng 01/2025 cao điểm	KWH	1.063	3.242	3.446.246	8%	275.700	3.721.946
3	Điện kỳ 1/3 tháng 01/2025 thấp điểm	KWH	665	1.136	755.440	8%	60.435	815.875
4	Tiền mua công suất phản kháng				218.177	8%	17.454	235.631
Tổng cộng (Total):					9.829.520		786.362	10.615.882

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa không chịu thuế GTGT	KCT	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	0%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	9.829.520	786.362	10.615.882
Hàng hóa chịu thuế suất	10%	0	0	0
Tổng cộng tiền thanh toán		9.829.520	786.362	10.615.882

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu sáu trăm mười lăm nghìn tám trăm tám mươi hai đồng chẵn./.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)Người bán hàng (Seller)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, stamp & fullname)Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

Ngày ký: 13/01/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: YEWMHTCHUXI

Luigi

Địa chỉ (Address): Đường số 4, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Fax: (0251) 3560 610

Website: www.udico.com.vn

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đông Đồng Nai

Mã của Cơ quan thuế: 003AC530A659304CB5956B4E26F12D6539

Mẫu số - Ký hiệu (Serial): 1C25TDC

Số (No.): 00000717

Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM.....

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 5 7 3 0 9 3.....

Địa chỉ (Address): Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản..... Số tài khoản (*Account No.*):

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa không chịu thuế GTGT	KCT	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	0%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	11.142.023	891.362	12.033.385
Hàng hóa chịu thuế suất	10%	0	0	0
Tổng cộng tiền thanh toán		11.142.023	891.362	12.033.385

Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng chẵn./

Người bán hàng (Seller)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, stamp & fullname)

Đã được ký điện tử bởi

(Signed digitally by)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

Ngày ký: 21/01/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>

Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: **UF3FF3HG745**

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đông Đồng Nai

Mã của Cơ quan thuế: 00F59EB77FC48D425188C10CF1C232B71F

Số (No.): 00001258

Ngày (Date) **04** tháng (month) **02** năm (year) **2025**

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản..... Số tài khoản (*Account No.*):

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng chẵn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
Ngày ký: 04/02/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi **Công ty Cổ phần Bkav** - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: **WFDJ19CR483**

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đông Đồng Nai

IDICO-UDICO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT - STOCK COMPANY

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 4 8 6 1 0 8

Địa chỉ (Address): Đường số 4, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: (0251) 3560 614

Fax: (0251) 3560 610

Email: ketoan@udico.com.vn

Website: www.udico.com.vn

Số tài khoản: 6710000418 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Đồng Nai

Mã của Cơ quan thuế: 008B8E7C3A84F348E6B8E07825EC4CB5DE

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial): 1C25TDC

Số (No.): 00003500

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM.....

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 5 7 3 0 9 3.....

Địa chỉ (Address): Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.....

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản..... Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)	(9=6+8)
1	Điện kỳ 2/3 tháng 02/2025 bình thường	KWH	4.251	1.749	7.434.999	8%	594.800	8.029.799
2	Điện kỳ 2/3 tháng 02/2025 cao điểm	KWH	1.583	3.242	5.132.086	8%	410.567	5.542.653
3	Điện kỳ 2/3 tháng 02/2025 thấp điểm	KWH	711	1.136	807.696	8%	64.616	872.312
4	Tiền mua công suất phản kháng				303.608	8%	24.288	327.896
Tổng cộng (Total):					13.678.389		1.094.271	14.772.660

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa không chịu thuế GTGT	KCT	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	0%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	0	0	0
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	13.678.389	1.094.271	14.772.660
Hàng hóa chịu thuế suất	10%	0	0	0
Tổng cộng tiền thanh toán		13.678.389	1.094.271	14.772.660

Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)Người bán hàng (Seller)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, stamp & fullname)Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO
Ngày ký: 21/02/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Lưu

IDICO-URBIZ
ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 7 1
Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TID
Số (No.): 2008

Ngày (Date) 22 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company): Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ace Pacific Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 5 7 3 0 9 3
Địa chỉ (Address): Đường số 2 - Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 - xã Phước Thiện- Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

SIT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 01/2025	M3	199	11.500	2.288.500	5%	114.425	2.402.925
2	Thuế bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 01/2025	CÁI	1	500.000	500.000	8%	40.000	540.000
Tổng cộng (Total):					2.788.500		154.425	(1) 2.942.925

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	2.288.500	114.425	2.402.925
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	500.000	40.000	540.000
Tổng cộng tiền thanh toán		2.788.500	154.425	2.942.925

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
Ký ngày 22 tháng 01 năm 2025

ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 7 1

Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

(VAT INVOICE)

Số (No.): 4986

Ngày (Date) 25 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Tên đơn vị (Company): Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ace Pacific Việt Nam

Địa chỉ (Address): Đường số 2 - Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 - xã Phước Thiện- Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Na

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (*Account No.*)

ĐIỀU-ƯỞNG
BẢN TỰ ĐỀ PHÁT TRIỂN

Hàng hóa chịu thuế suất	5%	2.047.000	102.350	2.149.350
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	500.000	40.000	540.000
Tổng cộng tiền thanh toán		2.547.000	142.350	2.689.350

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng

(Buyer, sign and full name)

(Seller, sign and full name)

Ký ngày 25 tháng 02 năm 2023

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00BBBE88795AD34ADEB6D10EB6C5C07322

(Hỏa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evaf.vn>, mã tra cứu: 5ZZSWMQRIS, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 7 1

Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: info@hmc.co.uk Website: www.hmc.co.uk

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TID

Số (No.): 8008

Tên đơn vị (Company): Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ace Pacific Việt Nam

Địa chỉ (Address): Đường số 2 - Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 - xã Phước Thiện- Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (*Account No.*):

Tổng cộng (Total):

2.512.500

140.625

(A) 2.653.125

TỔNG HỢP

(Summary)

Thuế suất
(VAT Rate)

Tổng chưa thuế GTGT
(Sub total)

Tiền thuế GTGT
(VAT amount)

Giá trị thanh toán (Total)	
-------------------------------	--

Hàng hóa chịu thuế suất

5%

2.012.500

100.625

2,113,125

Hàng hóa chịu thuế suất

8%

500.000

40.000

540,000

Tổng cộng tiền thanh toán

2.512.500

140.625

.653.125

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện từ bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO

Ký ngày 25 tháng 03 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00D48BE24B536447058FEFAE661225CEEI

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evaf.vn>, mã tra cứu: **DVRGPKITU**, mã công ty: **3600257771**)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

IDICO-URBIZ
ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 7 1

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TID

Số (No.): 8134

Ngày (Date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ace Pacific Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 3600573093

Địa chỉ (Address): Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (*Account No.*):

[illegible]

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	1.139.320	91.146	1.230.466
Tổng cộng tiền thanh toán		1.139.320	91.146	1.230.466

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký diện từ bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 25 tháng 03 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 002F5BD711C603423BB1C24D8C4676D873

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evvt.vn>, mã tra cứu: **HIJCLU2NG0**, mã công ty: **3600257771**)

(Cung cấp giải pháp hòa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)



**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỈNH**
Khai Thỉnh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân
Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

23121874KQ1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Ngày: 28/12/2023

1. Nơi yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
3. Tên mẫu: Không khí
4. Số lượng mẫu: 03 mẫu
5. Ngày lấy mẫu: 21/12/2023
6. Thời gian thử nghiệm: 08 ngày
7. Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU



HUỲNH CHÂU QUI

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thỉnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Kết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

23121874KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 28/12/2023

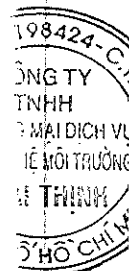
KHÔNG KHÍ

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT	Kết quả thử nghiệm KK1
1	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	-	70	60,8
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	TCVN 5067 : 1995	mg/m ³	0,3	-	0,15
3	CO(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	30	-	< 9
4	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,35	-	0,051
5	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,2	-	0,065

Ghi chú:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

KK1: Không khí xung quanh trước cửa văn phòng



Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
 Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
 Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

23121874KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 28/12/2023

KHÔNG KHÍ

STT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2016/ BYT	Kết quả thử nghiệm	
					KK2	KK3
1	Nhiệt độ(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	18 - 32	31,8	31,9
2	Độ ẩm(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	40 - 80	72,2	71,8
3	Tốc độ gió(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	0,2 - 1,5	1,1	0,9
4	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	85 ^(a)	78,4	76,3
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	8 ^(b)	0,29	0,33
6	CO(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	40 ^(c)	< 9	< 9
7	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	10 ^(c)	0,087	0,092
8	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	10 ^(c)	0,075	0,084

Lưu ý:

(*) : Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

(a): QCVN 24:2016/BYT

(b): QCVN 02:2019/BYT

(c): QCVN 03:2019/BYT

KK2: Khu vực xưởng 1

KK3: Khu vực xưởng 2

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh

Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích



**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHAI THỊNH**
Khai Thịnh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

23121873KQ1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

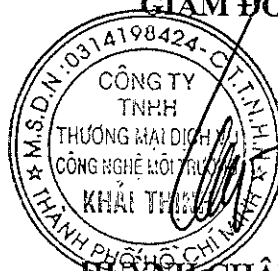
Ngày: 28/12/2023

- Nơi yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Nước thải
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
- Thời gian thử nghiệm: 07 ngày
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

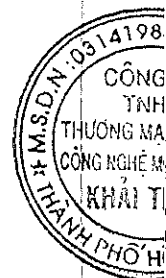
**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC



HUỲNH CHÂU QUÍ



Ông được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

3121873KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 28/12/2023

NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NT1
1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,30
2	TSS ^(*)	SMEWW 2540.B:2017	mg/l	70
3	Tổng Nito ^(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	24,7
4	Tổng Phospho ^(*)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	2,55
5	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6000-1:2008	mg/l	66
6	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	139

Lưu ý:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

NT1: Nước thải tại điểm đầu nối vào HT thoát nước thải KCN



Bảng được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích



**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHAI THỊNH**
Khai Thịnh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

2307675KQ1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Ngày: 04/07/2023

- Nơi yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Không khí
- Số lượng mẫu: 03 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 27/06/2023
- Thời gian thử nghiệm: 07 ngày
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU



HUỲNH CHÂU QUÍ

*Tổng được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích*

2307675KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 04/07/2023

KHÔNG KHÍ

T	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT	Kết quả thử nghiệm
						KK1
1	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	-	70	59,8
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	TCVN 5067 : 1995	mg/m ³	0,3	-	0,16
3	CO(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	30	-	< 9
4	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,35	-	0,058
5	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,2	-	0,062

Lưu ý:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

KK1: Không khí xung quanh trước cửa văn phòng

Bản được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích



KHAI THỊNH

**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHAI THỊNH**
Khai Thịnh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

307674KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM **TEST REPORT**

Ngày: 04/07/2023

- Nơi yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Nước thải
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu: 27/06/2023
- Thời gian thử nghiệm: 07 ngày
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC



HUỲNH CHÂU QUÝ



Được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

2307675KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 04/07/2023

KHÔNG KHÍ

T	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2016/ BYT	Kết quả thử nghiệm	
					KK2	KK3
1	Nhiệt độ(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	18 - 32	31,9	31,5
2	Độ ẩm(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	40 - 80	70,6	71,2
3	Tốc độ gió(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	0,2 - 1,5	1,0	1,1
4	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	85 ^(a)	77,5	79,8
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	8 ^(b)	0,34	0,30
6	CO(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	40 ^(c)	< 9	< 9
7	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	10 ^(c)	0,093	0,087
8	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	10 ^(c)	0,084	0,080

Lưu ý:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

(a): QCVN 24:2016/BYT

(b): QCVN 02:2019/BYT

(c): QCVN 03:2019/BYT

KK2: Khu vực xưởng 1

KK3: Khu vực xưởng 2

Ông được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco

Quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh

Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

307674KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 04/07/2023

NƯỚC THẢI

T	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NT1
1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,28
2	TSS ^(*)	SMEWW 2540.B:2017	mg/l	65
3	Tổng Nito ^(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	22,4
4	Tổng Phospho ^(*)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	2,83
5	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6000-1:2008	mg/l	61
6	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	117

Lưu ý:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

NT1: Nước thải tại điểm đầu nối vào HT thoát nước thải KCN



Chỉ được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích



**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH**
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

24060631KQ1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

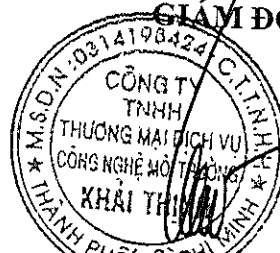
Ngày: 25/06/2024

- Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Nước thải
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 15/06/2024
- Thời gian thử nghiệm: 10 ngày
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC



HUYỀN CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

M02-5.10QT/01

24060631KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 25/06/2024

I. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NT1
1	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,27
2	TSS(*)	SMEWW 2540B:2017	mg/l	65
3	Tổng N(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	20,7
4	Tổng P(*)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	2,10
5	BOD ₅ (*)	TCVN 6000-1:2008	mg/l	52
6	COD(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	106

Ghi chú:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

NT1: Nước thải tại điểm đầu nối vào HT thoát nước thải KCN.

Tọa độ: 10°44'27"; 106°55'23"



Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

Hạn gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh

Hạn thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích



**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHAI THỈNH**
Khai Thỉnh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

24060632KQ1

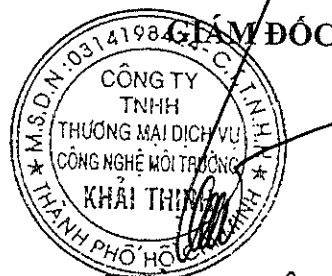
**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Ngày: 25/06/2024

- Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Không khí
- Số lượng mẫu: 03 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 15/06/2024
- Thời gian thử nghiệm: 10 ngày
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU



HUYNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thỉnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24060632KQ1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 25/06/2024
-------------	---	------------------

1. KHÔNG KHÍ XUNG QUANH

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	Kết quả thử nghiệm
						KK1
1	Tiếng ồn ^(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	70	-	61,1
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(*)	TCVN 5067 : 1995	mg/m ³	-	0,3	0,14
3	CO ^(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	-	30	< 9
4	SO ₂ ^(*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	-	0,35	0,050
5	NO ₂ ^(*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	-	0,2	0,059

Ghi chú:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

KK1: Không khí xung quanh trước cửa văn phòng. Tọa độ: 10°44'31"; 106°55'23"

CH VU
QUONG
H
HI MINH

VINCERTIS

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
 Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
 hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24060632KQ1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 25/06/2024
-------------	---	------------------

2. KHÔNG KHÍ KHU VỰC LÀM VIỆC

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2016/ BYT	Kết quả thử nghiệm	
					KK2	KK3
1	Nhiệt độ(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	18 - 32	32,0	31,8
2	Độ ẩm(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	40 - 80	70,6	71,0
3	Tốc độ gió(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	0,2 - 1,5	0,8	0,6
4	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	85 ^(a)	77,6	75,0
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	8 ^(b)	0,25	0,30
6	CO(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	40 ^(c)	< 9	< 9
7	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	10 ^(c)	0,075	0,077
8	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	10 ^(c)	0,069	0,072

Ghi chú:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

(a): QCVN 24:2016/BYT

(b): QCVN 02:2019/BYT

(c): QCVN 03:2019/BYT

KK2: Khu vực xưởng 1. Tọa độ: 10°44'29"; 106°55'24"

KK3: Khu vực xưởng 2. Tọa độ: 10°44'28"; 106°55'24"

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh

Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

 KHAI THỊNH	CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH Khai Thinh Environment Technology Trading & Services	Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM ĐT: 028.37266960 - 0962740584 www.moitruongkhaithinh.com
	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 25/12/2024
24121641KQ1		

- Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Nước thải
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/12/2024
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC



HUYNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Về thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 25/12/2024

1. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NT1
1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,11
2	TSS ^(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	53
3	Tổng N ^(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	22,7
4	Tổng P ^(*)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	2,85
5	BOD ₅ ^(*)	TCVN 6000-1:2008	mg/l	50
6	COD ^(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	98

Ghi chú:

(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

NT1: Nước thải tại điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước thải KCN.

Tọa độ: 10°44'27"; 106°55'23"

[illegible]

không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
hời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
lết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích



**CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH**
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

24121642KQ1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Ngày: 25/12/2024

- Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Không khí xung quanh
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/12/2024
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC



TRẦN CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24121642KQ1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 25/12/2024

1. KHÔNG KHÍ XUNG QUANH

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	Kết quả thử nghiệm
						KK1
1	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2018	dBA	70	-	60,8
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	TCVN 5067 : 1995	mg/m ³	-	0,3	0,13
3	CO(*)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	-	30	< 9
4	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	-	0,35	0,04
5	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	-	0,2	0,057

Ghi chú: (*) : Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận
KK1: Không khí khu vực trước văn phòng. Tọa độ: 10°44'32.34"; 106°55'22.04"



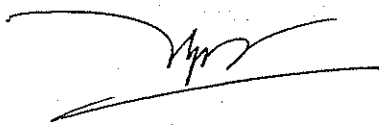
VINCERTS

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

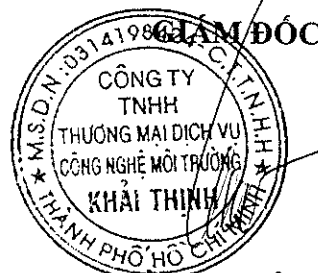
 KHAI THINH®	CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH Khai Thinh Environment Technology Trading & Services	Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM ĐT: 028.37266960 - 0962740584 www.moitruongkhaithinh.com
24120229KQ2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 25/12/2024

- Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM**
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
- Tên mẫu: Không khí môi trường làm việc
- Số lượng mẫu: 02 mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/12/2024
- Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

**ĐẠI DIỆN NHÓM
THỬ NGHIỆM**



PHAN THỊ HÀ THU



HUYNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao và sử dụng quan trắc phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24120229KQ2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 25/12/2024

1. KHÔNG KHÍ KHU VỰC LÀM VIỆC

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2016/ BYT	Kết quả thử nghiệm	
					KK1	KK2
1	Nhiệt độ(**)	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	18 - 32	31,8	31,6
2	Độ ẩm(**)	QCVN 46:2022/BTNMT	%	40 - 80	67,8	68,0
3	Tốc độ gió(**)	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,2 - 1,5	0,6	0,6
4	Tiếng ồn(**)	TCVN 7878-2:2018	dBA	85 ^(a)	72,8	74,3
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(**)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	8 ^(b)	0,19	0,20
6	CO(**)	PTN/PP/003-KK(HL)	mg/m ³	40 ^(c)	< 9	< 9
7	SO ₂ (**)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	10 ^(c)	0,048	0,050
8	NO ₂ (**)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	10 ^(c)	0,060	0,061

Ghi chú:

(*) : Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận

(**) : Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc môi trường

(a) : QCVN 24:2016/BYT

(b) : QCVN 02:2019/BYT

(c) : QCVN 03:2019/BYT

KK1: Khu vực xưởng 1. Tọa độ: 10°44'31.96"; 106°55'23.44"**KK2:** Khu vực xưởng 2. Tọa độ: 10°44'30.20"; 106°55'23.70"

Không được trích sao và sử dụng quan trắc phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thịnh Entechco

Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh

Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

HỢP TÁC XÃ
DVMT LONG THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số: 16/HĐ-HTX

Long Thọ, ngày 01 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt)

-Căn cứ Luật dân sự số: 33/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

-Căn cứ Luật Thương Mại số: 36/2005/QH11, 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

-căn cứ Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước;

-căn cứ nghị định số 17/HĐBT ngày 16/1/1990 của hội đồng Bộ trưởng ban hành về chế độ hợp đồng kinh tế;

căn cứ số ĐKKD/Giấy phép đầu tư; 470907000026 Do Phòng Tài Chính Huyện Nhơn Trạch Cấp ngày: 06/01/2020

-căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2025 tại Văn phòng CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM chúng tôi bao gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM (Bên yêu cầu phục vụ)

Địa chỉ: **Đường số 2 Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiềm Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**

MST: **3600573093**

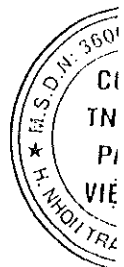
Người đại diện ông: **NGUYỄN THỊ THANH CHÂU** Chức vụ: **giám đốc**

Bên B: Hợp Tác Xã DVMT Long Thọ(Bên làm dịch vụ)

Địa chỉ: **Ấp 5, xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai**

Điện thoại **0913792326**

Email: **htxdichvumoitruonglongtho@gmail.com**



Số tài khoản: 5908201007722 Mở tại: chi nhánh ngân hàng NN&PTNT huyện
Nhơn Trạch

Đại diện: ông **Tô Văn Đẩu** Chức vụ: **chủ tịch HĐQT- GIÁM ĐỐC**

Mã số thuế: **3603394046**

Hai bên cùng thỏa thuận và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng và nội dung và những điều khoản sau:

Điều 1: khối lượng công việc, giá trị và điều kiện thanh toán:

Bên B chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt cho bên A.

+ khối lượng rác: theo KL rác xin hoạt thực tế phát sinh trong tháng

+ Số lần vận chuyển 1 lần/ tuần(có thể thay đổi lịch tùy thuộc vào lượng rác thực tế phát sinh trong tuần)

+thời gian thu gom từ 08 giờ đến 17 giờ của các ngày từ thứ 2 và thứ 7

-Giá trị của hợp đồngtính theo KL rác thực tế thu gom tại công ty. Bên A sẽ thanh toán chi phí thu gom , vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt cho bên B là 1.500.000d (một triệu năm trăm ngàn đồng) một tháng bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng tiền mặt vào ngày mùng 10 dương lịch hàng tháng .

-Quá trình thực hiện hợp đồng , tùy theo tình hình trượt giá thực tế và KL công việc phát sinh theo từng thời điểm, hai bên sẽ thông báo và bàn bạc, thống nhất điều chỉnh giá trị hợp đồng cho phù hợp

Điều 2. các điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng:

1.Trách nhiệm bên A

Tập hợp rác sinh hoạt vào vị trí thuận lợi cho việc thu gom, rác phải đựng trong bị nylon hoặc thùng chứa không có nước

Rác sinh hoạt không lẫn với chất độc hại và các chất uy hại khác

Phối hợp cùng bên B giải quyết các vấn đề phát sinh(nếu có

Thanh toán, chi trả phí kịp thời cho bên B theo đúng thời gian thỏa thuận tại hợp đồng này

Thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng này

2. trách nhiệm bên B

Đảm bảo điều kiện về vệ sinh môi trường đối với số rác đã vận chuyển khỏi công ty bên A

Chịu trách nhiệm về phương pháp xử lý cũng như nơi đổ rác.

Tự trang bị dụng cụ làm việc phù hợp, đảm bảo vệ sinh theo quy định

Thu gom đúng thời điểm, đúng thời gian và tăng suất thu gom như thỏa thuận
Không gây phiền hà cho bên A

Trong quá trình làm việc, nhân viên lao động của bên B phải có thái độ hòa nhã, văn minh và phải có tinh thần trách nhiệm cùng gìn giữ, bảo vệ tài sản chung tại các khu vực thu gom

Điều 3: thời hạn hiệu lực, kéo dài và chấm dứt hợp đồng

-Thời gian thực hiện hợp đồng 1 năm, kể từ ngày **01/01 /2025** đến hết ngày **01 /01 /2026**

Nếu cả hai bên mong muốn tiếp tục hợp đồng , cá thủ tục gia hạn phải được thỏa thuận trước khi hết hạn hợp đồng trong thời gian tối thiểu là 15 ngày

Muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày

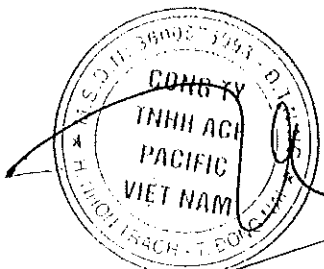
Điều 4 xử lý phát sinh và tranh chấp

Trong khi thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận giải quyết. Nếu hai bên không tự giải quyết được, việc tranh chấp sẽ được xử tại tòa kinh tế. Quyết định của tòa án là cuối cùng các bên phải thi hành. Phí tòa án sẽ do bên có lỗi chiệu trách nhiệm thanh toán

Những chi tiết không thể trong hợp đồng này, nếu có xảy ra, sẽ được thực hiện theo quy định chung của Luật thương mại, nghị định 25/CP và pháp lệnh hiện hành

Hợp đồng này được thành lập 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau

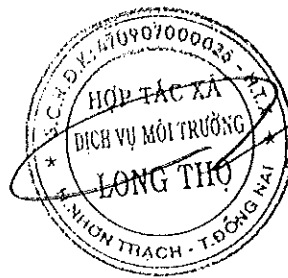
ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Thị Thanh Châu

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Tô Văn Dấu

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 685/2024/HDKT/TTN-ACE

V/v: Thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;
- Căn cứ theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên Môi Trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.137.VX (cấp lần đầu) của Bộ tài nguyên môi trường cấp ngày 26/11/2020 cho Công ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên;
- Căn cứ vào nhu cầu giữa hai bên;

Hôm nay, ngày 16 tháng 09 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ : Ấp 7, Xã Bàu Cạn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : 0251 261 5566 - 0251 261 5588
Mã số thuế : 3600648510
Tài khoản số : 118619738888 Tại Ngân Hàng Vietinbank, CN Tân Bình, TP.HCM
Đại diện : Ông TÔNG QUÝ KHIÊM - Chức vụ: GIÁM ĐỐC

BÊN B: CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM

Địa chỉ : Đường số 2, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : 0251 3560 873
Mã số thuế : 3600573093
Đại diện : Bà NGUYỄN THỊ THANH CHÂU - Chức vụ: GIÁM ĐỐC

Hai Bên thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Bên A nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên B (nằm trong danh mục chất thải mà bên A được phép xử lý) với danh mục và đơn giá xử lý cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	ĐVT	Đơn giá xử lý (vnd/kg)
1	Axit tẩy thải	Lỏng	07 01 01	Kg	Khối lượng ≤ 1.200 kg/năm Khoản 12.000.000 vnd/năm
2	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	Rắn	07 03 10	Kg	
3	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	07 03 11	Kg	
4	Dung môi tẩy sơn hoặc véc ni thải	Lỏng	08 01 05	Kg	
5	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 04 01	Kg	
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	Kg	
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Kg	
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg	
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	Kg	
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	

- Mã chất thải ký hiệu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Đơn giá trên **chưa** bao gồm thuế GTGT.
 - Đơn giá trên **đã** bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển cho **01** chuyến và phí xử lý chất thải theo khối lượng khoán như trên. Trường hợp phát sinh chuyến vận chuyển thứ **02 trở đi**, phí vận chuyển phát sinh là **3.500.000 vnd/chuyến**. Trường hợp khối lượng thực tế giao nhận > **1.200 kg/năm**, thì đơn giá xử lý khối lượng phát sinh là **20.000 vnd/kg**.
2. Địa điểm thu gom: Đường số 2, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 3. Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dụng
 4. Tần suất thu gom: Do 02 (hai) bên thỏa thuận
 5. Khối lượng chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng biên bản (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên.
 6. Nếu có phát sinh chất thải khác: Hai Bên A và B sẽ thỏa thuận giá cả và được

thể hiện trong phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- **Bên B thanh toán cho Bên A thành các đợt thanh toán như sau:**
 - + Đợt 1: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết Bên B thanh toán toàn bộ cho Bên A số tiền **12.000.000 VNĐ** (Đơn giá *chưa* bao gồm thuế GTGT).
 - + Đợt 2: Ngay sau khi Bên A hoàn thành công tác thu gom chất thải cho Bên B, căn cứ khối lượng thực tế giao nhận được thể hiện trên biên bản giao nhận chất thải theo thực tế giao nhận giữa hai Bên, Bên B thanh toán thêm chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A.
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày tính từ khi Bên B nhận được hóa đơn tài chính GTGT do Bên A phát hành. Thông tin chuyển khoản như sau:
 - + Chủ tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN**
 - + Số tài khoản: **118619738888** Tại Ngân Hàng Vietinbank, CN Tân Bình, TP.HCM
- Nếu Bên B thanh toán chậm trễ, Bên B phải thanh toán chi phí phạt 0.1%/ngày căn cứ trên chi phí chưa thanh toán cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Trách nhiệm Bên A:

1. Tiếp nhận chất thải theo danh mục, địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng và vận chuyển về nhà máy xử lý bằng phương tiện vận chuyển chất thải chuyên dùng.
2. Chịu trách nhiệm xử lý tiêu hủy chất thải đúng và đảm bảo theo quy định về vệ sinh môi trường.
3. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải không nằm trong danh mục chất thải được quy định trong hợp đồng này.
4. Cung cấp cho Bên B những giấy tờ có liên quan đến việc vận chuyển, xử lý đối với các loại chất thải mà Bên B giao.
5. Đảm bảo tiến độ thực hiện công việc, đảm bảo vệ sinh, chất lượng công việc.
6. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với các loại chất thải không đúng với mô tả trong Điều 1 của hợp đồng.
7. Nhận khoản kinh phí dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết.

Trách nhiệm Bên B:

1. Chịu trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải theo từng danh mục vào bao, thùng; dán nhãn nhận biết theo từng loại riêng biệt và lưu trữ tại một khu vực cố định đúng quy định để thuận lợi khi Bên A đến thu gom chất thải.
2. Không được để chất thải nguy hại lẫn lộn vào chất thải không nguy hại. Khi Bên A đến thu gom chất thải, phát hiện Bên B không phân loại chất thải và lưu trữ không đúng quy định môi trường thì Bên A không nhận chất thải.
3. Cung cấp cho Bên A những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải nguy hại (sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại).

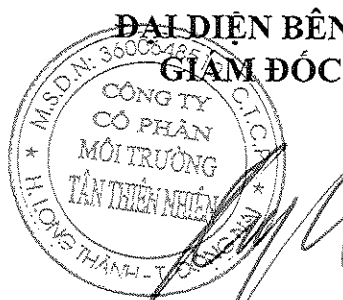
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên B không giao cho Bên A theo thỏa thuận.
5. Giao cho Bên A xử lý các loại chất thải theo đúng nội dung thỏa thuận ở Điều 1 và phải thông báo trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc về hạng mục, thành phần và số lượng chất thải để Bên A chủ động bố trí phương tiện, công nhân tiếp nhận chất thải.
6. Cử nhân viên giám sát trong quá trình bàn giao chất thải.
7. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A thực hiện hợp đồng.
8. Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không được phép giao chất thải theo thỏa thuận tại Điều 1 cho Bên thứ 3.
9. Thanh toán tiền đúng thời hạn và đầy đủ cho Bên A theo hợp đồng này.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ, TIÊU HỦY

- Xử lý theo đúng phương pháp đã đăng ký tại giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.137.VX do BTNMT cấp ngày 26/11/2020 cho Công ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên và những văn bản pháp lý có liên quan.

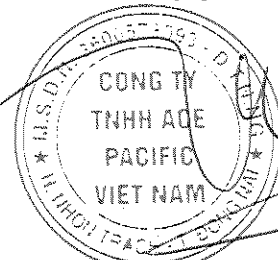
ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 16/09/2024 đến hết ngày 15/09/2025. Sau 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hai Bên không nợ nhau và không Bên nào có ý kiến khác bằng văn bản thì hợp đồng sẽ tự thanh lý.
- Nếu một trong hai Bên muốn chấm dứt hợp đồng, Bên muốn chấm dứt phải báo cho bên còn lại trước 30 ngày. Trường hợp Bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì phải có trách nhiệm bồi hoàn toàn tất cả các chi phí, khoản thiệt hại phát sinh cho Bên còn lại.
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản ghi trong hợp đồng và không được đơn phương sửa đổi hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc phát sinh, hai Bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác và bổ sung phụ lục hợp đồng. Nếu không thể giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các Bên phải thực thi. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.



TÔNG QUÝ KHIÊM

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THANH CHÂU

XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 21/BB-VPHC do ông Trần Hoàng Ân - Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 16 tháng 04 năm 2025 tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 7459/QĐ-GQXP ngày 02/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600573093 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2002, đăng ký đổi lần thứ 9, ngày 09 tháng 02 năm 2022.

Người đại diện pháp luật: LIN HSI-CHIEH Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở đã đi vào hoạt động phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Quy định tại: Điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với số tiền 65.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng*).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông LIN HIS-CHIEH là người đại diện của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam Việt Nam không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam phải số tiền phạt quy định tại Điều 1 vào tài khoản số 7111; chương 605; mã NDKT 4299; mã QHNS 1053055 tại Phòng giao dịch số 18 Kho bạc Nhà nước Khu vực số XV/Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Nhơn Trạch/Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhơn Trạch trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết xử phạt (*gửi bản photo chứng từ, biên lai nộp phạt về Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch để theo dõi*).

b) Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

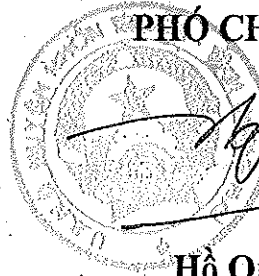
2. Gửi cho Phòng Giao dịch số 18 Kho bạc Nhà nước Khu vực số XV/Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Nhơn Trạch/Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhơn Trạch để thu tiền phạt

3. Giao cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện. *tr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Chánh, PVP HĐND và UBND huyện;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT, TH (Tl,S). *vd*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Tân

UBND HUYỆN NHƠN TRẠCH
PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hôm nay, hồi 11 giờ 15 phút, ngày 16 tháng 04 năm 2025 tại Hội trường Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch (Địa chỉ: Đường Nguyễn Kim Quy, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).

Lý do lập biên bản tại Hội trường Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch: Xử lý một số nội dung tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam.

Căn cứ Văn bản số 01/2025/CV-ACE ngày 15 tháng 04 năm 2025 của Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam; Giấy mời số 136/GM-NNMT ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch; Biên bản làm việc số 21/BB-LV ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

Họ và tên: Trần Hoàng Ân Chức vụ: Chuyên viên Quản lý Môi trường.

Cơ quan: Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch.

2. Với sự chứng kiến của:

Họ và tên: Đỗ Thị Thúy Kiều Chức vụ: Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng - Môi trường.

Cơ quan: UBND xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

1. Tên của tổ chức: Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600573093 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 09 tháng 02 năm 2022 nơi cấp Phòng Đăng ký Kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai).

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1021285673 chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2002, chứng nhận thay đổi lần thứ tư, ngày 26 tháng 04 năm 2011, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy, ngày 19 tháng 08 năm 2013, chứng nhận thay đổi lần thứ tám, ngày 25 tháng 01 năm 2022 nơi cấp Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai.



Người đại diện theo pháp luật: LIN HSI CHIEH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Người được ủy quyền: Nguyễn Thị Thanh Châu

Chức danh: Giám đốc

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính:

Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với cơ sở đã đi vào hoạt động phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cụ thể: Công ty đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 nhưng đến ngày 01 tháng 01 năm 2025 chưa có giấy phép môi trường (theo điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường 2020 cơ sở phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành).

3. Quy định tại:

- Điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Cá nhân/Tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không.

5. Ý kiến trình bày của người đại diện của tổ chức vi phạm:

Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam báo cáo trong các năm gần đây gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất và đã giải trình tại Văn bản số 01/2025/CV-ACE ngày 15 tháng 04 năm 2025 về việc cơ sở Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH Ace Pacific Việt Nam chưa có giấy phép môi trường trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn có ý thức trong công việc bảo vệ môi trường và chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty nghiêm túc nhận thiếu sót trong việc chậm thực hiện giấy phép môi trường và thừa nhận các nội dung nêu trên là đúng. Công ty thành thật nhận lỗi, kính mong quý cơ quan thẩm quyền xem xét hỗ trợ giảm nhẹ mức phạt và không áp dụng biện pháp phạt bổ sung trong lĩnh vực môi trường để tạo điều kiện cho Công ty sớm vượt qua giai đoạn khó khăn kinh tế toàn cầu như hiện nay, đảm bảo đời sống và tạo công ăn việc làm cho hơn 51 nhân viên của Công ty.

6. Ý kiến trình bày của đại diện chính quyền, người chứng kiến:

Ý kiến của UBND xã Phước Thiện:

Thống nhất với biên bản và thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không.

8. Chúng tôi đã yêu cầu tổ chức vi phạm chấm dứt ngày hành vi vi phạm: Không.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: Không.

10. Quyền và thời hạn giải trình: Trong thời hạn 02 ngày làm việc/05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này, người đại diện của tổ chức vi phạm

có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình đến Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch để thực hiện quyền giải trình.

11. Yêu cầu người đại diện của tổ chức vi phạm có mặt vào hồi.... giờ.... phút, ngày/....../....., tại:..... để giải quyết vụ việc.

Biên bản lập xong hồi 12 giờ 20 phút, ngày 16 tháng 04 năm 2025, gồm 03 tờ, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; bàn giao cho bà Nguyễn Thị Thanh Châu (người được ông LIN HSI CHIEH ủy quyền) là người đại diện của tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

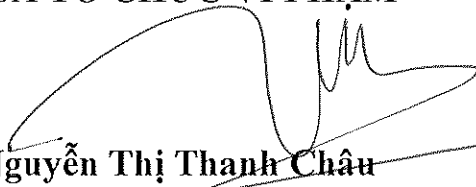
Trường hợp cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính

Lý do người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản:
.....
.....

Trường hợp người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã không ký xác nhận việc cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính

Lý do người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã không ký xác nhận:
.....
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CỦA TỔ CHỨC VI PHẠM**


Nguyễn Thị Thanh Châu

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)**


Trần Hoàng Ân

**CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CỦA TỔ CHỨC BỊ THIẾT HẠI
(Ký, ghi rõ họ và tên)**

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)**


Đỗ Thị Thúy Kiều

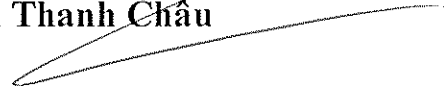
Biên bản đã giao trực tiếp cho người đại diện của tổ chức vi phạm vào hồi 12 giờ 25 phút, ngày 16 tháng 04 năm 2025./.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Thanh Châu



Mẫu số: CI-02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 4/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)

Không ghi vào
khu vực này

**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC**

Mã hiệu:

Số:

Số tham chiếu:

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VND ☐ USD ☐ Khác:

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM Mã số thuế: 3600573093

Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1 Quận/Huyện: Nhơn Trạch. Tỉnh, TP: Đồng Nai.

Người nộp thay:

Địa chỉ: Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: IVB NHƠN TRẠCH trích TK số: 6262599-001. hoặc thu tiền mặt để nộp
NSNN theo: TK thu NSNN ☐ 7111 TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: Phòng giao dịch số 18 Kho Bạc Nhà Nước Khu Vực số XV. Tỉnh, TP:
Đồng Nai

Mở tại NH ủy nhiệm thu:

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH HUYỆN NHƠN TRẠCH

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu mục
01.	Số 1656/QĐ- XPHC của UBND huyện Nhơn Trạch	24/04/2025	Phạt vi phạm hành chính (Mã QHNS 1053055)		65 000 000	605	4299
Tổng cộng					65 000 000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng.

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KẾ HOẠCH TOÁN:

Mã CQ thu:

Nợ TK:

Mã ĐBHC:

Có TK:

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

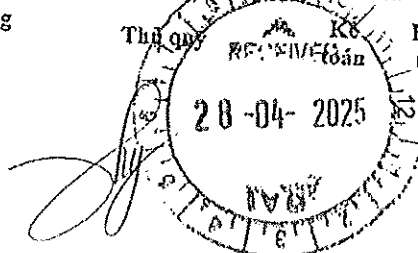
Người nộp tiền: Kế toán trưởng: Thủ trưởng
đơn vị:



NGÂN HÀNG/ KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Thủ quỹ: Kế toán trưởng:



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

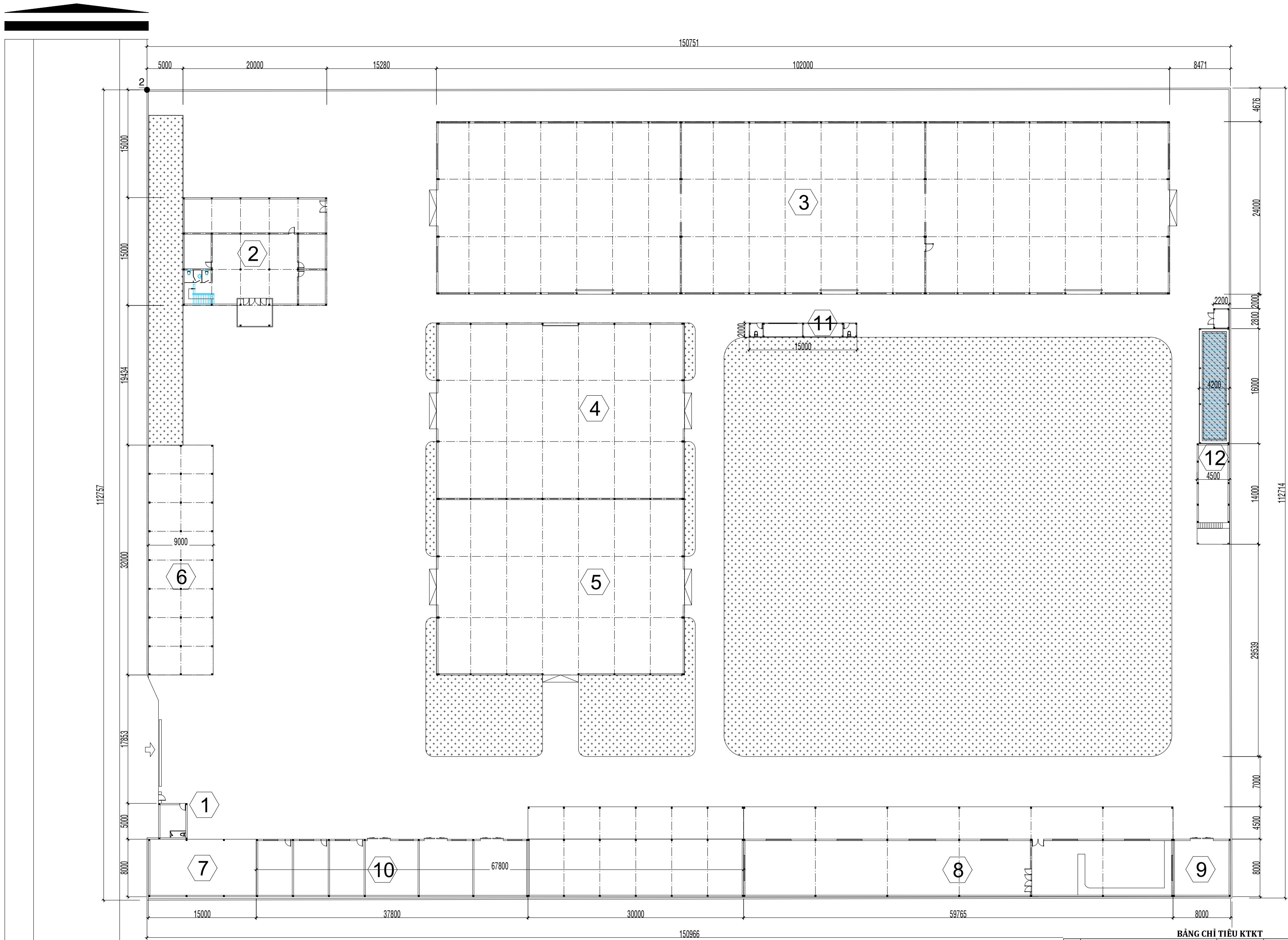
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

ĐỊA ĐIỂM: KCN NHƠN TRẠCH 1, XÃ PHƯỚC THIỀN

HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SHIH JUNG VIỆT NAM



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

T/L : 1/600

BẢNG CHỈ TIÊU KTKT

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XD(M ²)	DIỆN TÍCH SẢN XD(M ²)	SỐ TẦNG	TỈ LỆ (%)
I	Tổng diện tích đất		17.000,00		100,00
II	Diện tích xây dựng công trình	6.112,85	6.432,85		
01	Nhà bảo vệ	19,00	19,00	1	
02	Nhà văn phòng	320,00	640,00	2	
03	Nhà xưởng 1	2.448,00	2.448,00	1	
04	Nhà xưởng 2	845,25	845,25	1	
05	Nhà xưởng 3	828,00	828,00	1	
06	Nhà xe 1	288,00	288,00	1	
07	Nhà xe 2	120,00	120,00	1	
08	Bếp + Nhà ăn	478,00	478,00	1	
09	Nhà kho hóa chất	64,00	64,00	1	
10	Nhà kho + nghỉ công nhân	542,40	542,40	1	
11	Nhà vệ sinh	8,40	8,40	1	
12	Nhà chứa rác thải thông thường	10,80	10,80	1	
13	Nhà chứa rác thải nguy hại	10,80	10,80	1	
14	Hệ thống xử lý nước thải	63,00	63,00	1	
15	Bể thu gom nước thải	67,20	67,20	1	
III	Diện tích cây xanh		5.440,00		32,00
V	Diện tích sân đường nội bộ, sân bãi		5.447,15		32,04

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHIH JUNG
VIỆT NAM

GHI CHÚ CHUNG:

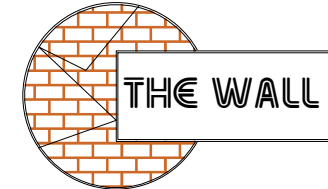
- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THI PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TỰ VẤN ĐỀ ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K. KỸ THUẬT	☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC

CHIEF OF DESIGN

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:

DESIGN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT

CHECKED BY

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

Nhà NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1,
xa Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

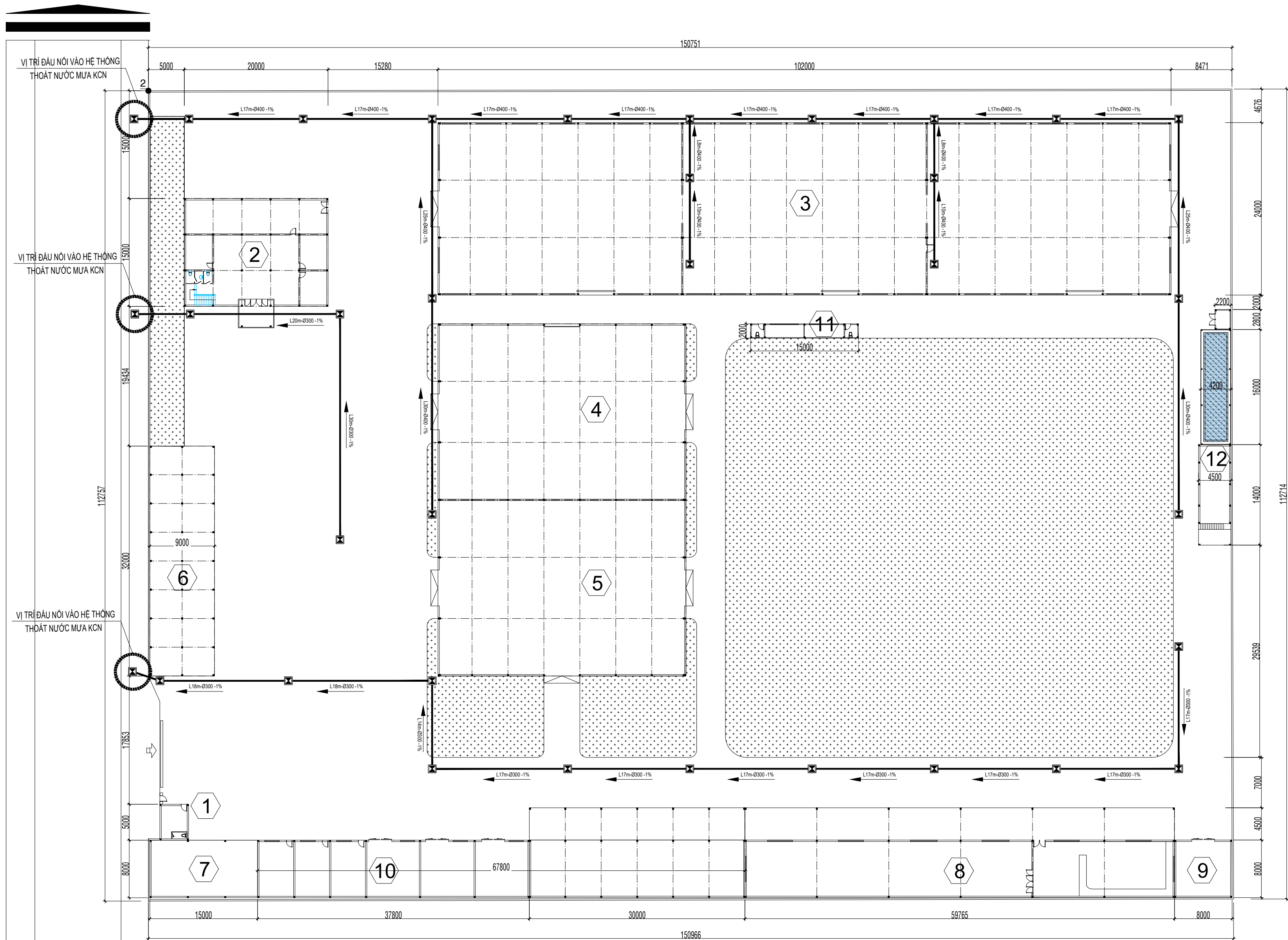
HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

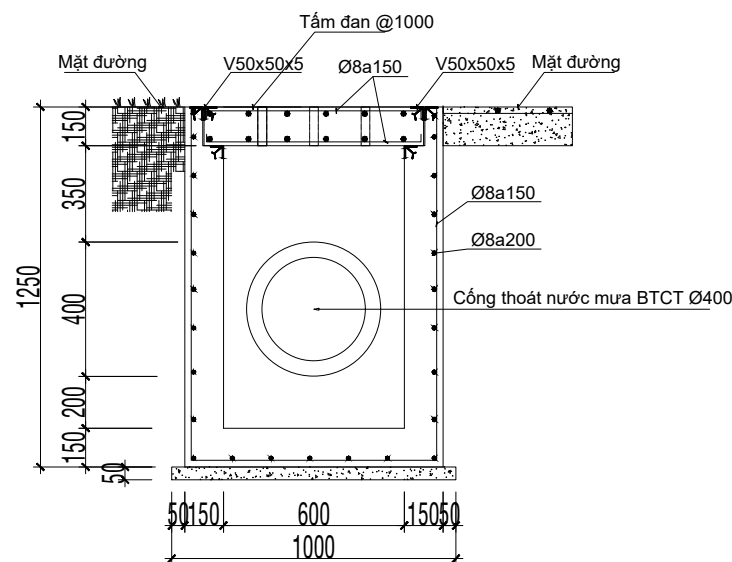
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TT: 01
1/100	01/2025	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

T/L : 1/600



CHI TIẾT HỒ GA

- CỔNG HẠ TẦNG KCN
- CỔNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- HỒ GA NƯỚC MƯA BTCT

Ø600 - L 120-1% ĐƯỜNG KÍNH, CHIỀU DÀI ĐỘ DỐC

THUYẾT MINH TÓM TẮT

- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ QCVN 07-2016/BXD.
- TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG : TCVN 7957:2023 "THOÁT NƯỚC - MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TRÌNH BÊN NGOÀI - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ".
- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA SẼ TÁCH RIÊNG VỚI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA ĐƯỢC THIẾT KẾ BẰNG CÔNG BTCT RUNG ÉP ĐÚC SẮN CÓ ĐƯỜNG KÍNH 400-600MM. HỆ THỐNG CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA ĐƯỢC BỐ TRÍ DỌC THEO CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ BAO BỌC CÁC KHU NHÀ XƯỞNG ĐẢM BẢO THOÁT NƯỚC CHO TOÀN KHU.
- TRÊN CÁC TUYẾN CÔNG CÓ BỐ TRÍ CÁC HỒ GA THU NƯỚC, KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC HỒ GA TỪ 10M - 15M TÙY THEO VỊ TRÍ TÙY THEO KÍCH THƯỚC CÔNG VÀ VỊ TRÍ HỒ GA.
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO ĐỘ DỐC ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ XẢ VÀO 2 VỊ TRÍ HỒ GA THOÁT NƯỚC ĐƯỢC HIỆN HỮU TRÊN ĐƯỜNG NHỰA CỦA KHU CÔNG NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG.
- VỊ TRÍ ĐẦU NƠI XEM CHI TIẾT TRÊN BẢN VẼ.
- LƯU LƯỢNG NƯỚC ĐƯỢC TÍNH TOÁN THEO TỪNG DIỆN TÍCH LƯU VỰC THEO CÔNG THỨC :
 $Q = q \times F \times \beta \times \psi$

TRONG ĐÓ :
+ β LÀ HỆ SỐ PHÂN BỐ MƯA.
+ ψ LÀ HỆ SỐ DÒNG CHẢY
+ q LÀ CƯỜNG ĐỘ MƯA ĐƯỢC LẤY LỚN NHẤT TRONG NĂM THEO KHU VỰC
+ F LÀ DIỆN TÍCH LƯU VỰC DÙNG ĐỂ TÍNH TOÁN.

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHIH JUNG
VIỆT NAM

GHI CHÚ CHUNG:

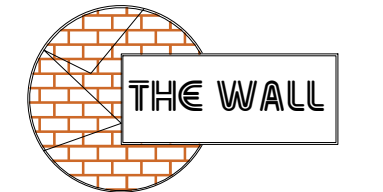
- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THEO TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THI PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TƯ VẤN BIẾT ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR

T.K. KỸ THUẬT	☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC
CHIEF OF DESIGN

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:
DESIGN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT
CHECKED BY

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

NỮA NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1,
Xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

MB TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

TỶ LỆ SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TT: 02
1/100	01/2025	

GHI CHÚ CHUNG:

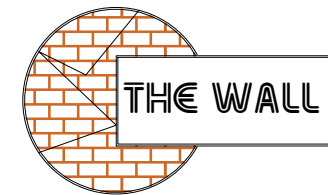
- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG, NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THÌ PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TỰ VẤN BIẾT ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K. KỸ THUẬT	☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

DIRECTOR

[Signature]

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC

CHIEF OF DESIGN

[Signature]

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:

DESIGN

[Signature]

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT

CHECKED BY

[Signature]

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

NÚA NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhòn Trach 1,
Xã Phước Thien, huyện Nhòn Trach, tỉnh Nông Nai

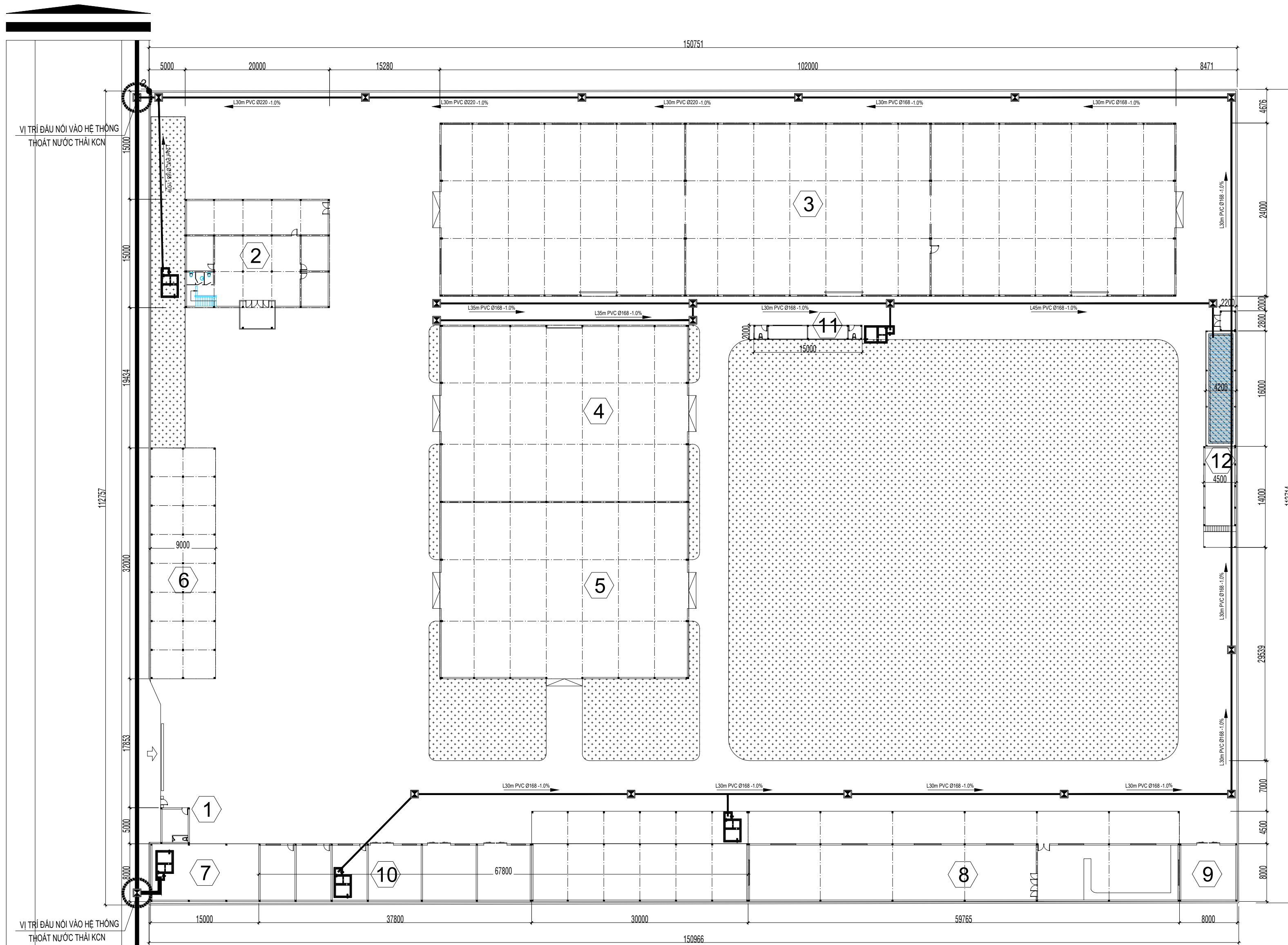
HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

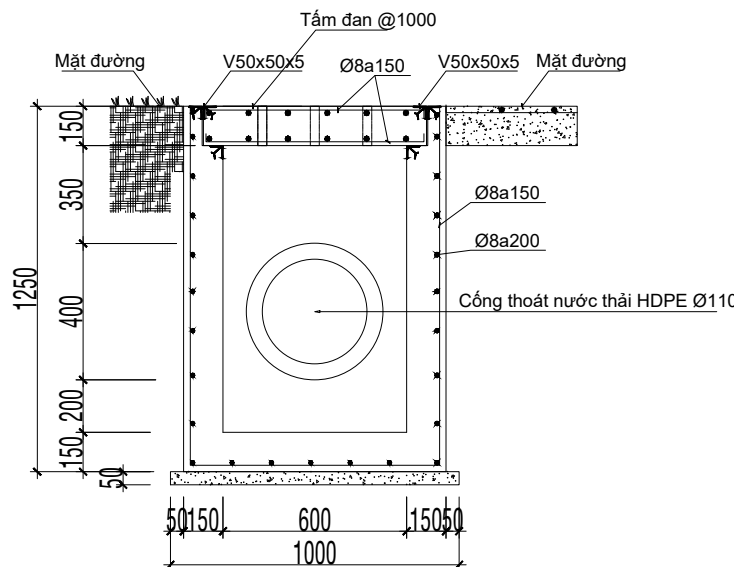
MB TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

TỶ LỆ SCALE	KY HIỆU BẢN VẼ	TT: 0.3
1/100	01/2025	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

T/L : 1/600



CHI TIẾT HỐ GA

- CỐNG HẠ TẦNG KCN
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HDPE
- ➔ HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- Ø600 - L120-1% ĐƯỜNG KÍNH, CHIỀU DÀI ĐỘ DỐC
- ☒ HỐ GA NƯỚC THẢI BTCT

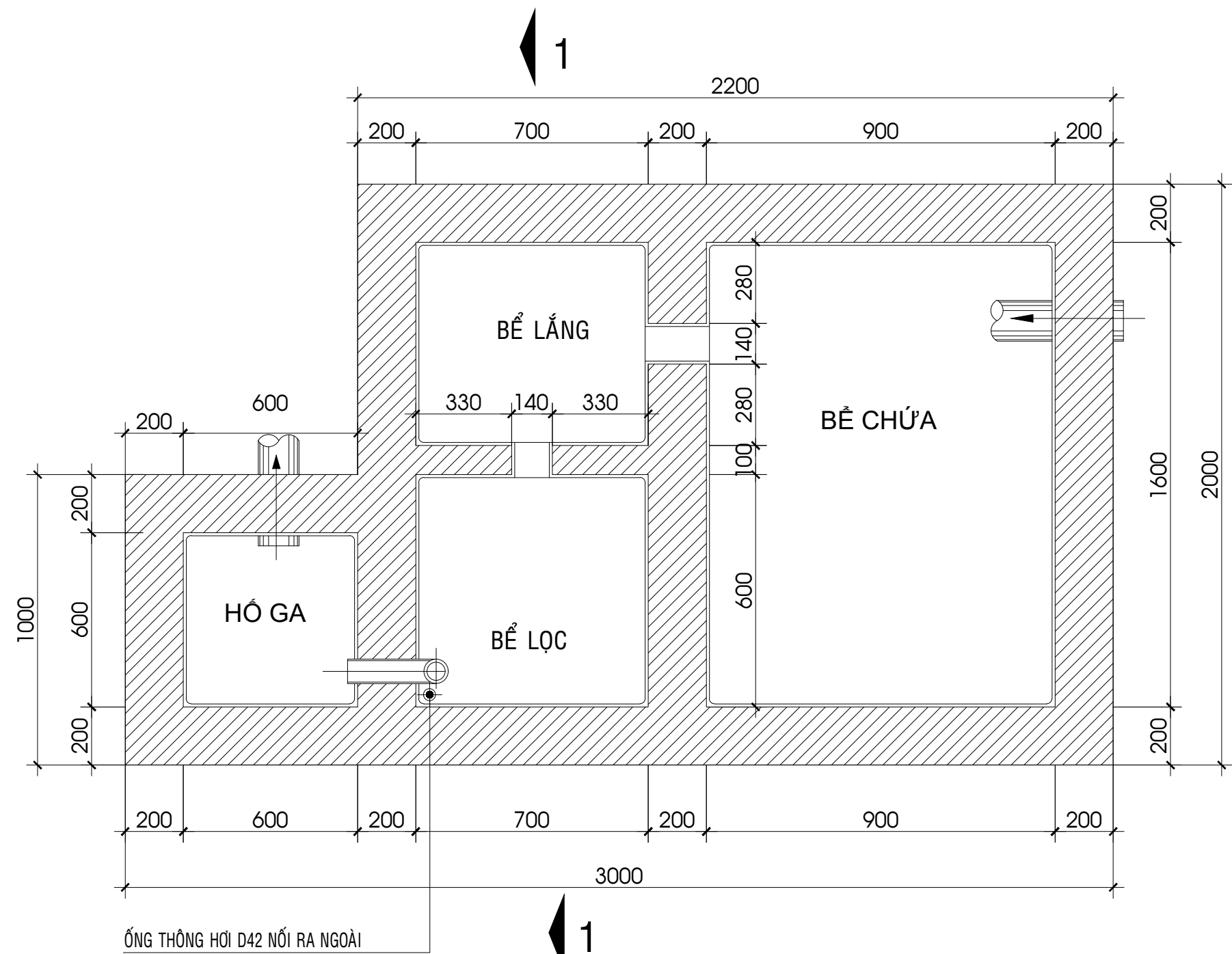
THUYẾT MINH TÓM TẮT:

1. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ :

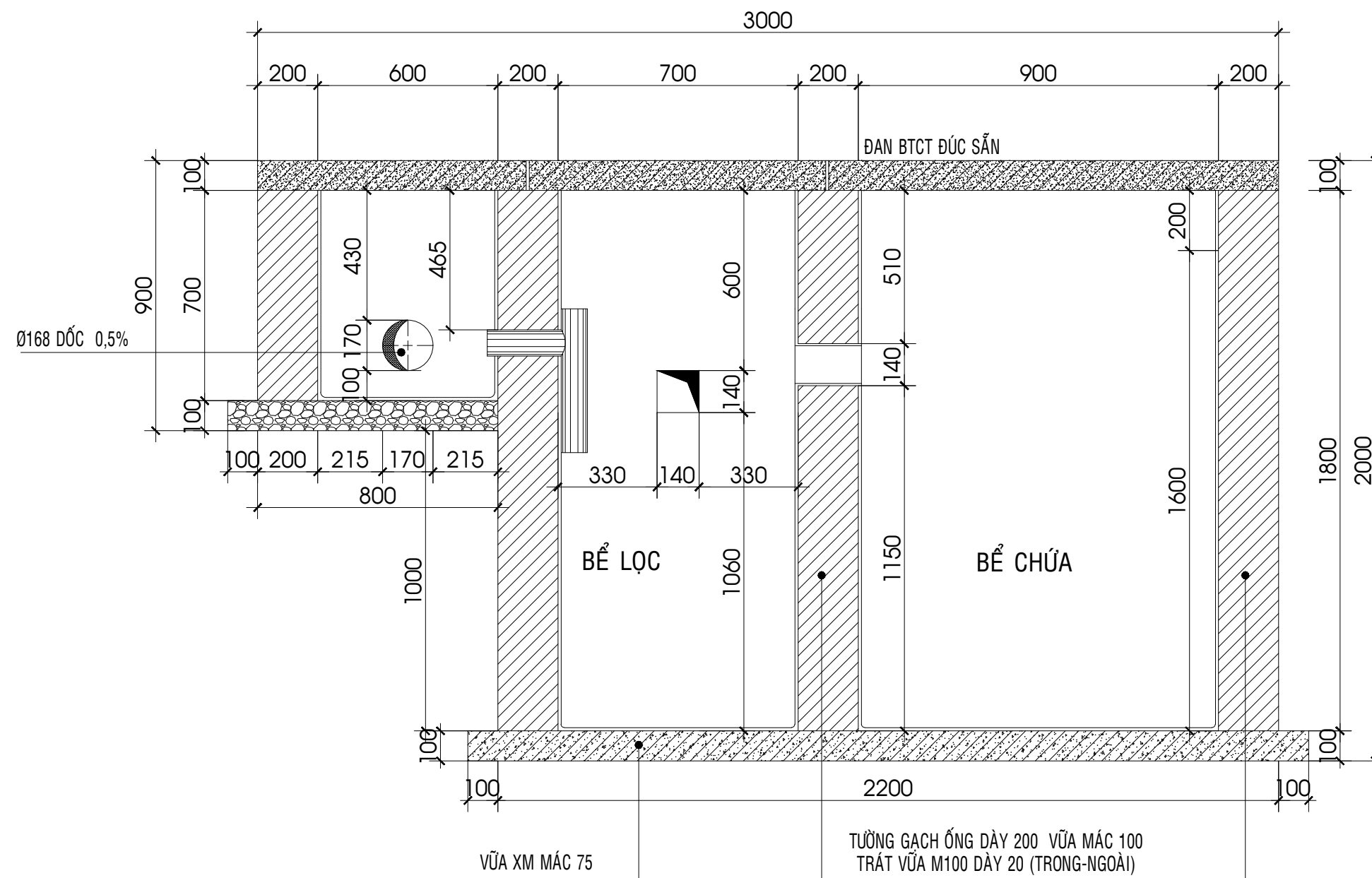
- QCVN: 01: 2021/ BXD "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG"
- TCVN 7957-2023: THOÁT NƯỚC - MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TRÌNH BÊN NGOÀI- TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ.
- QCVN 07:2016/BXD : QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT.
- QCVN 14:2008/BTNMT-QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NƯỚC THẢI SINH HOẠT.
- TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI ĐƯỢC TÍNH BẰNG 100% TIÊU CHUẨN CẤP NƯỚC.

2. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ:

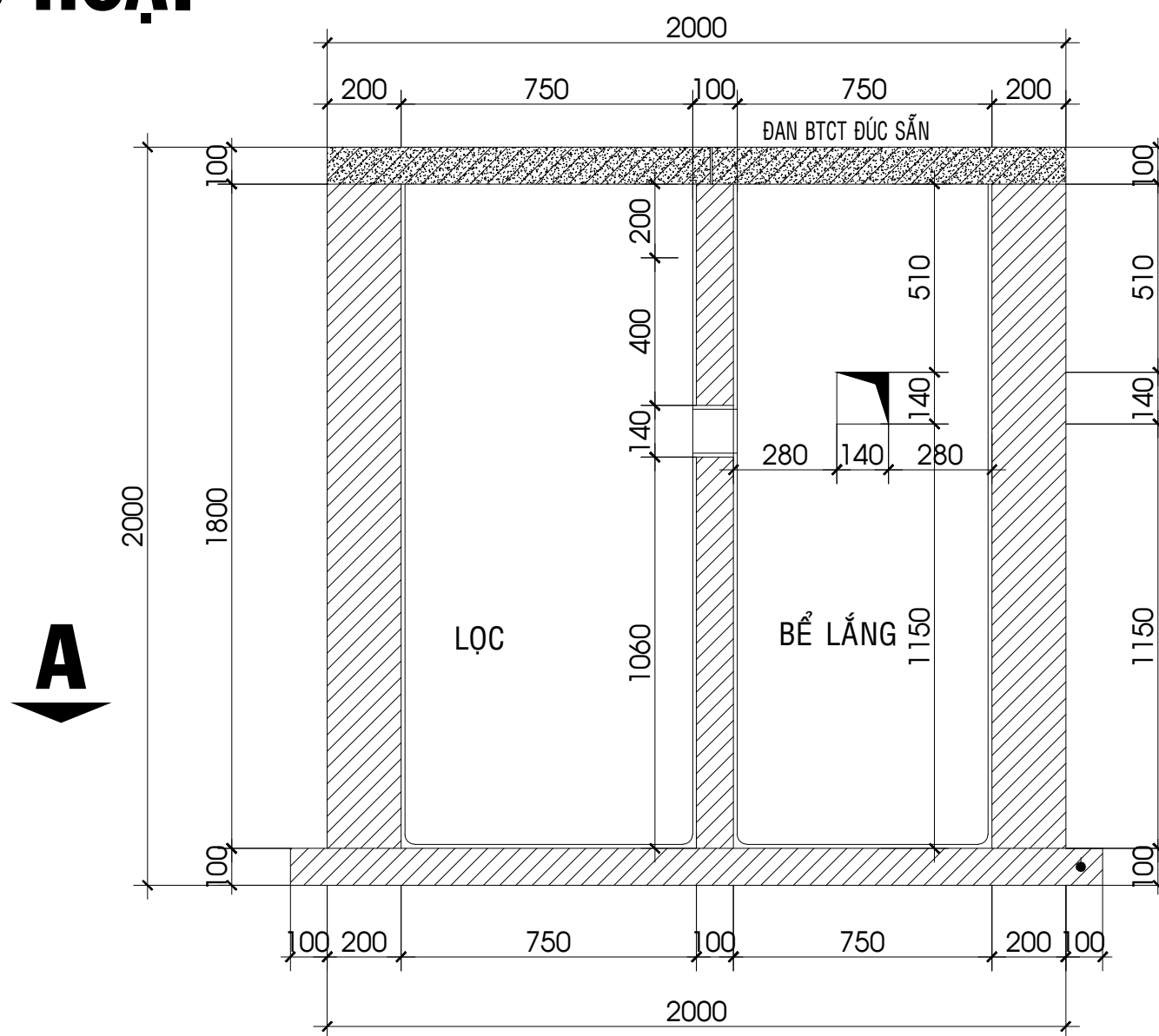
- XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI RIÊNG BIỆT VỚI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA.
- TRONG MẠNG LƯỚI SỬ DỤNG CỐNG HDPE D110 ĐỂ THU GOM NƯỚC THẢI TỪ CÁC NHÀ VỆ SINH VÀ ĐẤU NỔI VÀO TUYẾN THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN HỮU CỦA KHU CÔNG NGHIỆP.
- CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG THIẾT KẾ DỰA VÀO CAO ĐỘ HOÀN THIỆN MẶT ĐƯỜNG, VÍA HÉ.
- TRƯỚC KHI ĐẤU NỔI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CHUNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP CẦN CÓ 1 HỐ GA QUAN TRẮC ĐỂ KIỂM TRA, HỐ GA CÓ LƯỚI LỌC RÁC THỎ ĐỂ NGĂN CHẤT THẢI RẮN.
- VỊ TRÍ ĐẤU NỔI VÀO HỆ THỐNG CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP THỂ HIỆN CHI TIẾT TRÊN BẢN VẼ.



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI
TL 1/25



CẮT A-A TL: 1/25



CẮT 1-1 TL: 1/25

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHIH JUNG
VIỆT NAM

GHI CHÚ CHUNG:

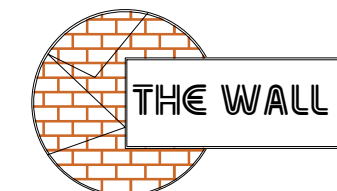
- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THI PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TỰ VẤN BIẾT ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K. KỸ THUẬT	☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC
CHIEF OF DESIGN

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:
DESIGN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT
CHECKED BY

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

NỮA NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhôn Trach 1,
xa Phước Thiên, huyện Nhôn Trach, tỉnh Đồng Nai

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

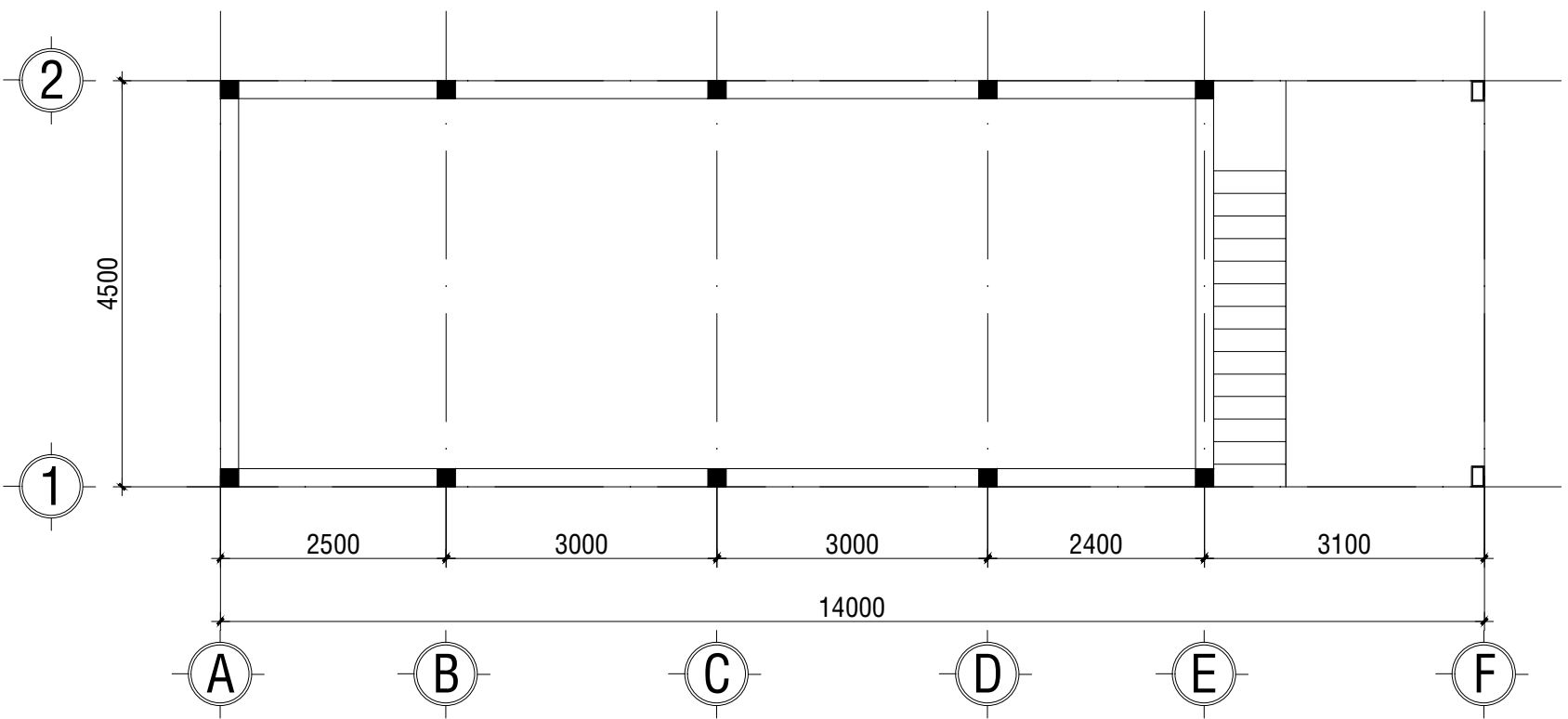
TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ	KT:04
1/100	01/2025	

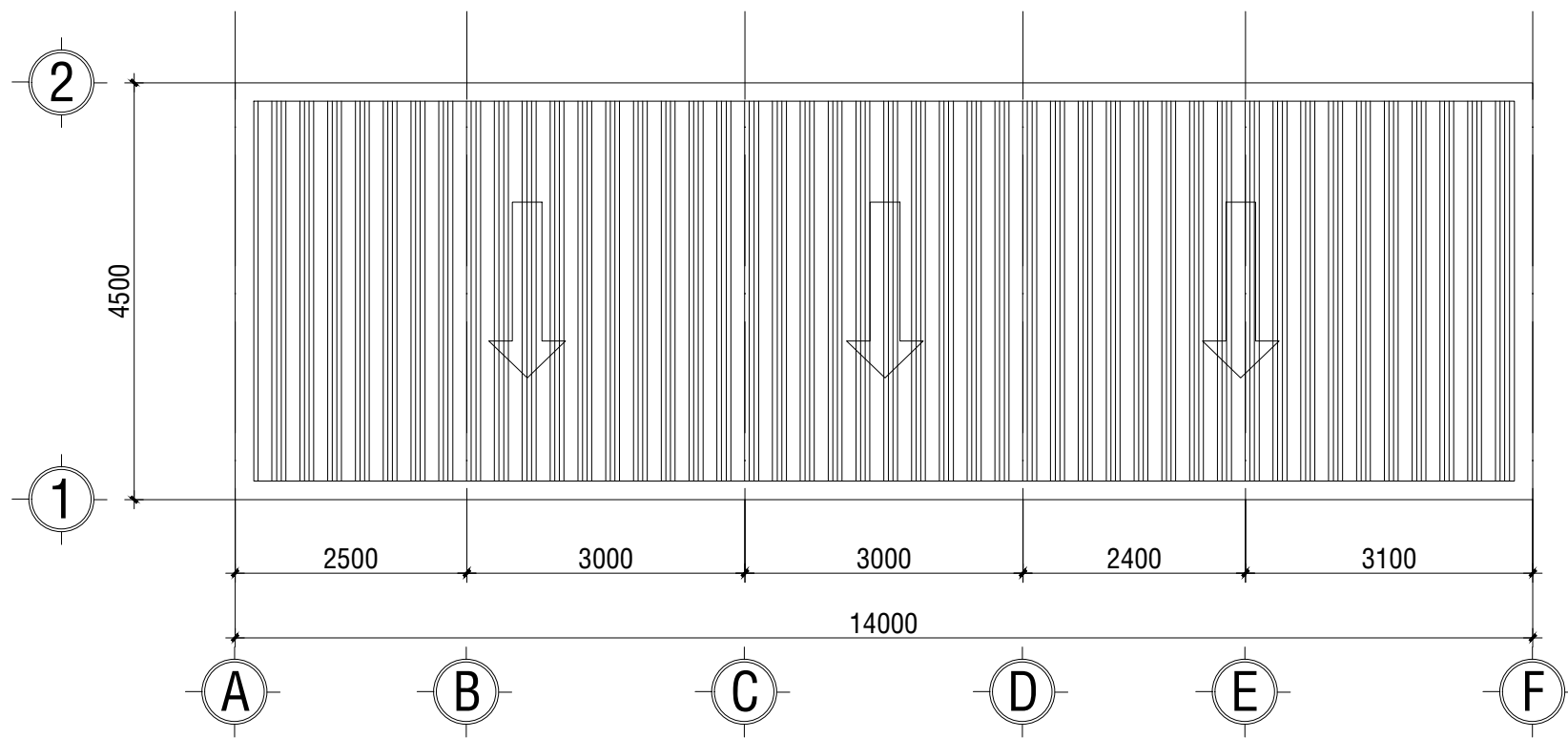
HẠNG MỤC :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



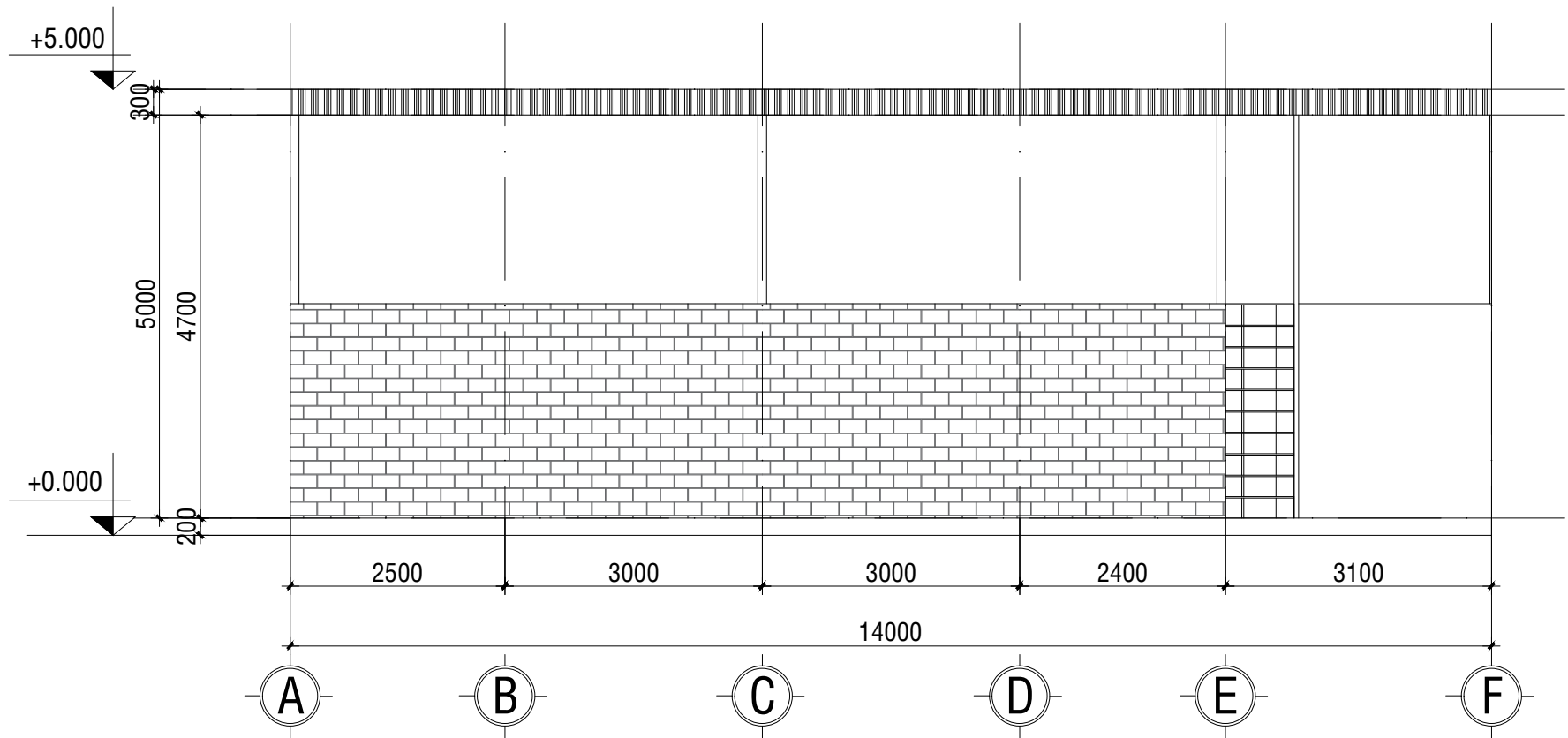
MẶT BẰNG NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TL: 1/100



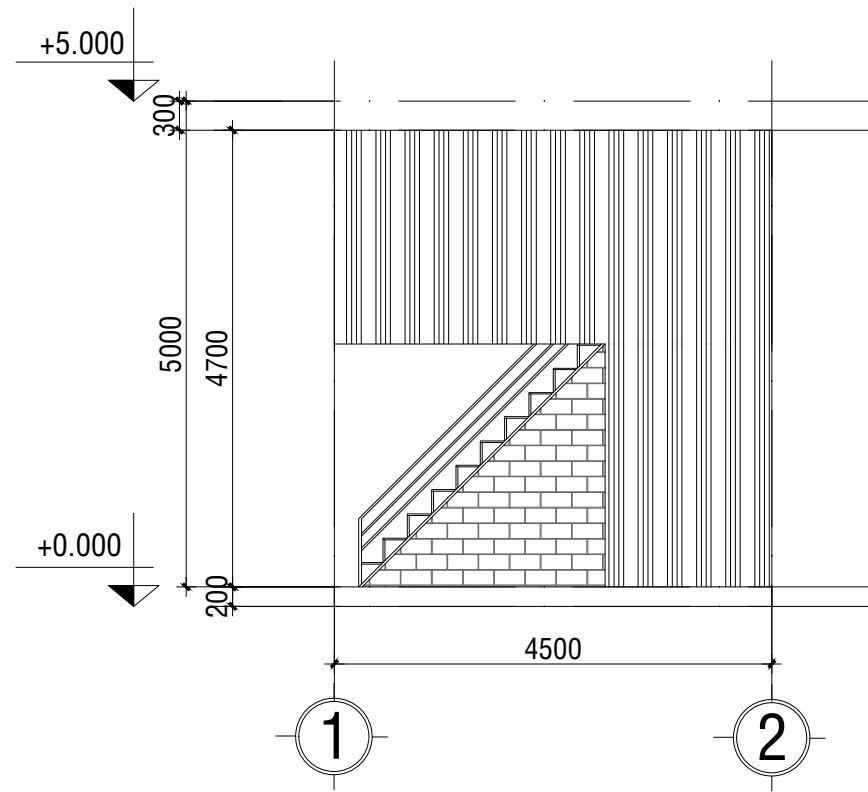
MẶT BẰNG MÁI

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC A-F

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC 1-2

TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHIH JUNG
VIỆT NAM

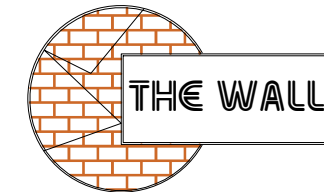
GHI CHÚ CHUNG:

- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG, NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THI PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TỰ VẤN BIẾT ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR
T.K. KỸ THUẬT ☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT ☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC
CHIEF OF DESIGN

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:
DESIGN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT
CHECKED BY

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

NỮA NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhôn Trach 1,
xa Phước Thiện, huyện Nhôn Trach, tỉnh Đồng Nai

HẠNG MỤC - ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

MẶT BẰNG

TỶ LỆ SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ	KT: 01
1/100	01/2025	

GHI CHÚ CHUNG:

- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG, NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THI PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TỰ VẤN BIẾT ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K. KỸ THUẬT	☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC
CHIEF OF DESIGN

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:
DESIGN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT
CHECKED BY

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

NỮA NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhôn Trach 1,
xa Phước Thiện, huyện Nhôn Trach, tỉnh Đồng Nai

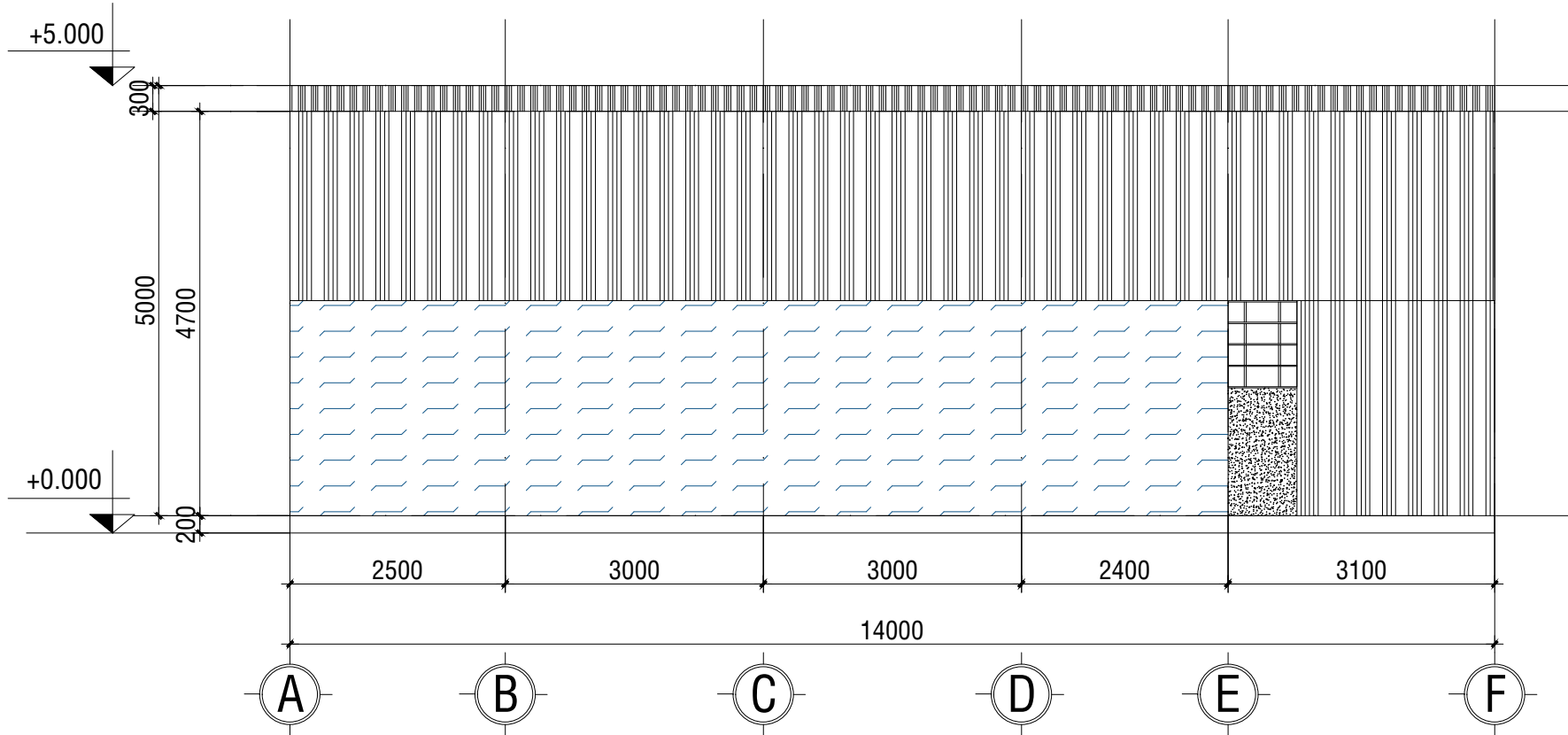
HẠNG MỤC - ITEM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

MẶT BẰNG

TỶ LỆ SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ	KT:02
1/100	01/2025	

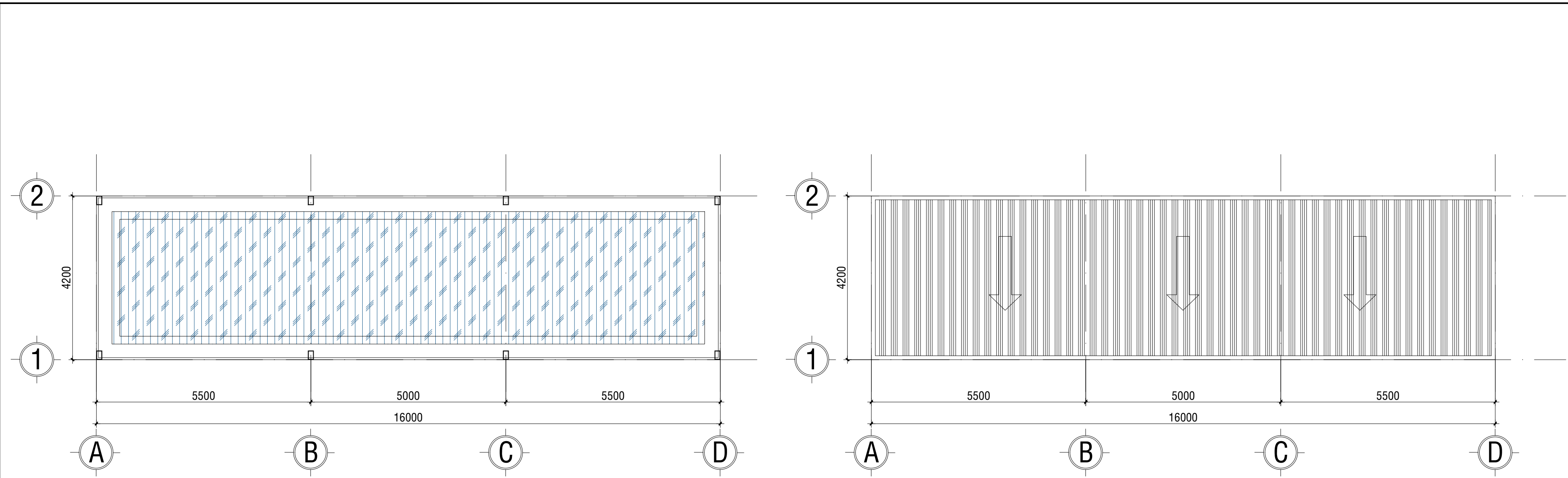


MẶT CẮT NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TL: 1/100

HẠNG MỤC :

BỂ THU GOM

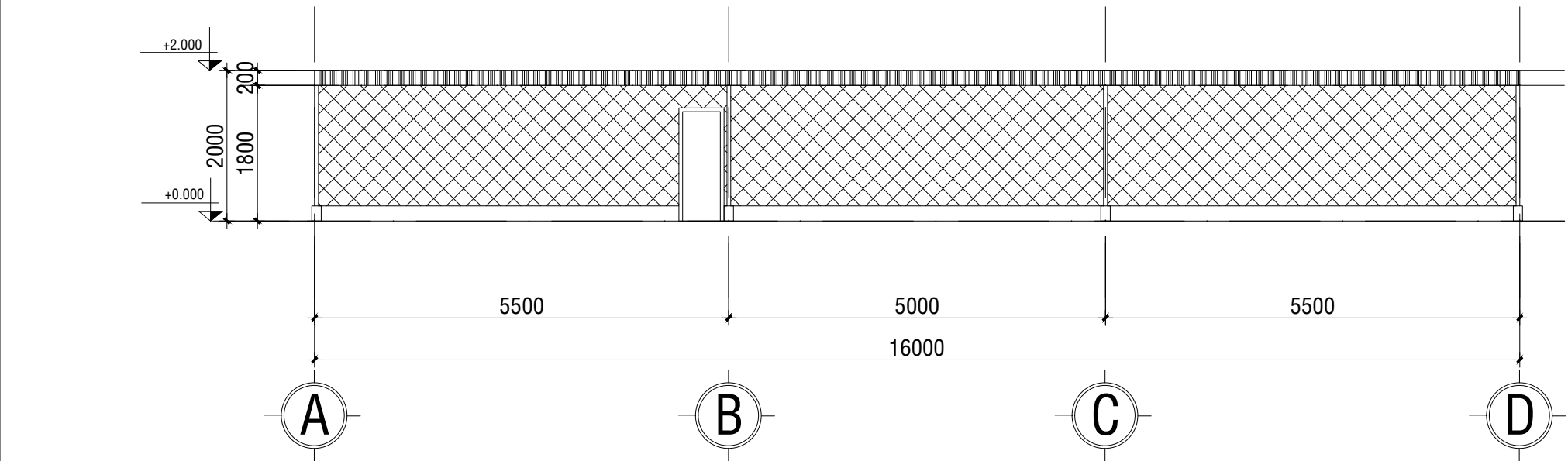


MẶT BẰNG BỂ THU GOM

TL: 1/100

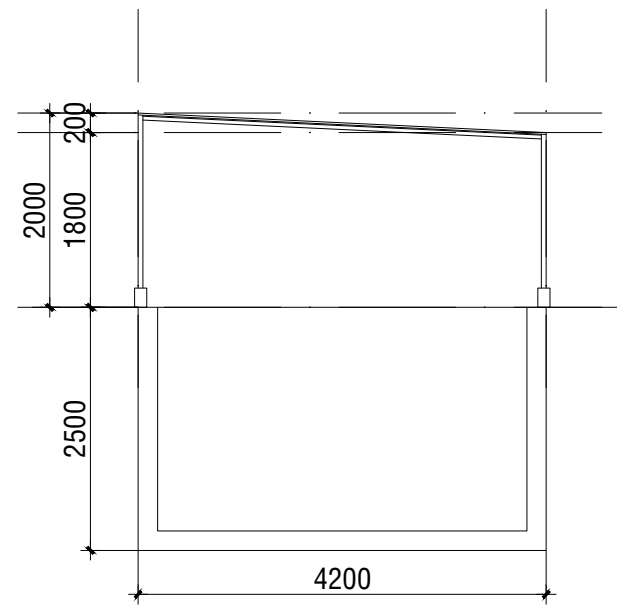
MẶT BẰNG MÁI

TL: 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC A-D

TL: 1/100



MẶT CẮT A-A

TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHIH JUNG
VIỆT NAM

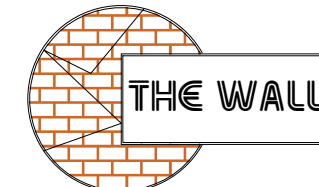
GHI CHÚ CHUNG:

- KHÔNG ĐƯỢC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ KHI THI CÔNG.
- CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG.
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG, NẾU PHÁT HIỆN CÓ SỰ SAI LỆCH THI PHẢI BẢO ĐƠN VỊ TỰ VẤN BIẾT ĐỂ PHỐI HỢP XỬ LÝ.

T.T No	NGÀY LẬP/HIỆU CHÍNH SET-UP DATE / REVISION DATE
A	
B	
C	
D	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
T.K. KỸ THUẬT	☐ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL
T.K. THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ REVISION

CÔNG TY TNHH TM DV THE WALL



SỐ 365A, KHU PHỐ 11A, PHƯỜNG TÂN PHONG
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PCCC
CHIEF OF DESIGN

KS. HOÀNG VĂN TUẤN

THIẾT KẾ:
DESIGN

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

QLKT
CHECKED BY

KS. NGUYỄN VĂN HOÀNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ
CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ

NƠI NIÊM XD: Khu công nghiệp Nhôn Trach 1,
xa Phước Thiên, huyện Nhôn Trach, tỉnh Đồng Nai

HẠNG MỤC - ITEM

BỂ THU GOM

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

MẶT BẰNG

TỶ LỆ SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ	KT: 01
1/100	01/2025	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----000-----

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 202.....

NGƯỜI LẬP
(HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)

CHỈ HUY TRƯỞNG
(HỌ TÊN, CHỮ KÝ)

GIÁM SÁT
(HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)

[Signature]

Phùng Bá Quang

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT ACE PACIFIC VIỆT NAM

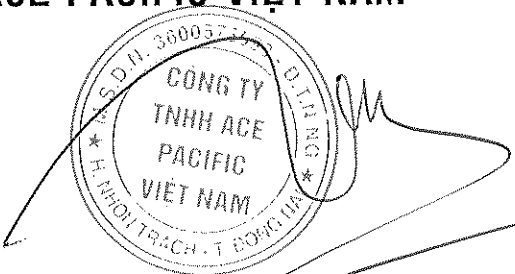
HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT : 10 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM : ĐƯỜNG SỐ 2, KCN NHƠN TRẠCH 1, H.NHƠN TRẠCH, ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ACE PACIFIC VIỆT NAM



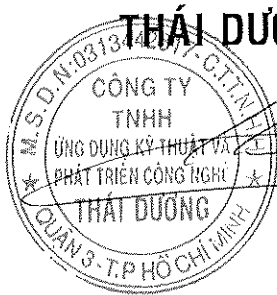
Nguyễn Thị Thanh Châu

NHÀ THẦU

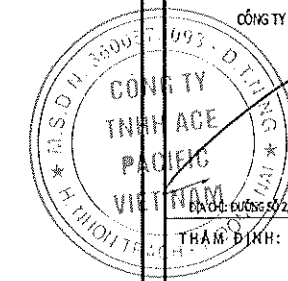
CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

THÁI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC



Phùng Bá Quang



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM
ĐƠN VỊ: ĐƯỜNG SỐ 2, KINH MÔN TRẠCH 1, KHU M. TRẠCH, HUYỆN TRẠCH, TỈNH NGHỆ AN
THẨM ĐỊNH:

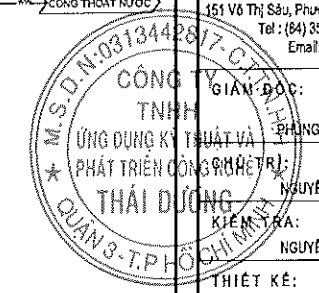
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:
NGÀY: LÀN: MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được nêu định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG
151 Võ Thị Sáu, Phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaidualong.tkd@gmail.com



THẨM ĐỊNH:
NGUYỄN HOÀNG LÂM
KIỂM TRA:
NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

VẼ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

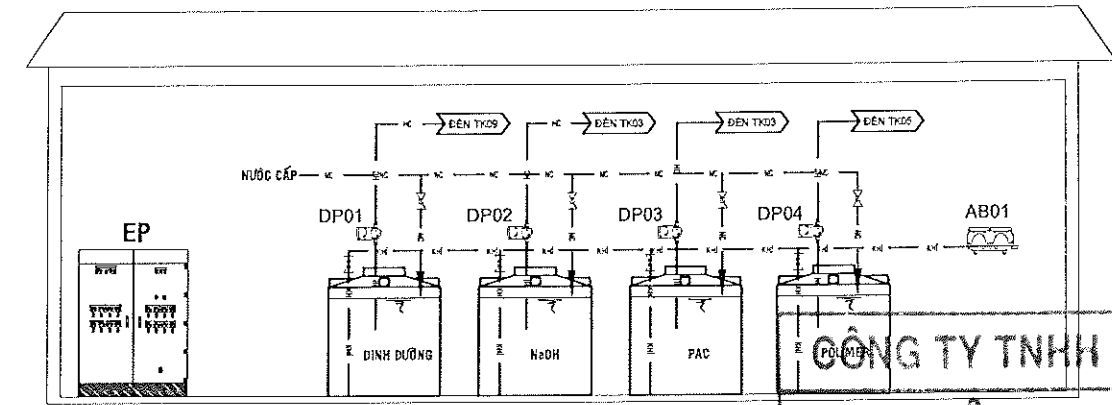
DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT ACE PACIFIC VIỆT NAM

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 10 M³/ NGÀY ĐÊM

TÊN:

KÍCH CỠ: A3 MÃ:
TỈ LỆ: NGÀY: 12/2024
SỐ BẢN VẼ:



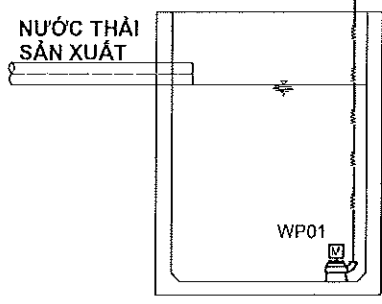
CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

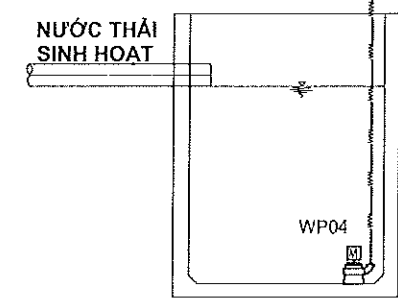
Ngày.....tháng.....năm 202....

NGƯỜI LẬP (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
CHỈ HUY TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
GIÁM SÁT (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)

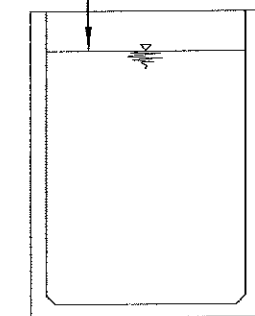
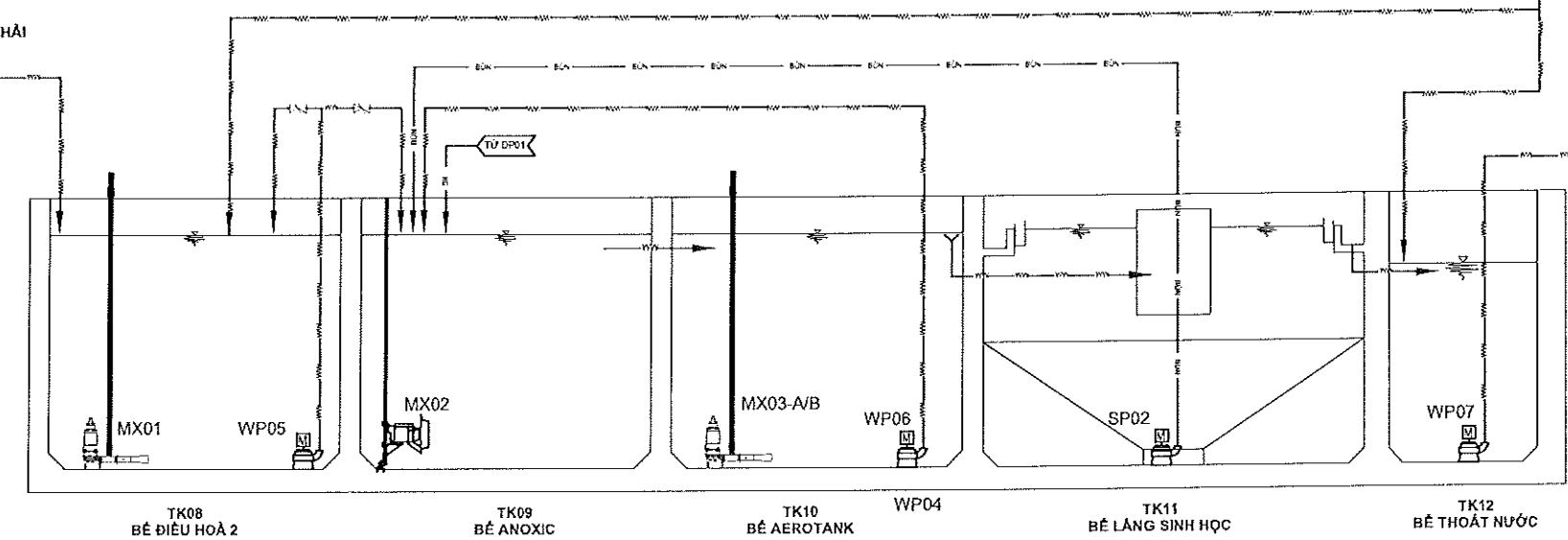
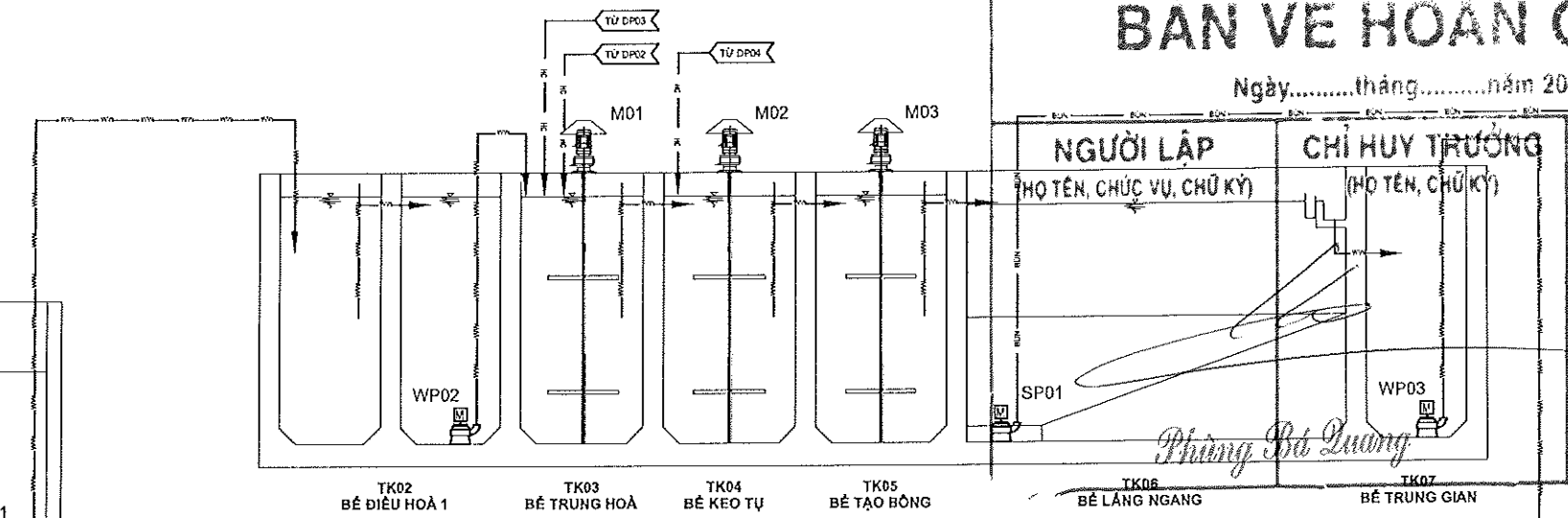
Phùng Bá Dương



TK01A
HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



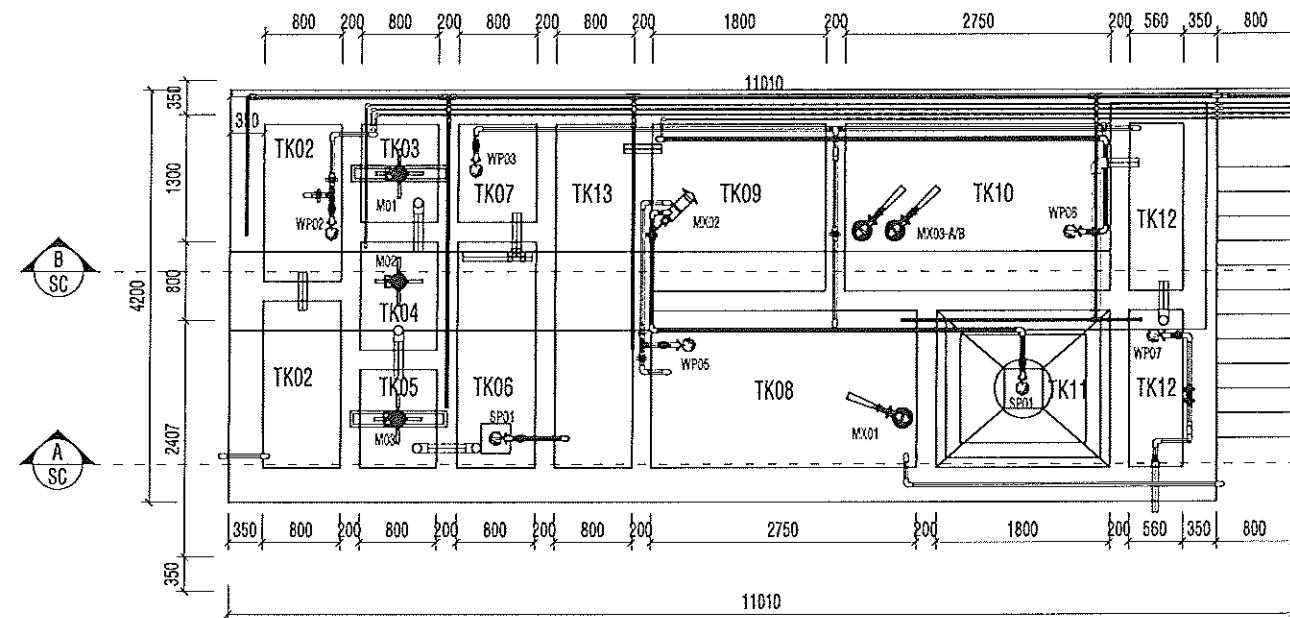
TK01B
HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT



TK13
BỂ CHỨA BÙN

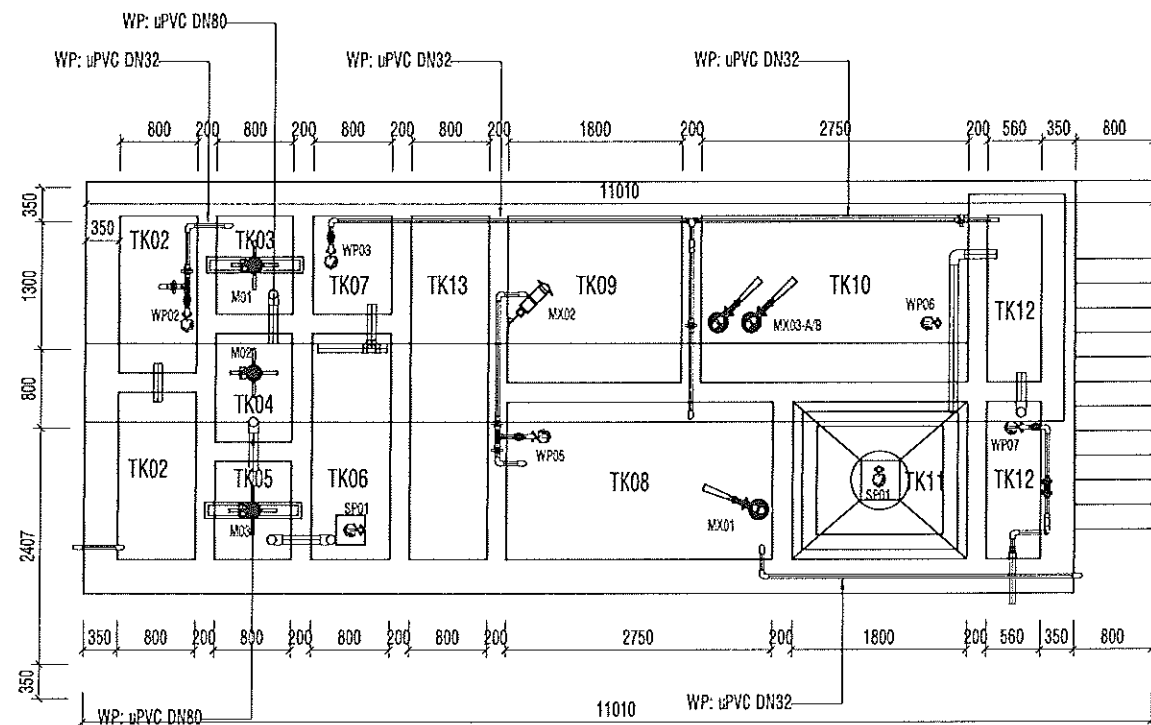
KÝ HIỆU:

TK01A	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK01B	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT	TK08	: BỂ ĐIỀU HOÀ 2
TK02	: BỂ ĐIỀU HOÀ 1	TK09	: BỂ ANOXIC
TK03	: BỂ TRUNG HOÀ	TK10	: BỂ AEROTANK
TK04	: BỂ KEO TỤ	TK11	: BỂ LẮNG SINH HỌC
TK05	: BỂ TẠO BÔNG	TK12	: BỂ THOÁT NƯỚC
TK06	: BỂ LẮNG NGANG	TK13	: BỂ CHỨA BÙN



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG TỔNG THỂ

TL: 1/75

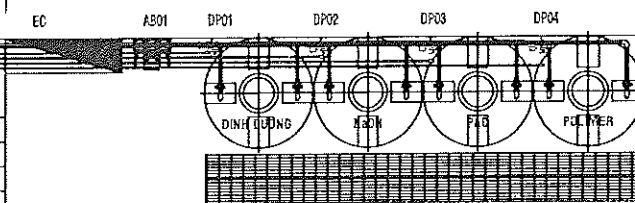


MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

TL: 1/75

KÝ HIỆU:

TK01A	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK01B	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT	TK08	: BỂ ĐIỀU HÒA 2
TK02	: BỂ ĐIỀU HÒA 1	TK09	: BỂ ANOXIC
TK03	: BỂ TRUNG HÒA	TK10	: BỂ AEROTANK
TK04	: BỂ KEO TỤ	TK11	: BỂ LẮNG SINH HỌC
TK05	: BỂ TẠO BÔNG	TK12	: BỂ THOÁT NƯỚC
TK06	: BỂ LẮNG NGANG	TK13	: BỂ CHỨA BÙN

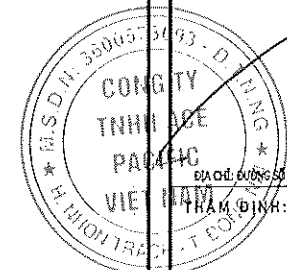
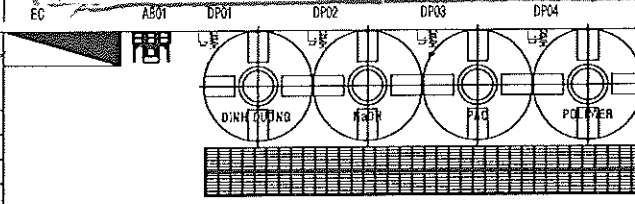


CÔNG TY TNHH UDKT VÀ PTCN THÁI DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 202....

NGƯỜI LẬP (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)	CHỈ HUY TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỮ KÝ)	GIÁM SÁT (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
	<i>Phùng Bá Quang</i>	



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:

NGÀY:	LẦN:	MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho tất cả những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi bản vẽ.

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG
161 Võ Thị Sáu, Phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaiduong.ktc@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
PHÙNG BÁ QUANG

Kiểm tra:
NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

VẼ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT ACE PACIFIC VIỆT NAM

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

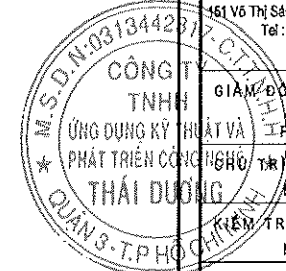
CÔNG SUẤT: 10 M³/ NGÀY ĐÊM

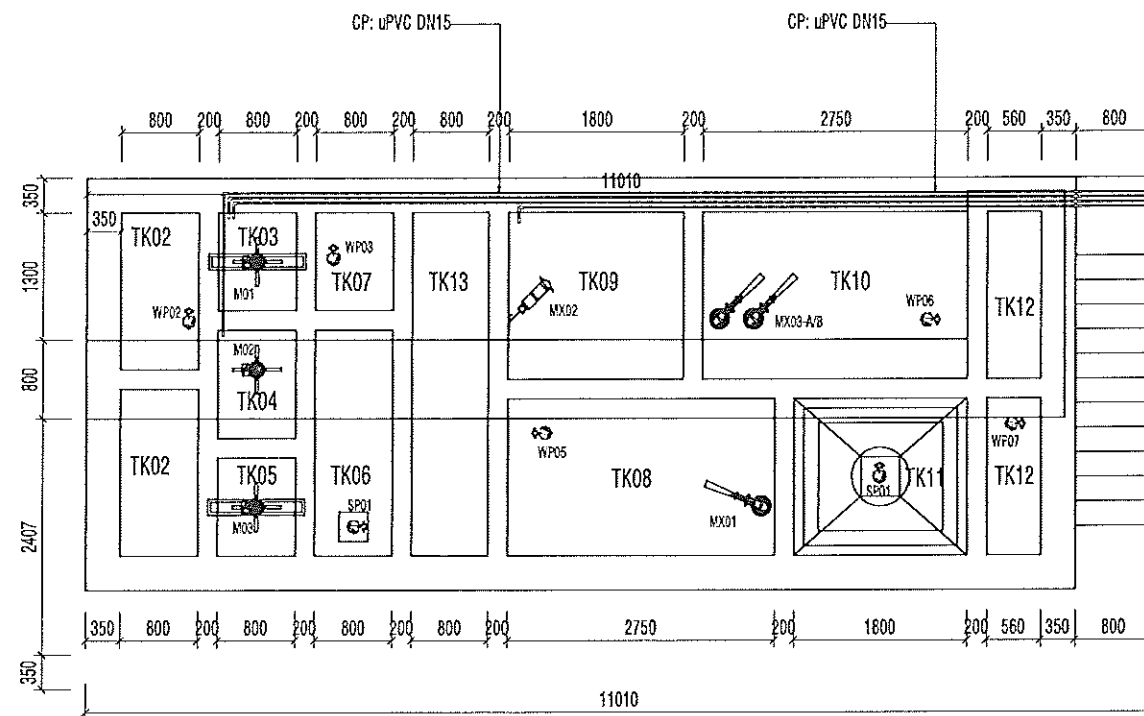
TÊN:

KÍCH CỠ: A3 **MÃ:**

TỈ LỆ: **NGÀY:** 12/2024

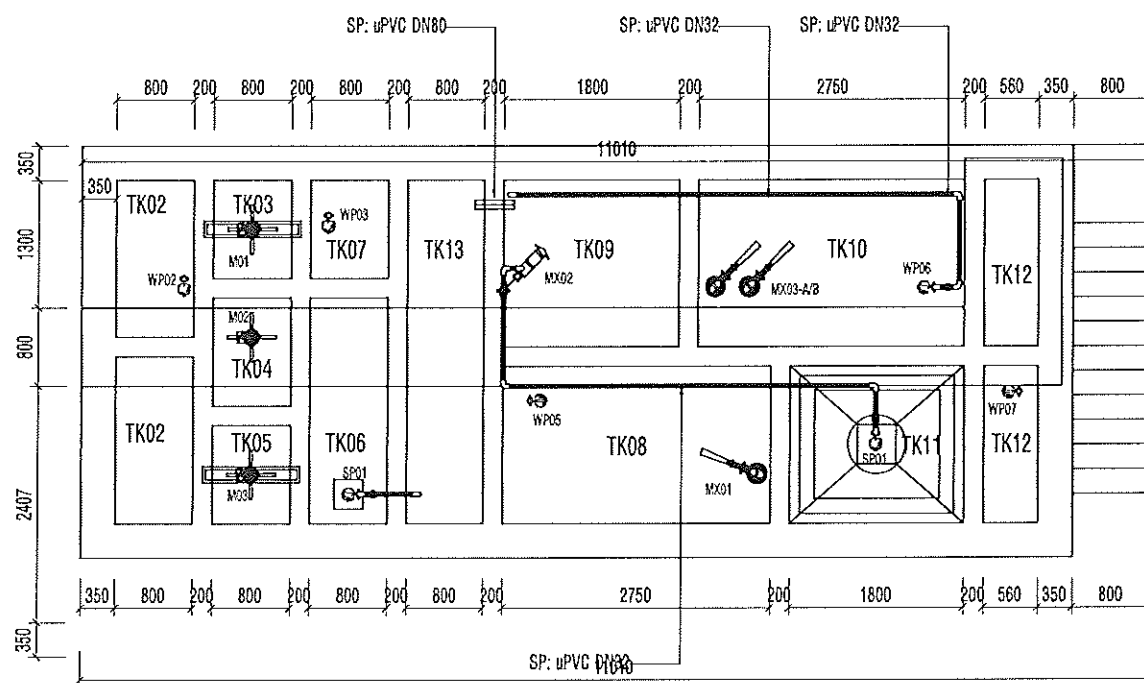
SỐ BẢN VẼ:





MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT

TL: 1/75

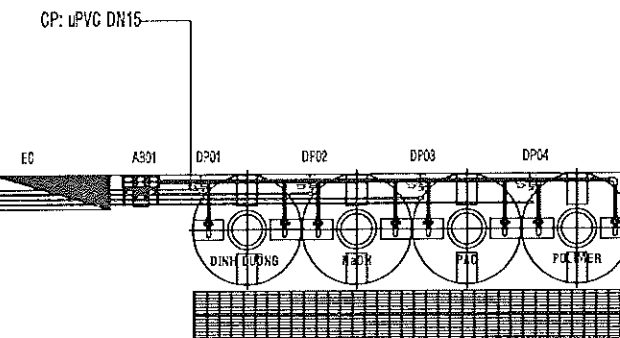


MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN

TL: 1/75

KÝ HIỆU:

TK01A	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK01B	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT	TK08	: BỂ ĐIỀU HÒA 2
TK02	: BỂ ĐIỀU HÒA 1	TK09	: BỂ ANOXIC
TK03	: BỂ TRUNG HÒA	TK10	: BỂ AEROTANK
TK04	: BỂ KEO TỤ	TK11	: BỂ LẮNG SINH HỌC
TK05	: BỂ TẠO BÔNG	TK12	: BỂ THOÁT NƯỚC
TK06	: BỂ LẮNG NGANG	TK13	: BỂ CHỨA BÙN

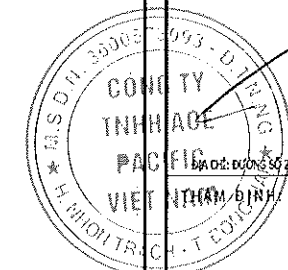


CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 202....

NGƯỜI LẬP (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)	CHỈ HUY TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỮ KÝ)	GIÁM SÁT (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
	<i>Phùng Bá Dương</i>	



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:

NGÀY:	LÀM:	MÔ TẢ:
-------	------	--------

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thống kê cho tất cả những kích thước về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG

151 Võ Thị Sáu, Phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thai.duong.tdc@gmail.com



ĐIỂM DỐC:
PHÙNG BÁ QUANG

CHỦ TRÌ:
NGUYỄN HOÀNG LÂM

Kiểm tra:
NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

VỀ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT ACE PACIFIC VIỆT NAM

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

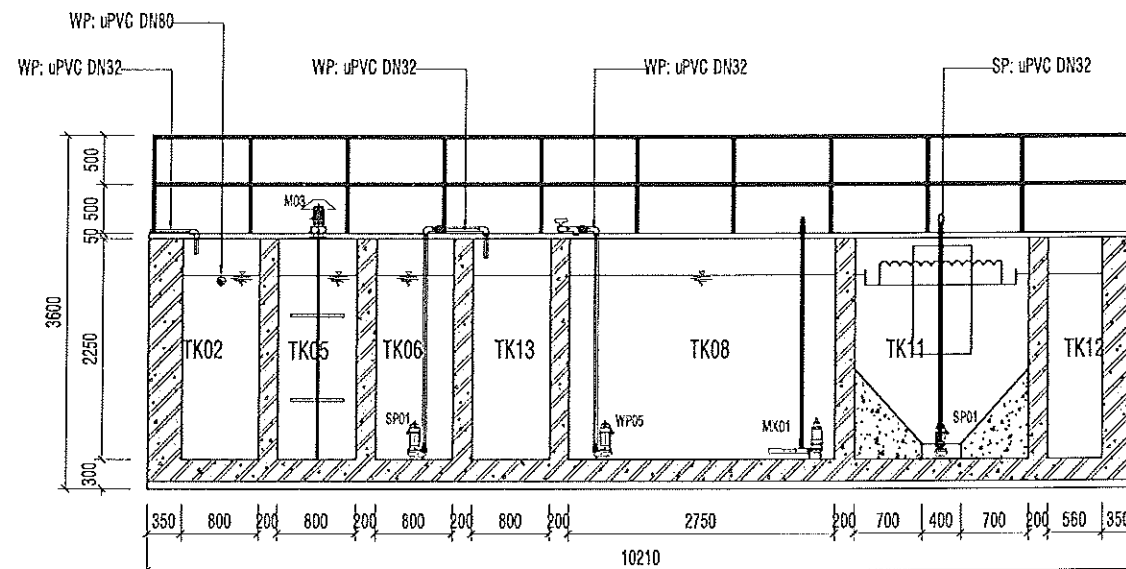
CÔNG SUẤT: 10 M³/ NGÀY ĐÊM

TÊN:

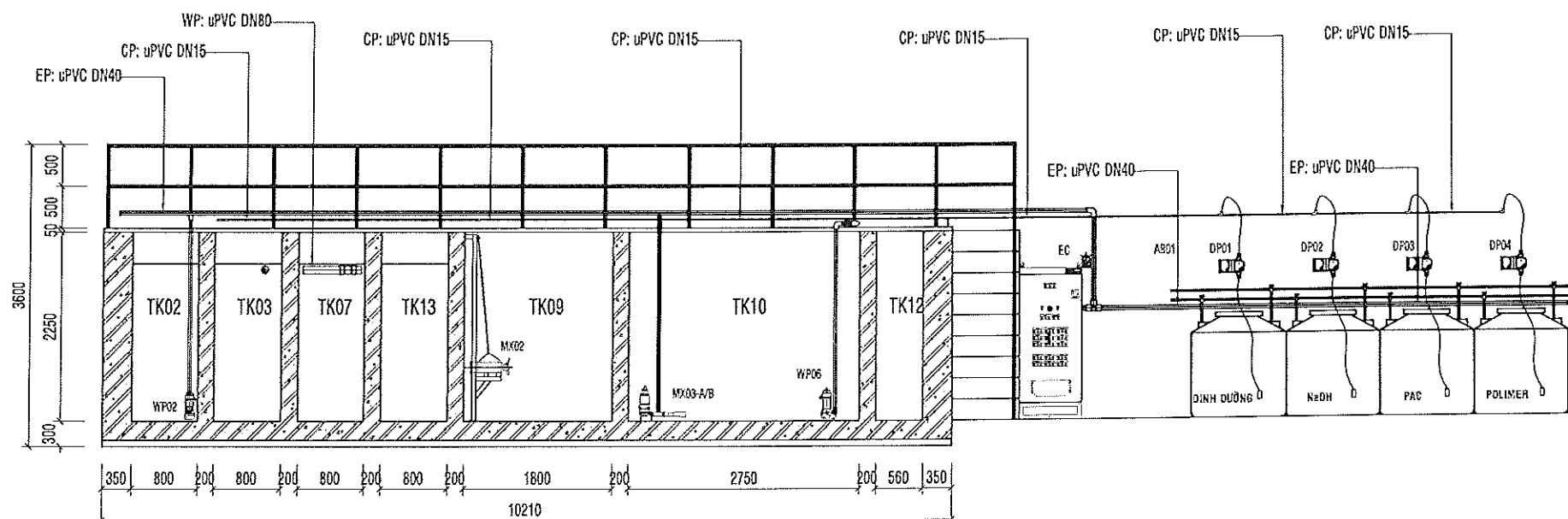
KÍCH CỠ: A3 MÃ:

TỈ LỆ: NGÀY: 12/2024

SỐ BẢN VẼ:



MẶT CẮT A-A
TL: 1/75



MẶT CẮT B-B
TL: 1/75

KÝ HIỆU:

TK01A	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK01B	: HỒ THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT	TK08	: BỂ ĐIỀU HÒA 2
TK02	: BỂ ĐIỀU HÒA 1	TK09	: BỂ ANOXIC
TK03	: BỂ TRUNG HÒA	TK10	: BỂ AEROTANK
TK04	: BỂ KEO TỤ	TK11	: BỂ LẮNG SINH HỌC
TK05	: BỂ TẠO BÔNG	TK12	: BỂ THOÁT NƯỚC
TK06	: BỂ LẮNG NGANG	TK13	: BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY TNHH UDKT VÀ PTCN THÁI DƯƠNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 202....

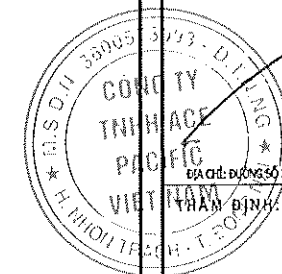
NGƯỜI LẬP
(HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)

CHỈ HUY TRƯỞNG
(HỌ TÊN, CHỮ KÝ)

GIÁM SÁT
(HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)

Phùng Bá Quang

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:

NGÀY: LÀN: MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải đồng bộ cho tất cả những
khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi thi công.

TỰ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG

481 Võ Thị Sáu, Phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaidualung.tdc@gmail.com



GIÁM ĐỐC:

PHÙNG BÁ QUANG

KIỂM TRA:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

VẼ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ACE PACIFIC VIỆT NAM

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 10 M³/ NGÀY ĐÊM

TÊN:

KÍCH CỠ: A3 MÃ:

TỈ LỆ: NGÀY: 12/2024

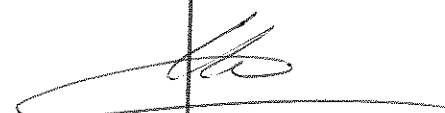
SỐ BẢN VẼ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----000-----

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI DƯƠNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 202....		
NGƯỜI LẬP (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)	CHỈ HUY TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỮ KÝ)	GIÁM SÁT (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
		
Phùng Bá Quang		

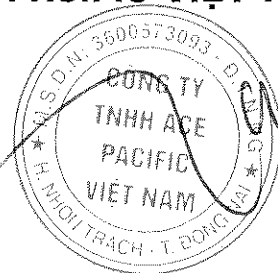
CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT ACE PACIFIC VIỆT NAM

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI CHUYÊN PHUN SƠN TÍNH ĐIỆN

ĐỊA ĐIỂM : ĐƯỜNG SỐ 2, KCN NHƠN TRẠCH 1, NHƠN TRẠCH, ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ACE PACIFIC VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Châu

ĐƠN VỊ LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

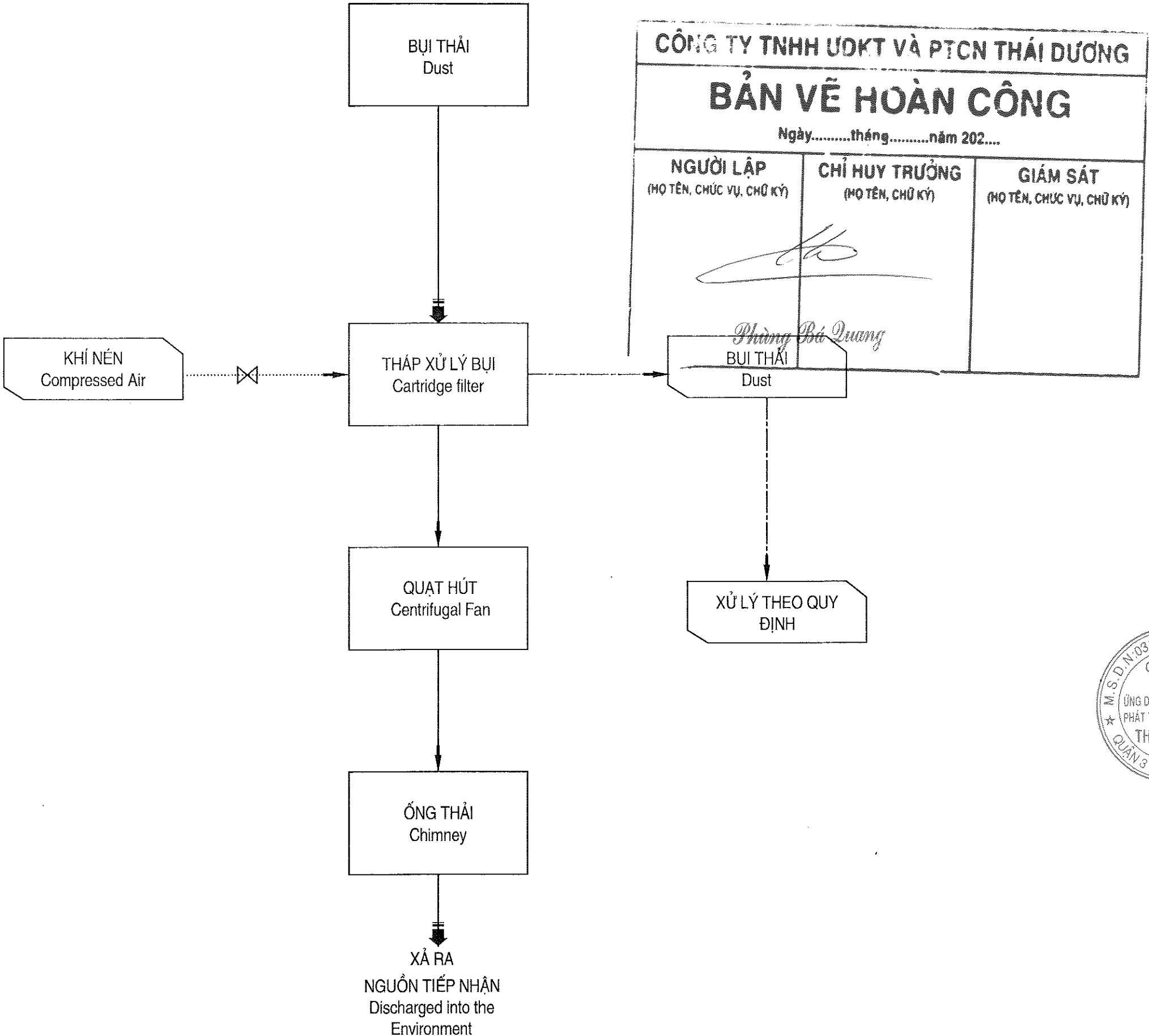
THÁI DƯƠNG



GIÁM ĐỐC

Phùng Bá Quang

BẢN VẼ SƠ ĐỒ KHỐI HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN TÍNH ĐIỆN



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ACE PACIFIC
CÔNG TY TNHH ACE
PACIFIC
VIỆT NAM
Số 104/8, KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai

THẨM ĐỊNH:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:

NGÀY: LÀN: MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những
khắc biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.

ĐƠN VỊ LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

THÁI DƯƠNG

Địa chỉ: Xã Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaiduong.kdo@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

Phùng Bá Quang

CHỦ TRÌ:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

KIỂM TRA:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

VẼ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN: **XƯỞNG SẢN XUẤT**
ACE PACIFIC

Nhơn Trạch, Đồng Nai

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG LỌC BỤI

CÔNG SUẤT: **9000** M³ / GIỜ

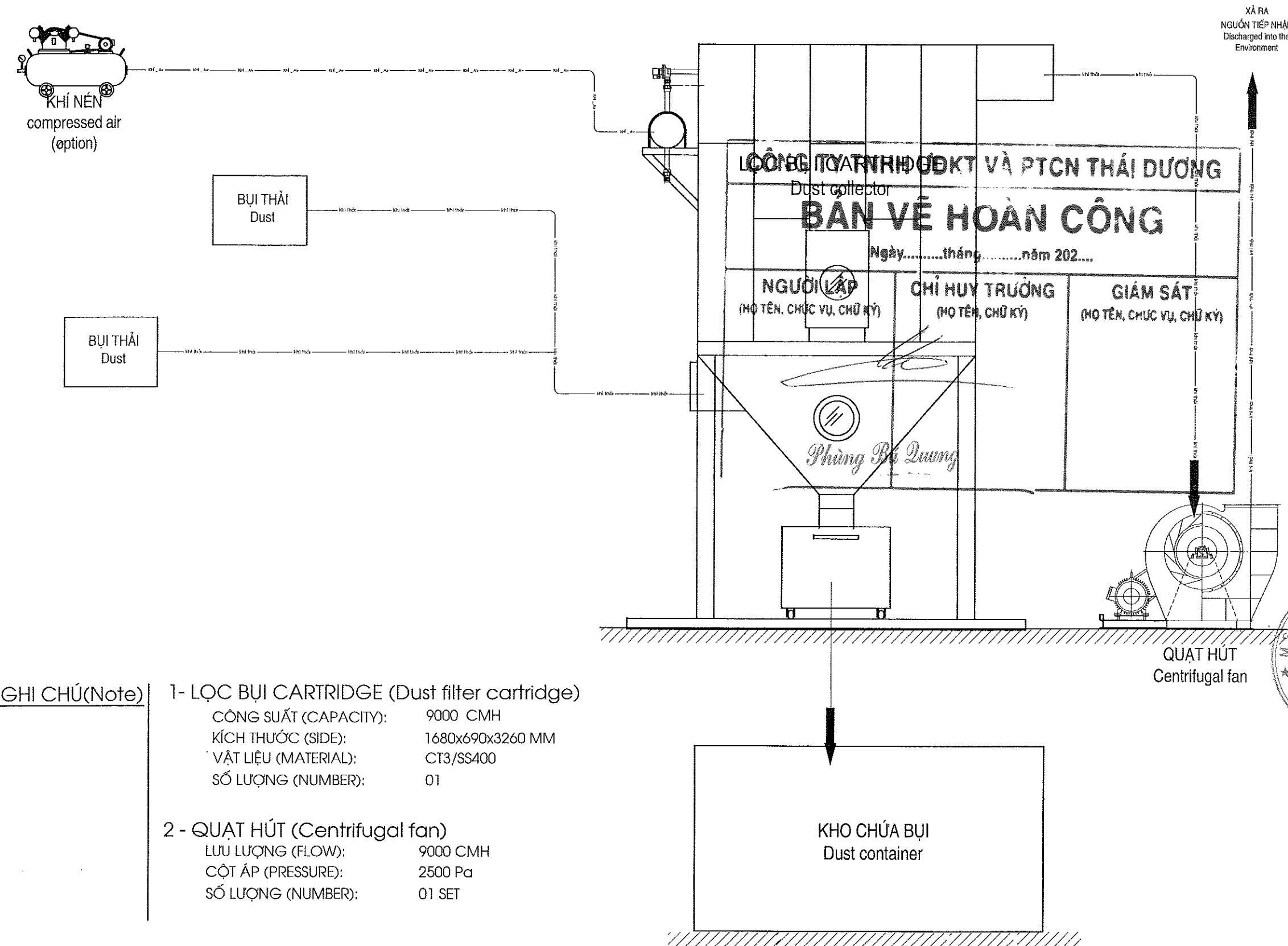
TÊN: **SƠ ĐỒ KHỐI**

KÍCH CỠ: A3 MÃ:

TỈ LỆ: NTS NGÀY: 12/2024

SỐ BẢN VẼ: **001**

BẢN VẼ SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN TĨNH ĐIỆN



GHI CHÚ(Note)

1- LỌC BỤI CARTRIDGE (Dust filter cartridge)

CÔNG SUẤT (CAPACITY): 9000 CMH
KÍCH THƯỚC (SIDE): 1680x690x3260 MM
VẬT LIỆU (MATERIAL): CT3/SS400
SỐ LƯỢNG (NUMBER): 01

2 - QUẠT HÚT (Centrifugal fan)

LƯU LƯỢNG (FLOW): 9000 CMH
CỘT ÁP (PRESSURE): 2500 Pa
SỐ LƯỢNG (NUMBER): 01 SET

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ACE PACIFIC
VIỆT NAM
Lô 104/B, KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai

THẨM ĐỊNH:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:

NGÀY: LÀN: MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo Minh trước đã được xác định. Phải thông báo cho trước khi tiến hành.
Khác biệt về Minh trước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.

ĐƠN VỊ LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

THÁI DƯƠNG

151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaiduong.td@gmail.com

CHỦ TRƯỞNG:

PHÙNG BÁ QUANG

CHỦ TRƯỞNG:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

KIỂM TRA:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

VỀ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN: XƯỞNG SẢN XUẤT

ACE PACIFIC

Nhơn Trạch, Đồng Nai

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG LỌC BỤI

CÔNG SUẤT: 9000 M³ / GIỜ

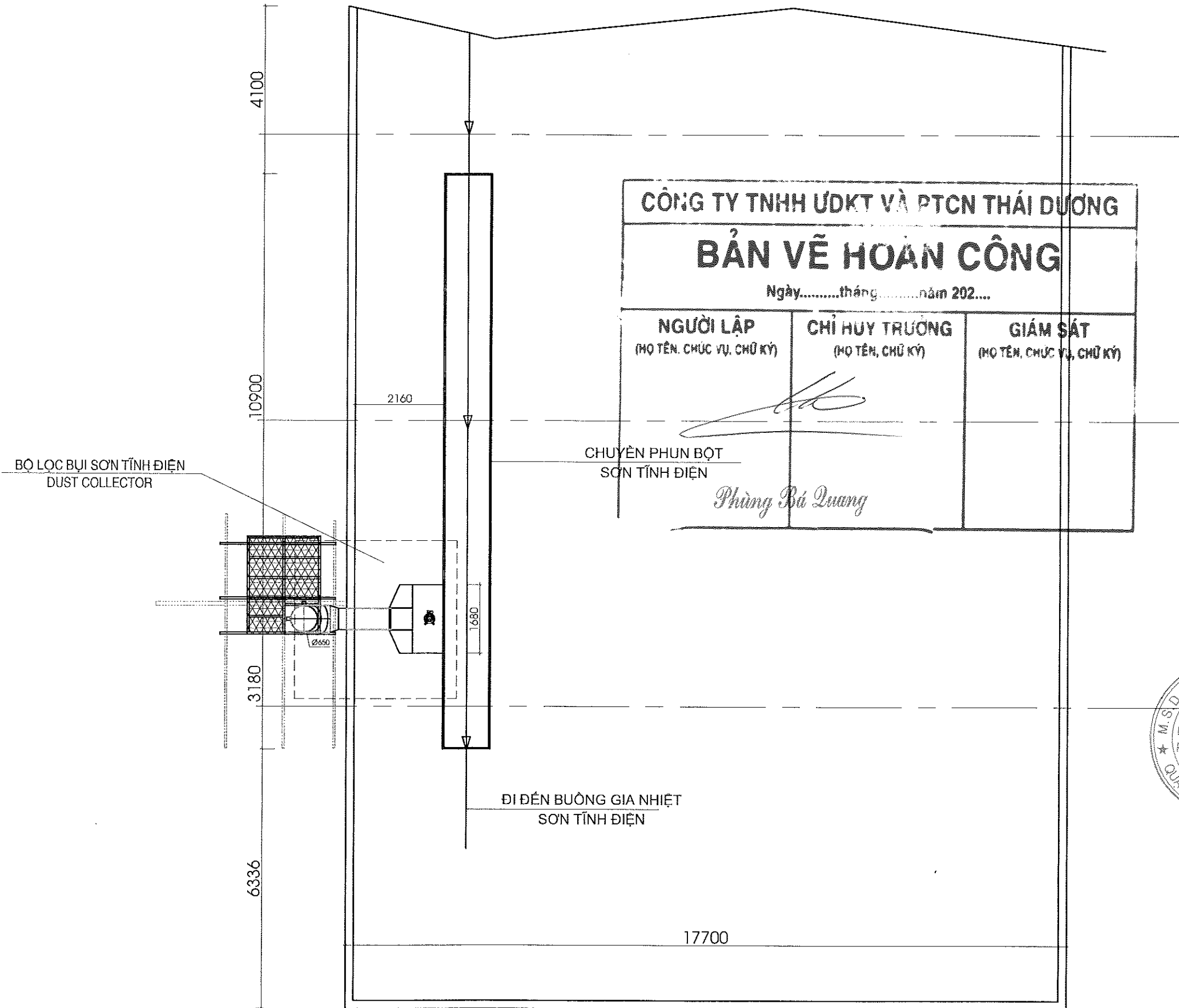
TÊN: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

KÍCH CỠ: A3 MÃ:

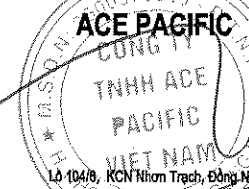
TỈ LỆ: NTS NGÀY: 12/2024

SỐ BẢN VẼ: 002

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG LỌC BỤI SƠN TĨNH ĐIỆN



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN



THẨM ĐỊNH: 

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:		
NGÀY:	LẦN:	MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi sản xuất.

ĐƠN VỊ LẬP BẢN VỀ HOÀN CÔNG :

CTY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG

151 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaihuong.tdc@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
PHÒNG BÁ QUANG

CHỦ TRƯỞNG: NGUYỄN HOÀNG LAM

KIỂM TRA:
NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIỆT KẾ:
NGUYỄN SONG THƯỢNG

VỀ: NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN: **XUẤT SẢN XUẤT**
ACE PACIFIC

HẠNG MỤC: Nhơn Trạch, Đồng Nai
HỆ THỐNG LỘC BỤI

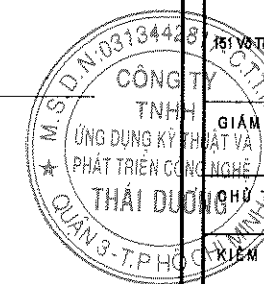
CÔNG SUẤT: 9000 M³ / GIỜ

TÊN: CHI TIẾT LẬP ĐẶT

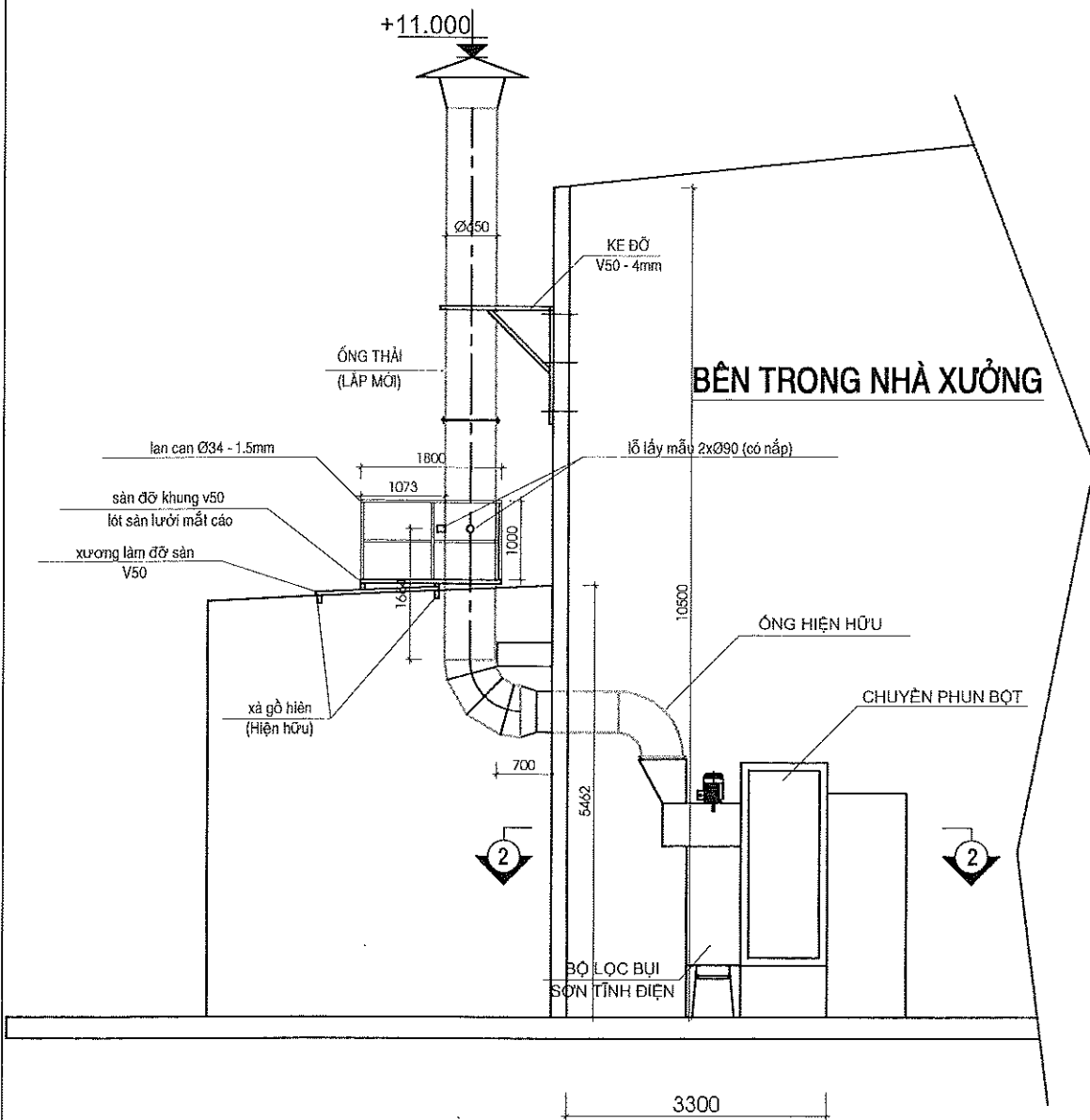
KICH CỎ: A3 MÃ:

TÌ LỆ: NTS NGÀY: 12/2024

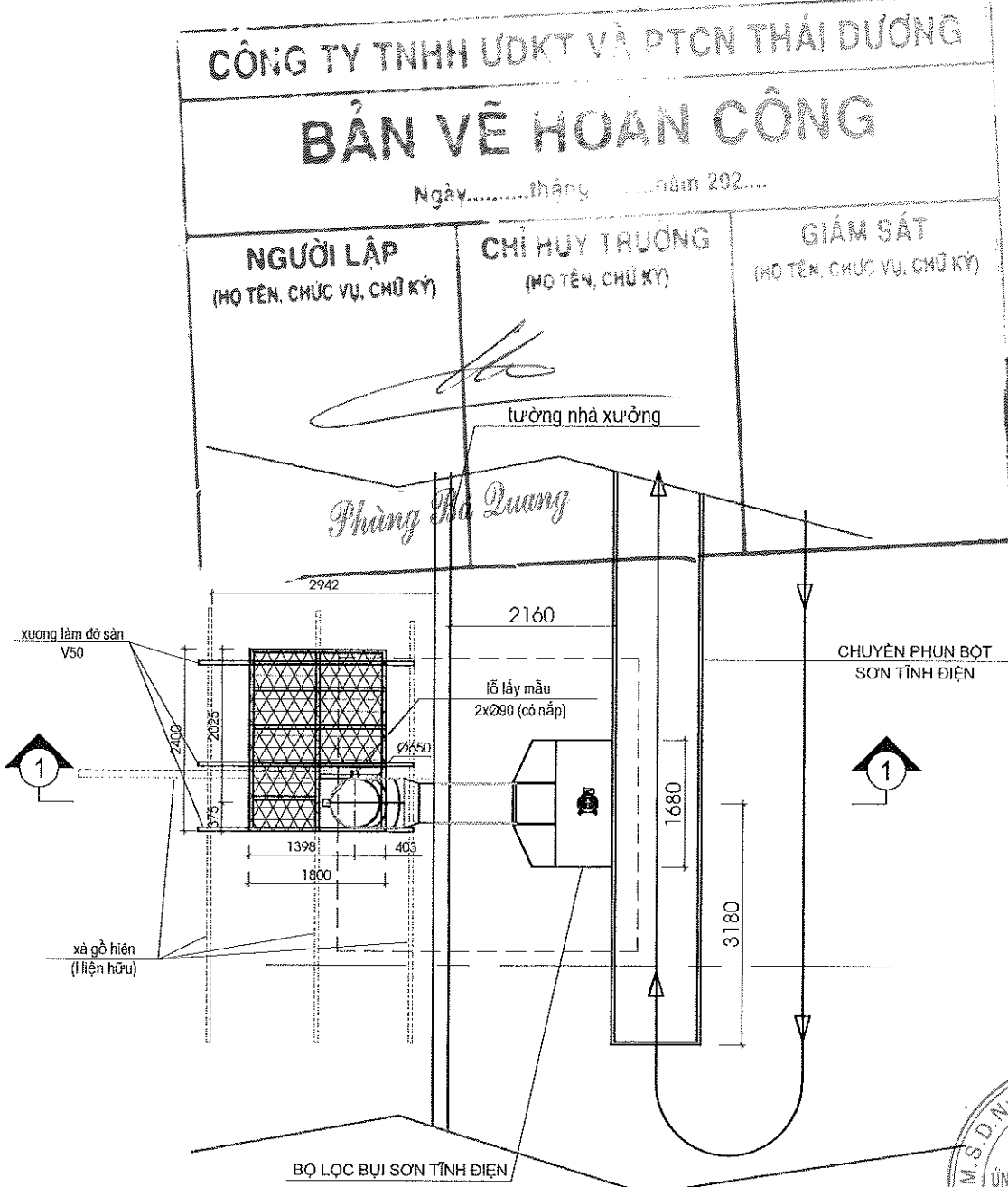
SỐ BẢN VẼ: 003



BẢN VẼ MẶT BẰNG - MẶT ĐỪNG LẮP ĐẶT



MẶT ĐỪNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
SCALE: 1/100



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
SCALE: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ACE PACIFIC
TNHH ACE
PACIFIC
VIỆT NAM
Lô 104/8, KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai

THẨM ĐỊNH:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHÍNH SỬA:

NGÀY: LÀN: MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những
thay đổi về kích thước, nếu phát hiện được trước khi sản xuất.

ĐƠN VỊ LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG

161 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaiduong.tdc@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

PHÙNG BÁ QUANG

CHỦ TRƯỞNG:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

KIỂM TRA:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

VẼ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN: **XƯỞNG SẢN XUẤT
ACE PACIFIC**

HẠNG MỤC:

Hệ thống lọc bụi

CÓNG SUẤT: 9000 M³ / GIỜ

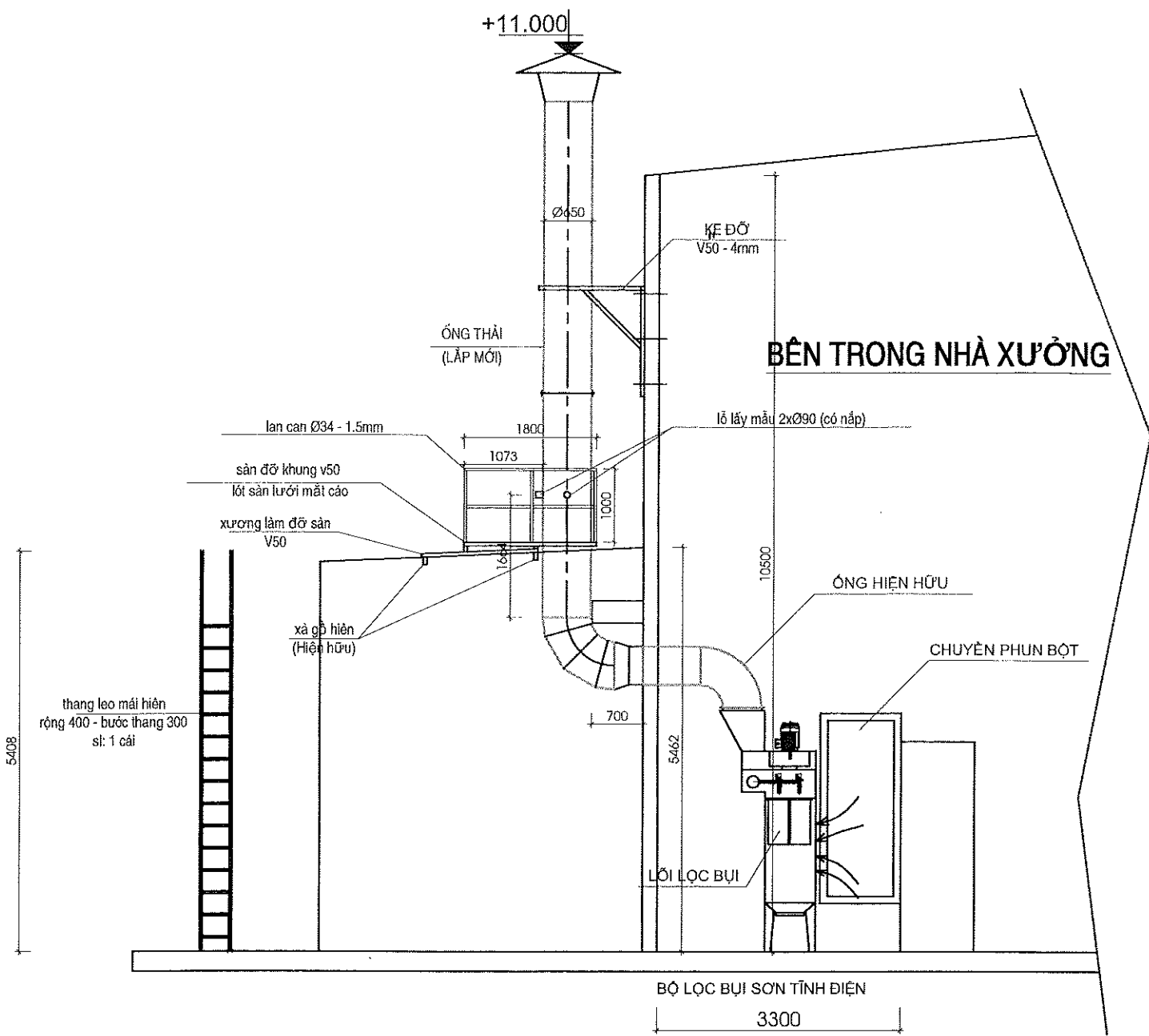
TÊN: CHI TIẾT LẮP ĐẶT

KÍCH CỠ: A3 MÃ:

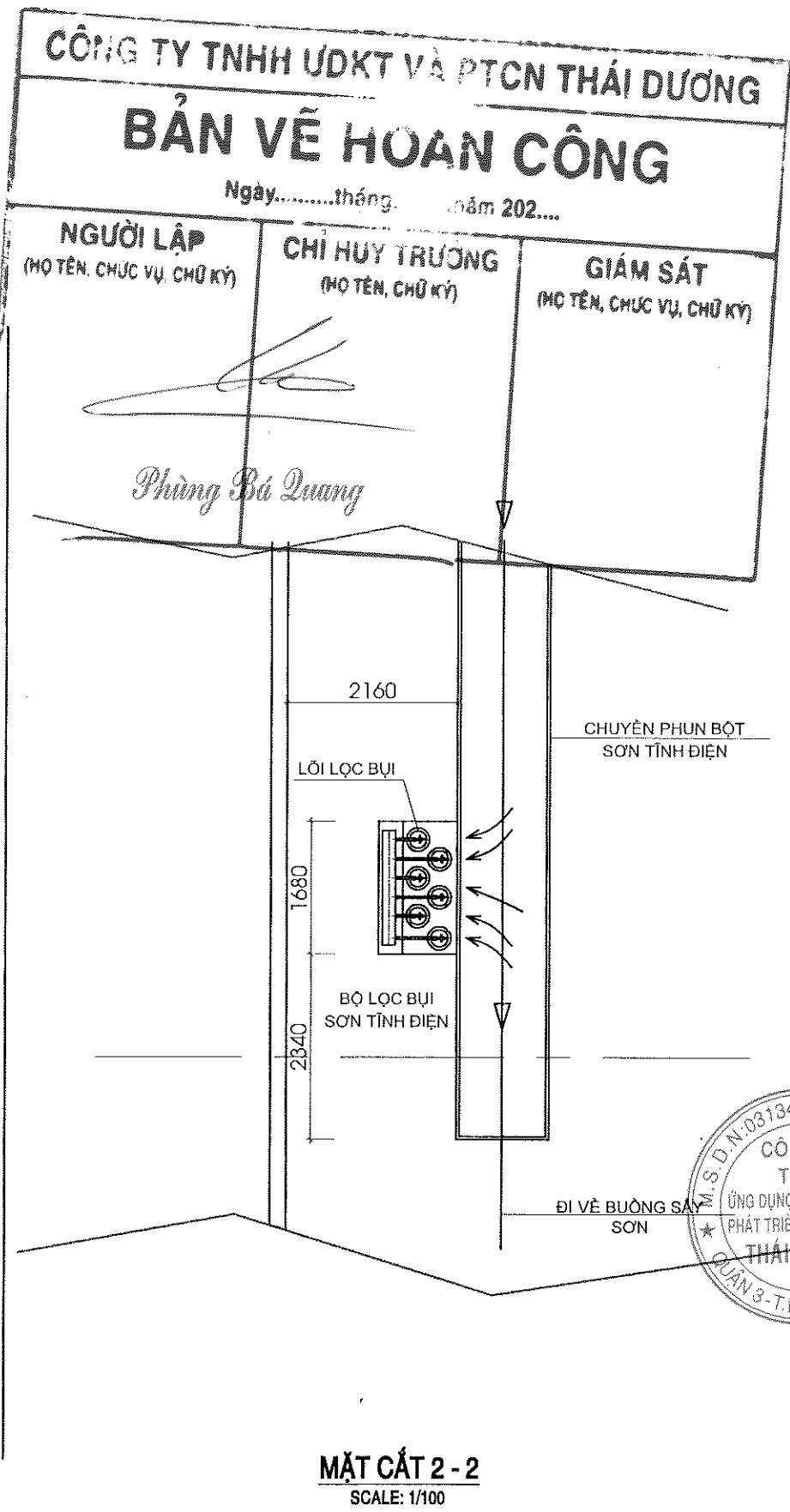
TỈ LỆ: NTS NGÀY: 12/2024

SỐ BẢN VẼ: 004

BẢN VẼ MẶT CẮT LẬP ĐẠT



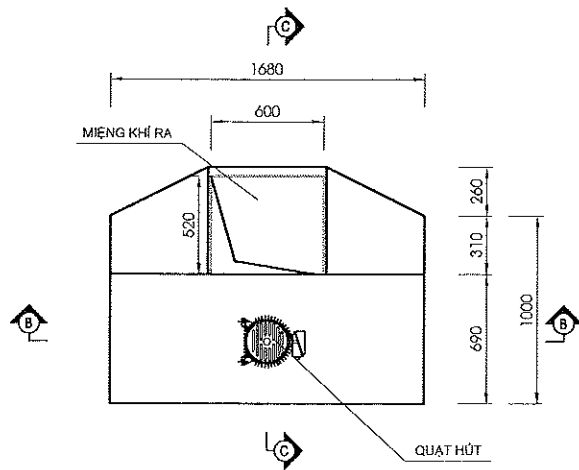
MẶT CẮT 1-1
SCALE: 1/100



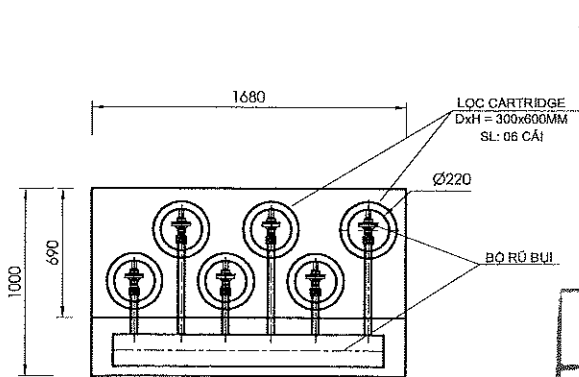
MẶT CẮT 2-2
SCALE: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACE PACIFIC CÔNG TY TNHH ACE PACIFIC VIỆT NAM LÔ 104/8, KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai		
THẨM ĐỊNH:		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
CHỈNH SỬA:		
NGÀY:	LẦN:	MÔ TẢ:
GHI CHÚ: Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những thay đổi về kích thước, nếu phát hiện được trước khi sản xuất.		
ĐƠN VỊ LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG:		
CTY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI DƯƠNG 151 V. Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh Tel : (84) 3520 8743 Fax : (84) 3520 8744 Email: thaiduong.tdc@gmail.com		
GIÁM ĐỐC: PHÙNG BÁ QUANG		
CHỦ TRƯỞNG: NGUYỄN HOÀNG LÂM		
KIỂM TRA: NGUYỄN HOÀNG LÂM		
THIẾT KẾ: NGUYỄN SONG THƯỢNG		
VẼ: NGUYỄN SONG THƯỢNG		
DỰ ÁN: XƯỞNG SẢN XUẤT ACE PACIFIC		
HẠNG MỤC: Nhóm Trích, Đồng Nai HỆ THỐNG LỌC BỤI		
CÔNG SUẤT: 9000 M ³ / GIỜ		
TÊN: CHI TIẾT LẬP ĐẠT		
KÍCH CỠ: A3 MÃ:		
TỈ LỆ: NTS NGÀY: 12/2024		
SỐ BẢN VẼ: 005		

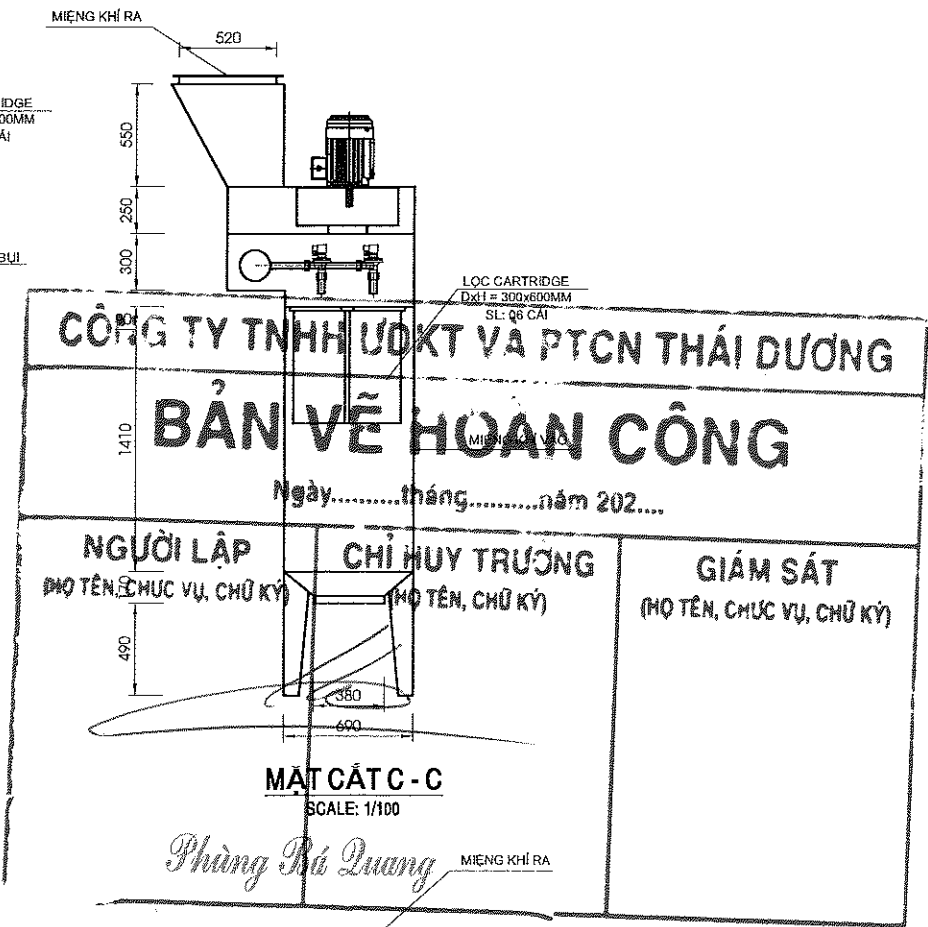
BẢN VẼ CHI TIẾT THÙNG LỌC BỤI CARTRIDGE



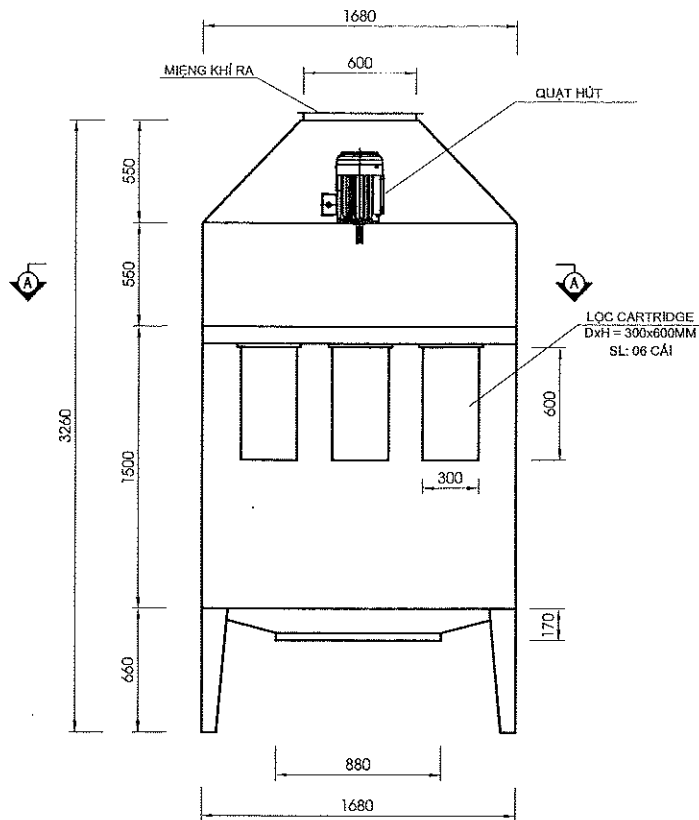
MẶT BẰNG
SCALE: 1/100



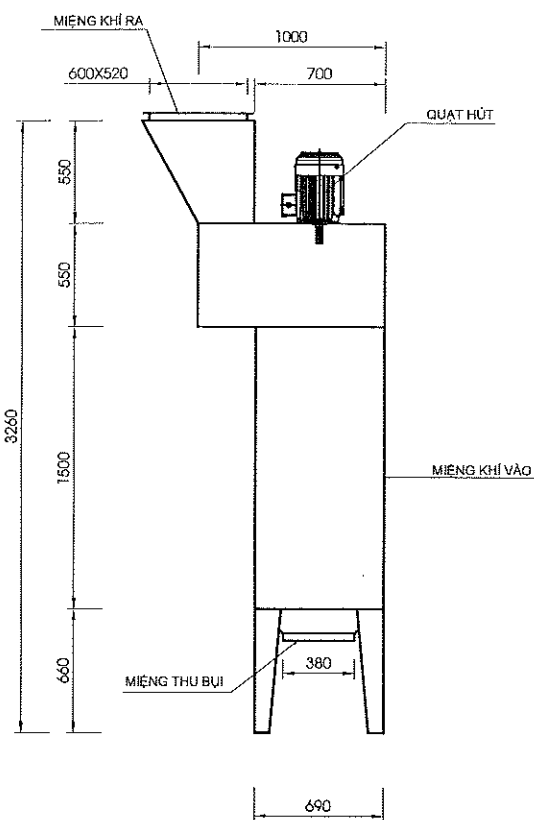
MẶT CẮT A - A
SCALE: 1/100



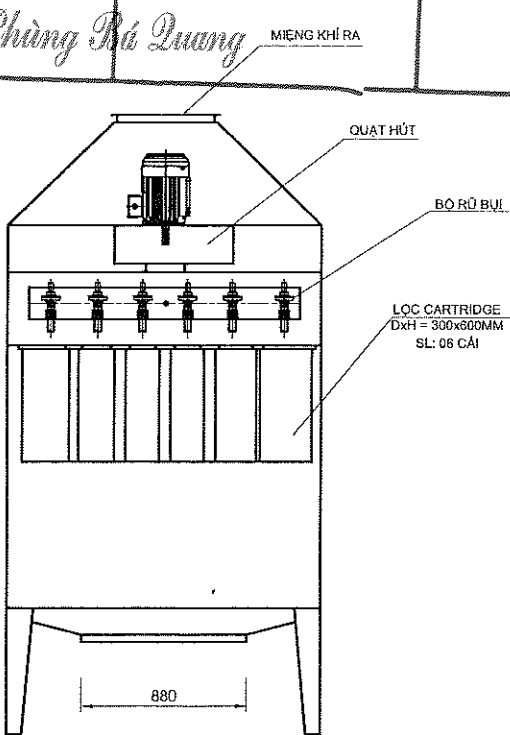
MẶT CẮT C - C
SCALE: 1/100



MẶT ĐỨNG (TRƯỚC)
SCALE: 1/100



MẶT ĐỨNG (MẶT BÊN)
SCALE: 1/100



MẶT CẮT B - B
SCALE: 1/100



THẨM ĐỊNH:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỈNH SỬA:

NGÀY: LÀN: MÔ TẢ:

GHI CHÚ:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.

ĐƠN VỊ LẬP BẢN VẼ HOÀN CÔNG:

CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG KỸ THUẬT & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÁI DƯƠNG

131 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84) 3520 8743 Fax: (84) 3520 8744
Email: thaiduong.ltd@gmail.com

NGƯỜI DẪN ĐỌC:
PHÙNG BÁ QUANG
CHỦ TRÌ:
NGUYỄN HOÀNG LÂM

KIỂM TRA:

NGUYỄN HOÀNG LÂM

THIẾT KẾ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

VẼ:

NGUYỄN SONG THƯỢNG

DỰ ÁN: XƯỞNG SẢN XUẤT
ACE PACIFIC

HẠNG MỤC: Nhơn Trạch, Đồng Nai
HỆ THỐNG LỌC BỤI

CÔNG SUẤT: 9000 M³/ GIỜ

TÊN: CHI TIẾT LẮP ĐẶT

KÍCH CỠ: A3 MÃ:

TỈ LỆ: NTS NGÀY: 12/ 2024

SỐ BẢN VẼ: 006